

Tác Giả và Tác Phẩm

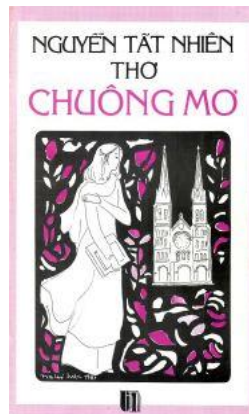
Nguyễn Tất Nhiên (I)

Tiểu sử

Tên thật: Nguyễn Hoàng Hải.
Sinh năm 30.5.1952 tại Đức Tu, Biên Hòa.

Tác phẩm

Nàng thơ trong mắt (Thơ, 1966); *Dấu mưa qua đất* (Thơ, 1968); *Thiên tai* (Thơ, 1970)



Mục Lục

Vài hàng về tác giả – 2

- Chuyện tình nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên – Đoàn Vi Thượng - 3
- Một chuyện dài không có tên – Trần Thị Bông Giấy – 8
- Tim ở sao trời – Hoàng Mai Đạt – 18
- Nguyễn Tất Nhiên, nhà thơ biểu tượng - Nguyễn Bảo Hưng - 27
- Nguyễn Tất Nhiên, thơ như lời thiên định – Nguyễn Mạnh Trinh - 38
- Nguyễn Tất Nhiên – Vĩnh Hào - 45

Phụ đính I :

Chùm thơ Nguyễn Tất Nhiên
và
Những bài viết liên quan đến thơ của tác giả

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả



Ông tên thật là Nguyễn Hoàng Hải, sinh ngày 30-5-1952 tại xã Bình Trước, quận Đức Tu, tỉnh Biên Hòa. Lúc còn trẻ ông còn có biệt danh là Hải Khùng.

Ông làm thơ rất sớm. Đầu thập niên 70 ở miền Nam, phong trào thơ phổ nhạc lên cao, thơ Nguyễn Tất Nhiên được công chúng rộng rãi biết đến. Ca từ của ông được phổ nhạc đi vào thành ngữ dân gian. Thơ ông thành hiện tượng quần chúng, với vô số bản tán bên lề. Hơn ba mươi năm sau, những cụm từ, câu thơ của Nguyễn Tất Nhiên vẫn vương vấn những trang *chat* sinh viên, học trò ngày nay.

Nguyễn Tất Nhiên vượt biên năm 1978, định cư ở Pháp, sau sang Mỹ. Ông tiếp tục sáng tác với một giọng trầm ngâm, buồn, cho tới khi tự sát ngày 3.8.1992 tại California.

Theo lời nhà thơ Thái Thụy Vy (người cùng quê với ông), hồi chưa nổi tiếng, trời nắng chang chang mà anh ưa mặc cái manteau mua ở khu Dân sinh, mồ hôi nhễ nhại, ưa đạp xe đạp đi của cô em Bắc Kỳ nhỏ nhỏ tên Duyên; anh nhỏ hơn tôi đúng một con giáp, tuổi Thìn; anh thường làm thơ in ronéo đi phát không cho nữ sinh, họ đều quăng vào thùng rác, đến lúc Vĩnh Phúc và Nguyễn Xuân Hoàng dạy trường Ngô Quyền gửi đăng ở tạp chí Sáng Tạo của Mai Thảo, được Phạm Duy và Nguyễn Đức Quang phổ các bản "Thà như giọt mưa vỡ trên tượng đá", "Trúc đào", "Vì tôi là linh mục", "Em hiền như ma soeur", "Kìa cô em Bắc kỳ nhỏ nhỏ", "Hai năm tình lận đận" thì nữ sinh ùn ùn kiếm mua thơ anh; Nguyễn Tất Nhiên sau lấy Minh Thủy, xóm Cây Me, chú út tôi là Kiến trúc sư Đỗ Hữu Nam lấy chị thứ ba là Minh Vân....
... Lúc Nguyễn Tất Nhiên quỳn sinh trước cửa chùa Việt Nam, California, anh chưa được trông thấy tác phẩm "Minh Khúc" của anh ra đời. Quỳn thơ này đang bị tranh chấp giữa Minh Thủy và gia đình Nguyễn Ngọc (cha của Nguyễn Tất Nhiên) chưa ngã ngũ"

Một số bài thơ nổi tiếng của Nguyễn Tất Nhiên:

- Duyên của tình ta con gái Bắc
- Em hiền như ma-sơ
- Cô Bắc Kỳ nhỏ nhỏ
- Hai năm tình lận đận
- Linh mục
- Trúc đào
-

Một số ca khúc Phạm Duy phổ thơ Nguyễn Tất Nhiên:

- Thà như giọt mưa (Duy Quang, Lệ Thu trình bày)
- Em hiền như ma-sơ (Don Hồ, Duy Quang trình bày)
- Hai năm tình lận đận (Duy Quang trình bày)
- Cô Bắc Kỳ nhỏ nhỏ (Duy Quang trình bày)

Chuyện tình nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên Đoàn Vi Thương

Có thể nói thơ và chuyện tình của Nguyễn Tất Nhiên trở thành một hiện tượng nổi bật tại miền Nam vào những năm đầu thập niên 1970. Ông làm thơ hay – điều đó là hiển nhiên, nhưng chuyện tình được “rêu rao” trong thơ ông khiến dư luận hết sức chú ý. Nguyễn Tất Nhiên yêu rất thật và thơ ông cũng phản ánh quá thật những tâm tình nóng hổi khi yêu làm cho giới bạn đọc, nhất là học sinh, sinh viên đều có những đồng cảm sâu sắc.

Duyên của tình ta con gái Bắc

Nguyễn Tất Nhiên tên thật là Nguyễn Hoàng Hải, sinh năm 1952, tại Biên Hoà (Đồng Nai). Năm đệ tứ (lớp 9), ông để ý đến một cô bạn học người Bắc, tên Bùi Thị Duyên rất xinh đẹp. Chính vào năm đó, Nguyễn Tất Nhiên bắt đầu làm thơ. Thật đáng kinh ngạc, những bài thơ đầu tay đã có sự cuốn hút lạ thường nên chỉ vài năm sau đó ông đã sớm nổi danh. Với những bài thơ này – chủ yếu viết cho Duyên, Nguyễn Tất Nhiên đã tập hợp in thành tập mang tên “Thiên Tai” khi học lớp đệ nhất (lớp 12) và thân hành mang đi bán tại các lớp trong trường.

Khi tập thơ phát hành, Nguyễn Tất Nhiên nổi tiếng ngay, và vì thế ở Biên Hoà, người ta bắt đầu đồn thổi về chuyện tình Duyên – Nhiên khắp nơi. Sau này, Bùi Thị Duyên kể:

- “4 Tụi này biết nhau từ hồi nhỏ, lúc đó còn ngây thơ, tôi chưa nghĩ gì, còn Nguyễn Tất Nhiên có nghĩ gì hay không thì tôi không biết. Gặp nhau, biết nhau từ lúc 14 – 15 tuổi. Tôi được Nhiên tặng một quyển thơ mà như anh nói chỉ có 3 bản chính đặc biệt (trong số 100 bản), một cho Nhiên, một bản cho tôi, và một bản cho một người quan trọng nào đó. Tôi biết sự hình thành quyển thơ là từ tôi mà ra chứ không phải không, nhưng thật ra chúng tôi chẳng có gì hết, bạn bè trong lớp ai cũng biết. Dĩ nhiên là tôi rất xúc động vì một quyển thơ viết cho tôi. Nhưng tôi đã gặp và nói với Nguyễn Tất Nhiên rằng mình chỉ là bạn thôi, nếu Nhiên muốn đi xa hơn nữa thì tôi không gặp Nhiên đâu. Sau đó anh ấy cũng công nhận chỉ muốn là bạn, nhưng thật ra nói thế cho qua để mà còn tiếp tục được gặp tôi”.

Cũng cần được nói thêm, ở Biên Hoà thời ấy có rất nhiều nhà thờ. Là người theo đạo, Bùi Thị Duyên hay đi lễ, và những buổi sáng hay chiều, anh chàng làm thơ si tình Nguyễn Tất Nhiên thường ngồi trong quán cà phê bên đường để ngắm nhìn người đẹp đi ngang qua. Ất hẳn đã nhận ra tình mình chỉ là đơn phương, thơ của ông viết cho Duyên đa phần là thờ than, trách móc, có khi rất... dữ dội.

Bài thơ đầu tiên ông làm cho Duyên đã có tên là “Khúc tình buồn”, sau đó nhạc sĩ Phạm Duy phổ thành bản nhạc “Thà như giọt mưa” hầu như ngày nào cũng được phát trên Đài phát thanh Sài Gòn, được giới học sinh, sinh viên mua, chép, chuyền tay nhau với tất cả sự thích thú vốn có của tuổi trẻ:

Thà như giọt mưa
Vỡ trên mặt Duyên
Để ta nghe thoảng
Tiếng mưa vội đến
Những giọt run run
Ướt ngọn lông măng
Khiến người trăm năm
Đau khổ ăn năn
Khiến người tên Duyên
Đau khổ ăn năn

Khiến người tên Duyên
Đau khổ muôn niên.

Với cái tên Duyên được “rêu rao” trong ca từ một cách mê thiết như thế, cảm xúc của người nghe như được nhân lên gấp bội, cho nên bản nhạc cũng như tên tuổi của Nguyễn Tất Nhiên nhanh chóng được lan truyền rất rộng rãi. Tiếp sau bản nhạc đó, và ngoài tập thơ “Thiên Tai”, Nguyễn Tất Nhiên còn tiếp tục làm nhiều thơ “ai oán” cho Bùi Thị Duyên. Như bài “Duyên của tình ta con gái Bắc” với những câu... ẩn tượng:

.....
Nghe nói em vừa thi rớt Luật
Môi trâm anh tàn héo nụ xa vời
Mắt công nương thềm khép mộng chân trời
Xin tội nghiệp lần đầu em thất vọng!
(Dù thật sự cũng đáng đời em lắm
Rớt đi Duyên, rớt để thương người!)
.....

Thế nhưng, dường như trái tim của Bùi Thị Duyên vẫn không hề mềm sùng trước những bài thơ ướm át đó, thậm chí ngược lại đã có nhiều hờn trách từ phía gia đình bà dành cho nhà thơ tài hoa si tình.

Cả dư luận, trong khi thán phục, tìm đọc thơ của Nguyễn Tất Nhiên cũng bắt đầu tỏ ý phê phán ông “độc ác” với người-tình-không-trái-tim Bùi Thị Duyên. Để đến nỗi, khoảng năm 1973, Nguyễn Tất Nhiên thật sự mệt mỏi (chữ của ông hay dùng trong thơ) với cuộc tình tuyệt vọng của mình và làm bài thơ coi như là bài cuối cùng dành cho Duyên, trong đó ông “dững cảm” tự nhận mình là một “tên quái đản”, là người “câu danh vọng trên nước mắt người tình” như một tạ lỗi:

Năm năm trời... ta làm tên quái đản
Cầu danh trên nước mắt của người tình
Năm năm trời có nhục có vinh
Có chua, chát, ngọt, bùi, cay, đắng...
Có hai mái đầu chia nhau thù oán
Có thằng ta trút nạn xuống vai em!
Năm năm trời... có một tên Duyên
Ta ca tụng, rồi chính ta bôi lọ
Tình ta đẹp nhưng tính ta còn nít nhỏ
Nên lỗi lầm đã đục màu sông
Nếu em còn thương mến tuổi mười lăm
Xin nuốt hận mĩm môi cười xí xóa
Hồn ta đẹp nhưng đời ta thảm quá
.....
(Tạ lỗi cùng người)

Em hiền như ma soeur

Cũng trong thời kỳ Nguyễn Tất Nhiên học đệ nhất (lớp 12) và xuất bản tập thơ “Thiên tai”, ông có chú ý đến một cô bạn học chung trường khác tên là Nguyễn Thị Minh Thủy.

Minh Thủy không đẹp bằng Bùi Thị Duyên nhưng cũng xinh xắn, dễ thương, học giỏi nhất trường, có thể nói là tài năng toàn diện, đặc biệt là hết sức dịu dàng. Đã biết chắc rằng tình yêu mình dành cho Duyên là vô vọng, Nguyễn Tất Nhiên tỏ ra sẵn đón Minh Thủy hơn. Vốn có bản

tính dịu dàng, Minh Thủy không tỏ ra từ chối tình yêu của nhà thơ mà chỉ im lặng nửa nhận nửa không. Cứ mỗi khi tan trường, đang đi bên cạnh cô bạn học, nhắc thấy chiếc Honda của Nguyễn Tất Nhiên lạng lại từ xa là Thủy vội đẩy bạn ra phía ngoài, còn mình đi bên trong để tránh tiếp xúc trực tiếp. Những lần như thế, thư từ, quà cáp của nhà thơ được cô bạn nhận giúp và sau đó chuyển lại cho Thủy. Bà kể về thời đó:

- “Có lần anh ấy dúi vào tay bạn tôi một cái bọc và nói trước khi phóng xe đi: “Thuốc bổ óc đó, một cho Dung (tên bạn tôi) và một cho Thủy, ráng thức để mà học thi”. Tôi cũng cảm động, vui vui một chút. Anh chàng làm thơ mà cũng biết điệu đó chứ”.

Tuy vậy, khi thấy “hiện tượng” mối tình Nhiên – Duyên rộ lên cả trường, cả tỉnh, cả miền Nam, Minh Thủy cũng rất dè chừng. Lần nọ, bà quyết định gom hết tất cả quà cáp, thư tình của Nguyễn Tất Nhiên lâu nay gửi cho mình đem đến nhà bạn, nhờ bạn trả lại hết. Sự kiện đó đã làm cho nhà thơ si tình chấn động. Ông viết ngay bài thơ “Kẻ tự đóng đinh tim” cho Minh Thủy:

Vì chẳng được cầm tay nhau kể lễ
Nên chuyện tình cứ thế, thắm hơn
Chúa cũng cau mày ngắm nỗi cô đơn
Của một kẻ đóng tim mình trên thập giá!

Chiều em đi học về, thơm tóc thả
Áo suông eo trinh bạch cả giáo đường
Ta ngọt ngào gọi khẽ, người đi luôn
Nên lủ thiên thần bỗng nhiên thất chí
Bay xuống trần gian làm thi sĩ
Nâng Thánh Kinh mà hát thơ tình
Có con chiên nào thoáng ngạc nhiên
Rồi lại đắm chìm trong vãn nhã nhạc...
Chiều em đi học về, chim trắng bước
Ngang giáo đường nhòe nhoẹt màu vôi phai
Có động lòng xin hãy rút khăn tay
Lau giùm mắt kẻ xương bày trên thánh giá
Là ta đó, em ơi, đang tâm tã
Mưa đầy hồn đau đớn thương thân
Lỡ yêu tín đồ phải chấp nhận gian truân
Phải muối mặt giao du cùng quý sử
Tính nhân hậu đã hồi nào hóa dữ
Chỉ vì em lạnh lặn quên chàng
Chỉ vì em... gỡ nhẹ cửa thiên đàng
Bình than gửi cho hai hàng bím tóc!

Vì chẳng được ra đường đứng, khóc
Nên hình hài cứ thế, ốm o hơn
Đời không dung dứa tự thị ngông cuồng
Người cũng thể nhìn ta chán ghét
Ta điên đảo, người đâu cần hay biết
Ta té lên té xuống chẳng ai màng
Ta còng lưng gánh bụi giữa hoàng hôn
Người lãnh đạm hắt ta rơi vực tối!

Chúa cũng lắc đầu vô phương cứu rỗi
(Cứu rỗi làm gì một thứ nghênh ngang

Cứ nổi cơn đòi Thượng Đế ngang hàng
Đấng Ngàn Tuổi tim già khô độ lượng!)

Ta phải chết cho Nước Trời thịnh vượng
Cho thánh thần chúc phúc bình an
Cho em còn mãi mãi dịu hiền ngoan
Mà hãnh diện có thằng đen đúa
Luôn nhăn nhó mặt mày chê Chúa khó
Nhưng cắn răng không hở miệng trách em!

Trong một bài khác, ông còn trách cụ thể về việc Minh Thủy đã từng nhận thư, quà của ông như sau:

.....
Ta vẫn nhớ trưa nào em ngồi hát
Ta thêm hôn lên mắt tiểu thư buồn
Ta vẫn ăn năn những lúc đón đường
Em khó chịu mà thư nào cũng nhận!

.....
(Giữa trần gian tuyệt vọng)

Cũng là thơ hờn trách nhưng có gì nhẹ nhàng, dằm thắm hơn chứ không “phẫn uất” như thơ viết cho Bùi Thị Duyên, vì Nguyễn Tất Nhiên đã nhận ra vẻ dịu dàng “Em hiền như ma soeur” của Minh Thủy. Phải nói những bài thơ ông viết cho Minh Thủy tình tứ, cảm động hơn, dù “chuyện tình” này không ồn ào như với Bùi Thị Duyên. Hình ảnh thất bính tóc của Minh Thủy đi vào thơ ông thơ mộng lắm, ngay cả khi có nguy cơ hai người chia tay:

Em không còn thất bính
Nuôi dưỡng thời ngây thơ
Anh không còn luýnh quính
Giữa sân trường trao thư

.....

Em thường hay mắt liếc
Anh thường ngóng cổ cao
Ngoài đường em bước chậm
Quán chiều anh nôn nao

.....

Hai năm tình lận đận
Hai đũa cùng xanh xao
Hai năm trời mùa lạnh
Hai đũa cùng hư hao

.....

(Hai năm tình lận đận)

Lên đại học, Nguyễn Tất Nhiên vào học Luật khoa, Minh Thủy vào Vạn Hạnh, Sài Gòn. Từ đó, hai người hầu như không còn gặp nhau. Thế nhưng, thỉnh thoảng trên báo, ông vẫn có thơ cho Minh Thủy, như đoạn thơ dưới đây là một, vẫn da diết lắm:

Trời mưa, không lớn lắm
nhưng đủ ướt đôi đầu!

tình yêu, không đáng lắm
nhưng đủ làm... tiêu nhau!

.....

em tính còn ham chơi
lưng ngoan dòng tóc bính
mỗi trịnh non thích cười
chiều chiều hay giỡn nắng
tình trôi kệ tình trôi

.....

(Thơ Khởi Tự Mê Cường)

Thì xin nhắn nhục cựu mang vợ chồng

Năm 1975, biến cố đất nước. Chính sự kiện này đã vô tình “đẩy” Nguyễn Tất Nhiên và Minh Thủy gặp lại nhau, ấy là khi cả hai cùng trở về Biên Hoà sinh sống. Nguyễn Tất Nhiên đi làm... rẫy ở Long Thành (Đồng Nai), Minh Thủy làm nhân viên hợp tác xã ở thành phố. Dường như sự bình lặng của thời kỳ này đã làm “nguội” những sôi nổi bốc đồng của tình yêu tuổi trẻ một thời. Hai người đến với nhau có vẻ thanh thản, hiểu đời hơn. Tình yêu từ đó được nối lại.

Năm 1978, họ chính thức làm đám cưới. Tuy nhiên, với một tâm hồn quá mẫn nhạy, thậm chí hơi khác thường, ngay cả khi chuẩn bị chuyển từ vị trí người tình thành người chồng, Nguyễn Tất Nhiên vẫn có những bài thơ dự cảm rằng mình không xứng với sự dịu dàng, hiền ngoan, với kiểu “con nhà gấm lụa thánh hiền” của Minh Thủy. Nghe người ta chúc “trăm năm hạnh phúc” ông cũng lo nghĩ. Ông viết:

“Phu thê nếu đã nợ rồi
Thì tôi đâu ngại ngỏ lời yêu em
Như con chim mới tập chuyền
Bâng khuâng gắm lụa thánh hiền em ra
Mặt trời rực rỡ phương xa
Ở đây hạnh phúc chỉ là đau thương

.....

Phu thê nếu đã buộc ràng
Thì xin nhắn nhục cựu mang vợ chồng
Tôi quanh năm sống hoang đàng
Cũng xin nhỏ lệ hoàn lương, khóc tình”.
(1978 ở Việt Nam)

Với những bài thơ viết cho người vừa thành vợ của mình, dễ thấy Nguyễn Tất Nhiên yêu Minh Thủy thật tình – thứ tình yêu không còn ai oán, hờn trách, hơn thua như xưa nữa mà đong đầy mặc cảm, lo lắng, làm như tặng người ông thì chỉ yêu thôi chứ đừng cưới, khi yêu thì “hùng hổ” nhưng khi cưới thì “ăn năn”. Như bài “Uyên ương” cái tựa thơ đã rõ là nói về tình vợ chồng, nhưng sao mà... hoài tiếc, thổn thức với những gì đã qua:

....

Có những chiều ta muốn hôn em, rồi khóc
Mùa bình an nào chờ đợi uyên ương?
Nhớ hôm xưa em mảnh khảnh tan trường
Hương trinh khiết ngậy ngậy chiều nắng lụa
Áo đông phương còn e dè trước gió
Đôi tà ngoan chưa phỉ sức tung tăng
Bụi trần gian chưa gợn vượng mi công
Thơ ta sáng theo hồn ta trẻ nhỏ

Nhớ hôm xưa em bình minh thiếu nữ
Môi vô tư chưa bợn nhuốm hơi người
Tay măng tơ chưa vọc nước dòng đời
Tóc bính thành thoi chưa phiền khói thuốc
Ta lẽ đẽo theo tình ê ẩm bước
Để chiều về nghe thắm thía gian nan!
Nhớ hôm xưa em mơ mộng nhẹ nhàng
Hay hát khê đôi bài tình man mác
Trang thư nhỏ ép bông hoa, làm dáng
Cài tơ nhung lên tóc mượt, làm duyên
Cười với tình nhưng... tránh vội sang bên
Như thể sợ tình yêu làm lấm áo!
Chim trong tổ biết chi đời giông bão
Em con cưng nào biết tuổi lưu đày

.....

Với tính cách khác thường của Nguyễn Tất Nhiên như thế, quả nhiên cuộc sống của họ không hạnh phúc lắm, chủ yếu là do “tính nét hoang đàng” cố hữu của Nguyễn Tất Nhiên – như ông thường tự nhận, toàn là “nhấn nhục cưu mang vợ chồng”. Dù đã có với nhau hai con trai, nhưng hai người thường xuyên có những cuộc “di cư” mỗi người một nơi mỗi khi trong nhà có “giông bão”. Năm 1992, trong một lần Minh Thủy dẫn hai con “di cư” như thế thì nghe tin Nguyễn Tất Nhiên đã tự kết liễu đời mình trong một ngôi chùa ở California, Mỹ (họ sang Mỹ từ năm 1978).

Chính Minh Thủy cũng không tin ông chọn giải pháp đó dù quá biết tính cách khác thường của ông. Vì những chuyến “di cư” như thế, đối với bà, chỉ là cách để ông “biết điều” hơn với vợ con mà thôi, nhưng than ôi, “chính vì em mà thiên tài chán sống”, ông đã từng cảnh báo như thế trong một bài thơ thời còn độc thân rồi mà.

Một chuyện dài không có tên Trần Thị Bông Giáy



San Jose. Chủ Nhật 20/9/1992. Một đêm...

Như đã hẹn nhau từ trước, buổi giỗ cúng 49 ngày chết của Nguyễn Tất Nhiên sẽ được tổ chức tại nhà tôi.

Đúng 7 giờ tối, Trần Quảng Nam, Đăng Sơn, Từ Hiếu Côn, mỗi người xách trên tay một chai rượu ngon, cùng xuất hiện. Nguyễn Hữu Liêm cũng hẹn đến, nhưng giờ cuối bận, gọi điện thoại hủy bỏ. Một mâm thức ăn tôi lo từ ban chiều được dọn lên. Ngay "chỗ ngồi" của Nguyễn Tất Nhiên –được xếp giữa Trần Nghi Hoàng và Trần Quảng Nam- có để một cốc gạo cắm ba cây

nhang, cái ly, cái chén và đôi đũa.

Tôi vốn rất sợ các không khí ma chay cúng kiến, nên bỗng dưng thấy rờn rợn gậy gậy mà hình dung rất nhanh đến khuôn mặt và con người Nguyễn Tất Nhiên.

Một buổi tối tháng 4/1991, tôi nhận một cú điện thoại gọi từ Santa Ana. Đầu dây kia là giọng đàn ông nói tiếng Nam, tự xưng Nguyễn Tất Nhiên. Do bởi Trần Nghi Hoàng vắng nhà nên tôi phải tiếp cú điện thoại ấy. Tôi nghe Nhiên nói:

"Tui sắp sửa khởi hành đi San Jose chút nữa đây. Nghe Trần Ngọc nói là lên San Jose, cứ tìm đến nhà vợ chồng Trần Nghi Hoàng, sẽ được tiếp đón. Vậy xin hỏi chị, sáng sớm mai tui đến, có gì bất tiện?"

Tôi hơi khựng vì câu hỏi đột ngột này. Tôi chưa hề quen Nguyễn Tất Nhiên, ngoại trừ một lần duy nhất gặp anh tại hội chợ Tết San Jose năm 1988, được Trần Nghi Hoàng giới thiệu nhưng chẳng nói gì ngoài một cái chào ngẩn ngui. Tuy nhiên, nghĩ rằng anh là bạn Trần Nghi Hoàng, lại do Trần Ngọc - một người tôi rất quý mến - giới thiệu; và nữa, trên khía cạnh giao thiệp bạn bè, giữa Trần Nghi Hoàng và tôi có một sự kết hợp rõ ràng chính xác; nên tôi thấy không có gì trở ngại nếu chấp thuận Nguyễn Tất Nhiên đến nhà mà chưa có sự hội ý với chàng. Vì thế, tôi đáp lời qua điện thoại khi ấy:

"Anh cứ đến. Nhưng sáng mai tới San Jose, nhớ điện thoại cho Trần Nghi Hoàng ra đón."

Vậy là 8 giờ sáng hôm sau, chị Nguyễn Bá Sanh chở Nhiên tới nhà tôi.

Thoạt đầu tôi ngỡ Nguyễn Tất Nhiên chỉ lưu lại đêm ngày. Nào ngờ, buổi sáng thứ nhất, sau khi đưa anh đi uống café và mua ít vật dụng cá nhân, trở về, Trần Nghi Hoàng nói với tôi:

"Thằng Nhiên tội lắm em à! Nó kể là suốt hai năm qua, từ lúc vợ chồng nó thôi hẳn nhau, nó buồn, sống bụi đời không cửa nhà gì cả, chỉ ngủ chùa hay ngủ ngoài xe."

Rồi chàng hỏi:

"Em nghĩ sao nếu mình cho nó ở lại nhà mình để nó kiếm việc làm và tự ổn định một đời sống mới? Bỏ bảo nó là khả năng vợ chồng mình chỉ cư mang nó nổi trong vòng hai tháng."

Tôi đồng ý ngay tức khắc, giao cái phòng của thằng con trai lớn cho Nguyễn Tất Nhiên toàn quyền sử dụng, còn chính thằng bé thì ngủ salon!

Trần Quảng Nam giơ cao chai rượu có cái vỏ rất đẹp phân trần:

"Chai này tôi mua tới 65 đô la, trong khi tiền phúng điếu của Trần Chí Phúc đưa qua tay tôi chỉ có 50 đồng. Lỗ mất 15 đồng bạc!"

Đặng Sơn hỏi:

"Ừa! Tại sao mình không mời Trần Chí Phúc?"

Trần Nghi Hoàng gật:

"Ừ! Phải mời nó chứ! Bữa giỗ này, nguyên nhân phần lớn được tổ chức là nhờ 50 đồng phúng điếu của nó mà nên!"

Nói là làm, chàng đứng lên điện thoại cho Phúc, nhưng chẳng ai bắt máy. Chàng bèn nhấn vào máy, bảo đến ngay!

Trần Quảng Nam rót rượu vào ly Nguyễn Tất Nhiên, giọng diễu cợt:

"Hôm nay ông ăn uống cho đã lần cuối rồi siêu thoát đi nhé!"

Sau đó, mọi người chuyển tay nhau chai rượu. Trước khi uống, ai nấy đều cùng "cụng ly" với Nguyễn Tất Nhiên.

Trần Nghi Hoàng vừa gắp một miếng thịt quay bỏ vào chén Nhiên, vừa khẩn:

"Ông sống cũng chẳng ít lợi gì cho ông hay các người thân, còn làm phiền bạn bè nữa. Bây giờ ông đi là sướng rồi. Tụi tôi ở lại mới cực!"

Tôi nhìn vào ly rượu và chỗ ngồi Nguyễn Tất Nhiên, tưởng tượng cái cười nửa miệng của anh khi nghe các câu chuyện đối đáp của bạn bè trên dương thế.

[Trong các cuộc rượu tại nhà tôi thời gian hai tháng anh lưu trú, Nguyễn Tất Nhiên vẫn thường ngồi cười đại ngây như vậy. Dáng anh cao ráo, tóc tai bờm xờm không chải, áo quần luôn luôn xốc xếch. Anh ít nói, chỉ cười, nhưng mỗi khi nói thì rất hăng, cơ hồ không dứt, nước miếng nước bọt văng ra tứ phía. Trong câu chuyện, luôn luôn anh đề cập đến một ông bác sĩ nào đó tên Tôn Thất Niệm dưới Santa Ana và cứ khẳng khẳng cho rằng ông này đã tìm cách hãm hại cuộc đời anh. Câu chuyện thật hay giả, không ai kiểm chứng; nhưng nó nhảm chán đến nỗi chẳng ai buồn phê phán; trừ ra một lần trong cuộc rượu nhà tôi, Huệ Thu –gặp anh lần đầu- đã mắng thẳng vào mặt anh rằng: "Nếu anh sợ Tôn Thất Niệm thì chứng tỏ anh là một thằng hèn!"]

Từ Hiếu Côn ngồi cạnh Trần Nghi Hoàng, nói nhẹ:
"Sao? Đọc văn tế Nguyễn Tất Nhiên đi chứ!"

Vậy là Trần Nghi Hoàng lôi từ tủ sách bài thơ vừa mới làm xong trưa nay, dành riêng cho dịp này, trao qua tay Đăng Sơn. Mọi người lại "cụng ly" với Nguyễn Tất Nhiên, sửa soạn cho mình cái vẻ trang trọng và chờ nghe bài thơ tế.

Tế Nguyễn Tất Nhiên
'this is a book,
a book on the shelf.'
đây là Nguyễn Tất Nhiên
Nguyễn Tất Nhiên đã chết
ô hô! ai tai!

*[Ngày đầu đến nhà tôi, ngồi trò chuyện một lúc với nhau, tôi nghe Nhiên nói:
"Bấy lâu hư quá! Bây giờ tui phải làm lại cuộc đời!"*

Tôi ngạc nhiên:

"Ừa, sao phải 'làm lại'? Vậy chứ xưa nay anh làm gì?"

Nhiên đáp trong cái cười hề hề:

"Tui làm thính! Bây giờ tui phải bỏ công ra học Anh Văn cho nhuần, nói tiếng Mỹ như gió thì tui nó mới sợ!"

Thấy lối nói chuyện kỳ kỳ của anh, tôi chỉ ngồi im mỉm cười mà chẳng muốn hỏi xem 'tui nó' là ai. Nguyễn Tất Nhiên lại tiếp:

"Thuở đời mình không biết nói tiếng Mỹ, tui nó coi thường nên cứ bày đặt chuyện mà hại mình, ý cho rằng nếu có đi có bớt thì mình cũng chẳng biết đường nào mà nói. À mà chị dạy tui đánh piano nghe?"

Tôi chưa kịp trả lời thì anh đã cười:

"Chị đừng lo! Tui trả tiền đàn hoàng mà! Nhưng tui chỉ muốn chị dạy tui một bản nào thật tình để tui đi cua đào. Hồi xưa tui đã có học qua, nhưng ông thầy ổng bắt tui tập ngón tay dữ quá mà không dạy cho bài ruột, nên tui bỏ, không học nữa!"

Vậy là từ đó, bất cứ đi đâu, xuống tiệm sách, ra quán Dakao ngồi với Trần Nghi Hoàng hay Nguyễn Ý Thuần, Nhiên cũng đều kẹp bên nách một cuốn vở lòng Anh Văn do Trần Nghi Hoàng tặng và lâm râm đọc: "This is a book, A book on the shelf!"

Nguyễn Tất Nhiên đã chết như một viên đạn kẹt
gần 40 năm không ra được khỏi nòng
cây súng thần công
là cuộc sống!
Nguyễn Tất Nhiên !
mày sống ngơ ngơ và chết ngu ngu

nhưng đích thực mày là thi sĩ
Maiakovski chết không một lời rên rỉ
ô hô! ai tai!
đạn bắn vào đầu là vô chung hữu thủy

[Sống trong nhà, vài ngày đầu chưa quen, thấy rất khó chịu vì thái độ và cử chỉ của Nguyễn Tất Nhiên. Cởi đôi giày ra là anh quăng bừa vào một góc phòng khách. Ăn tô mì gói là vung vãi bẩn thỉu khắp cả bàn. Mỗi khi anh vào buồng tắm là sau đó, cái toilette biến thành như chỗ đã lâu không ai chùi rửa. Học trò tôi đa số con gái lứa 18- 20 tuổi, anh từ buồng tắm đi ra, thường dừng lại ngay cửa lớp mà nhìn vào, có khi còn ở trần, có khi quần quên cả gài dây kéo! Thoạt đầu khó chịu, nhưng sau quen dần, chẳng ai buồn để ý, chỉ riêng Trần Nghi Hoàng cứ phải khổ công chăm chạp nhắc chừng anh.]

mày, Nguyễn Tất Nhiên
thống thiết không thống thiết
bi ai chẳng bi ai
mày, Nguyễn Tất Nhiên
chơi trò thuốc ngủ – ngủ giấc dài
chết tình cờ như một trận chiêm bao...

[Một lần đi ăn với cả gia đình tôi, tôi nghe Nhiên hỏi:

"Chị là dân âm nhạc, vậy chị nghĩ là nhạc Phạm Duy với nhạc Trần Quang Nam, ai hay hơn?"

Tôi đáp:

"Tôi là dân âm nhạc thiệt, nhưng loại nhạc tôi ưa thích và thường xuyên nghe là cổ điển Tây Phương, thành ra rất dốt về nhạc Việt Nam. Biết thì biết vậy nhưng không dám phê bình ai hay ai dở. Còn anh, anh nghĩ ai hay hơn?"

Nguyễn Tất Nhiên trả lời:

"Trần Quang Nam trẻ, ít kỹ thuật nhưng nhiều cảm xúc. Vì vậy tui cho là nhạc Trần Quang Nam hay hơn nhạc Phạm Duy!"

Rồi Nhiên kể:

"Hồi trước tui cũng có bày đặt làm nhạc, lái xe từ Santa Ana đem lên cho Trần Quang Nam xem, nhờ nó sửa lại giùm chút đĩnh. Nó cầm cây viết quẹt qua quẹt lại có vài nốt mà tui lại thấy hay hơn bản nhạc chính của mình rất nhiều!"

Trần Nghi Hoàng xen vào:

"Trần Quang Nam 'nể' Phạm Duy lắm, ông biết không?"

Nguyễn Tất Nhiên thân nhiên bày tỏ:

"Thằng cha dâm tặc đó thì có gì đáng nể? Chẳng chuyên môn ăn cắp thơ người khác làm lời nhạc của mình. Tui may, nên tên tui mới được chả đề trên các bản mà chả đã lấy thơ tui phổ nhạc. Nhờ thơ tui mà nhạc thằng chả mới lên đó chứ!"

Nói xong câu ấy, Nguyễn Tất Nhiên ra chiều đắc ý lắm, cười to hô hô giữa quán. Trần Nghi Hoàng và tôi cùng nhìn nhau, vẻ ngạc nhiên, sau chính chàng cũng cười góp theo Nhiên, điệu thích thú.]

Nguyễn Tất Nhiên!
sống chưa khôn thì chết phải làm sao?
có gì mày lại hỏi tao?
mày sống chưa khôn vì mày chọn làm thi sĩ.

[Hai lần, Trần Nghi Hoàng nhờ bạn bè kiếm được giùm cho Nguyễn Tất Nhiên hai việc làm, nhưng anh nại có này có nọ để không đi nhận việc. Nguyễn Hữu Lộc tặng anh một chiếc xe hơi cũ làm phương tiện di chuyển ngay ngày thứ nhì anh đến San Jose. Nguyễn Ý Thuận, Tường

Năng Tiến, Trần Nghi Hoàng thường xuyên thay nhau đưa anh ra Dakao uống café ăn sáng. Cái số anh cũng sướng! Mẹ tôi rảnh rang, thường ngồi ăn cơm chung với anh, hỏi về gia cảnh, anh kể rằng có người vợ rất tốt và hai đứa con trai rất đẹp. Mẹ tôi hỏi:

"Rồi vợ anh đâu?"

Anh đáp:

"Cô ấy bỏ con đi lấy chồng khác, hai đứa nhỏ đi theo cô."

"Tội chưa!", mẹ tôi nói.

Anh bật cười ha hả:

"Tội gì con hờ bác? Tại con bé bối quá nên cô mới bỏ! Con đành phải lên chùa mà ở."

Mẹ tôi đùa:

"Có phải tại anh mê làm thơ quên cả vợ con?"

Nguyễn Tất Nhiên lắc đầu quây quây:

"Không đâu! Cổ chán con vì con đào địch tùm lum chứ không phải chán vì con làm thơ đâu bác!"

Thế rồi, chừng như để chứng minh cho rõ hơn về sự "mê gái" của mình, khi nghe mẹ tôi hỏi:

"Lên chùa, anh ăn chay trường được sao?"

thì anh cười hề hề đáp:

"Ờ chùa, cho ăn chay ăn mặn gì đối với con cũng xà-va hết. Nhưng con có cái tật là hề cứ thấy gái đẹp đi cúng chùa thì thế nào cũng phải ngừng ăn mà dòm chăm chăm vào mặt cô ta!"

nhớ linh xưa Nguyễn Tất Nhiên !

tướng dạng khoáng khoáng cao gầy liếng khí

mười mấy tuổi đời đã dựng trước Thiên Tai

(dấu huyền mảy bỏ cho ai

mấy khi có một Thiên Tài cụt chân!)

[Một lần ngồi trong quán Danh với tôi và Trần Nghi Hoàng, tôi nói với Nhiên:

"Khi tôi vừa lớn, ngồi quán café nào cũng nghe các bài thơ của anh, Phạm Duy phổ nhạc. Nghe nhiều đến nỗi chúng trở thành một dấu ấn thời gian trong ký ức. Bây giờ gặp anh, điều đầu tiên tôi nghĩ là nhớ lại cái thời mới lớn ấy của tôi!"

Bỗng dưng Nguyễn Tất Nhiên quay sang Trần Nghi Hoàng, chữi đồng:

"Đ.M. mấy cái thằng già thiếu máu như Phạm Duy, Du Tử Lê, Mai Thảo chúng nó làm hư tui quá ông ơi!"

Trần Nghi Hoàng cười cười, vẽ diều cọt hiện trên khuôn mặt:

"Nếu tôi có chữi Du Tử Lê, Mai Thảo hay Phạm Duy thì còn có lý, bởi vì tôi chẳng 'nợ nần' gì họ; chứ còn ông, ông không nên chữi."

Nhiên có nét ngạc nhiên:

"Tại sao?"

Trần Nghi Hoàng đáp:

"Tại vì Du Tử Lê là người đã đặt cho ông cái tên Nguyễn Tất Nhiên, Phạm Duy phổ nhạc thơ ông, còn Mai Thảo gặp ông đâu cũng đều tỏ vẻ ưu ái ông lắm, mấy người đó, dù sao ông cũng mang ơn họ, ông nên loại ra mà không được chữi!"

Và Trần Nghi Hoàng tiếp:

"Tôi thì tôi sướng hơn ông ở chỗ tôi không chui từ 'lò' nào ra cả!"

Nguyễn Tất Nhiên mặt bắt đầu đỏ quạu:

"Đúng rồi! Ông là người trên trời rớt xuống mà!"

Nguyễn Tất Nhiên ô lý! ô là!

vì chữi Danh mảy găng mảy gò

mây so đo giận hờn vui sướng

(mây lập danh mà chẳng biết lập thân

thân danh trong cõi phù trần
là hai cái phải xà quần với nhau!
mày thua người một cái đầu
mày hơn người ở cái màu của trái tim

[Sống hai tháng trong nhà tôi, anh không làm phiền ai mà kỳ thực là phiền cũng không ít. Ý hướng tương lai mà tôi nghe anh bày vẽ lúc đầu thấy chẳng tiến lùi gì cả. Mỗi ngày, cả buổi sáng anh nằm lì trong phòng hút thuốc lá -căn phòng anh mở cửa ra là hôi nồng mùi khói thuốc, xế trưa có khi đi ăn quán với bạn bè, có khi lục cơm nguội trong bếp nhà tôi, xong, xuống tiệm sách, ngồi vào cái bàn café trong góc, lằm rằm học tiếng Anh. Nếu có được chục bạc nào Nguyễn Ý Thuận, Nguyễn Hữu Lộc hay Tường Năng Tiến dúi vào tay là anh đi mua ngay một xâu bia đem về tiệm sách, rủ Trần Nghi Hoàng cùng uống. Trần Nghi Hoàng từ chối, lấy cớ chỗ làm ăn, nhậu nhẹt không tiện. Vậy là anh xách xâu bia ra cầu thang phía sau nhà tôi, đối diện tòa soạn Người Việt Tự Do của Nguyễn Ý Thuận, uống một mình.]

trái tim màu đỏ chói
thằng thi sĩ lớn phổi
ít ra mày đã hơn 20.000 thằng làm thơ múa rối
mày làm thơ tình và sống để mà yêu
có những thằng cầm bút viết rất nhiều
viết những điều ở ngoài cái đầu của nó
viết liều!
những điều trong trái tim nó chẳng bao giờ dòm dỏ.
ít ra mày đã hơn 40.000 thằng làm thương-gia-chính-trị
cách-mạng-anh-hùng-khí-gió
mày sống làm thơ mày chết như mơ

*[Nguyễn Tất Nhiên và tôi ít trò chuyện, trừ ra những lần cùng ngồi chung trong tiệc rượu tại nhà hay tại quán với Trần Nghi Hoàng và bạn hữu. Dưới mắt tôi, anh là một người hơi bất thường, nhưng cũng vẫn lịch sự. Những khi Như Hà, cô bé học trò 14 tuổi xuất sắc nhất của tôi đến học, Nhiên thường đứng sau lưng nghe đàn, rồi cất lời khen thành thật:
"Cháu đàn hay quá! Nếu chú có học thì kiếp này qua đến kiếp sau chú cũng không đàn hay như cháu đâu!"
Một lần, sau khi đi uống café cùng Nhiên về, Trần Nghi Hoàng kể cho tôi nghe mẩu đối thoại nhỏ giữa chàng, Nguyễn Tất Nhiên và Hoàng Anh Tuấn: "Nguyễn Tất Nhiên hỏi Trần Nghi Hoàng: Tui thấy bà xã ông cũng hiền, bằng chứng là bà vui về cho tui ăn ở trong nhà, vậy mà tại sao bên ngoài lại đồn là bà dữ? Trần Nghi Hoàng gật đầu: Bà hiền chứ, có bao giờ tui thấy bà dữ đâu! Hoàng Anh Tuấn cười: Trần Thị Bông Giấy hiền hay dữ, cứ giờ trò cà chớn ăn nói bậy bạ thì sẽ biết!"]*

giờ đây đã khuất bến bờ
Nguyễn Tất Nhiên! Nguyễn Tất Nhiên!
bạn bè dăm ba đứa
cognac một hai chai
hương lòng không cần lửa
mày về đây lai rai
nhớ mày chết bốn chín ngày.

[Nguyễn Tất Nhiên không làm phiền ai hết mà kỳ thực thì cũng rất phiền. Đời sống ở Mỹ, căng thẳng thần kinh là điều mỗi ngày con người phải đối diện. Nguyễn Tất Nhiên không hiểu những điều ấy. Anh sống trong cái tháp ngà suy tưởng riêng mà không cần biết đến ai khác. Lúc nào

anh cũng chỉ đem câu chuyện có ông bác sĩ muốn hại anh ra mà kể. Lối nói của anh rồi mù không lối thoát. Lúc nào anh cũng chỉ muốn người khác phải chia xẻ những khó khăn của anh, mà chẳng bao giờ anh chịu nhìn đến nỗi khó của những kẻ chung quanh. Lại thêm những điều phiền phức thuộc về vật chất. Đứa con trai lớn không có phòng riêng, sự học hành ngữ nghệ của nó đâm bất thường không ít. Đời sống tôi, sự làm việc gần như chiếm hàng đầu thì giờ, ăn và ngủ phải đếm trên từng giây từng phút; bây giờ phải gánh thêm chuyện dọn dẹp những giăng xả bữa bãi bẩn thỉu của một người bạn là thì cũng là điều vô cùng xáo trộn...]

nhớ linh xưa! nhớ linh xưa!
mày cà lăm nói một thành hai
mày uống rượu hai ly thành một
mồm văng nước bọt
toét cười ha ha!!!
mày sinh làm trên trái đất
lại lưu ly chi đến xứ Cờ Hoa?
mày chết một mình
vợ con mày ở xa!!!
mày 'đi' tao không 'đưa'
tao mừng mày 'TAI QUA'

[Bữa nghe Nguyễn Bá Sanh điện thoại báo tin Nguyễn Tất Nhiên tự tử chết bằng thuốc ngủ, tôi nghe lòng rất dửng dưng. Điều dửng dưng này làm cho tôi ngạc nhiên một cách buồn bã. Khi ấy, tôi đang viết bài về tiểu sử Púshkin cho Văn Uyển Số Mùa Thu 1992. Tôi tự hỏi, có thể nào tâm hồn mình chai đá đến độ trước tin chết của một người từng quen biết, lại không nghe chút nào xúc cảm?

Hỏi, suy nghĩ, tìm tòi rồi đi đến kết luận rằng tâm hồn tôi chưa chai đá, bởi vì cái chết của Púshkin gần 200 năm trước, tôi vẫn nghe xúc động khi viết đến. Vậy, có phải sự dửng dưng trước cái chết của Nguyễn Tất Nhiên mang ý nghĩa "mừng" mà không phải là "buồn" cho anh? Cuộc đời nay, nhất là xứ Mỹ với trăm ngàn công gai bày ra từng giờ từng phút, không phải 'đất' của anh; một con người thiếu hẳn nghị lực và tâm trí bất thường như anh, làm sao kham nổi?]

Nguyễn Tất Nhiên! Nguyễn Tất Nhiên!
khi mày sống tao đuổi mày ra khỏi nhà

Thời gian cuối cùng lưu lại nhà tôi, tâm trí Nhiên càng tỏ ra bất thường hơn nữa. Anh thường mua bia về ngồi dưới chân cầu thang uống, có khi một mình, có khi với Lê Hữu Quệ. Chát bia mà Trần Nghi Hoàng hay bảo rằng "dễ làm cho nó nổi cơn khùng!" quả thật tác hại lên tâm não Nhiên không ít. Trông anh dường tăng thêm ngậy dại. Câu chuyện về gã bác sĩ Tôn Thất Niệm nào đó hại anh cứ được lập đi lập lại mãi với mẹ tôi một cách rồi mù.

Cho đến một buổi chiều, mẹ tôi đi chợ về, Trần Nghi Hoàng phụ khiêng mấy giỏ thức ăn vào nhà sau. Nguyễn Tất Nhiên đang ngồi nơi cầu thang uống bia, gặp, nói với mẹ tôi:

"Chắc phải đánh nó quá bác à! Nó nuôi mình trong nhà, đánh nó mới sướng!"

Trần Nghi Hoàng quay sang Nhiên:

"Ông đừng nên nói đùa với mẹ tôi như thế!"

Nguyễn Tất Nhiên bỏ cầu thang, theo Trần Nghi Hoàng và mẹ tôi lên nhà bếp, lập lại câu nói ban nãy. Mẹ tôi hỏi:

"Anh muốn đánh ai?"

Nhiên chỉ vào Trần Nghi Hoàng lúc ấy đang đứng rửa tay nơi bồn chén bát:

"Đánh thằng này! Thằng Trần Nghi Hoàng đó bác!"

Anh vừa nói vừa cười, nhưng cái cười rõ ràng bất thường, kỳ lạ. Trần Nghi Hoàng quay hẳn người đối diện Nhiên, giọng lạnh lẽo:

"Nếu ông muốn đánh nhau với tôi thì tự mình xuống sân đi! Ông điên, tôi sẽ đánh cho ông tỉnh! Đánh xong, mời ông xách valise ra khỏi nhà tôi ngay!"

"Ông nói giỡn sao?", Nhiên hỏi.

Trần Nghi Hoàng lắc đầu:

"Tôi nói thiệt! Bây giờ dù muốn đánh hay không đánh, ông cũng phải đi ra khỏi nhà tôi ngay!"

Nhiên xin được gọi một cú điện thoại về cho vợ cũ ở Stock- ton. Qua cuộc điện đàm hơn nửa tiếng đồng hồ, trước mặt các đứa học trò của tôi lúc ấy đang ngồi đợi giờ học, anh chửi thề lung tung, lại dùng toàn những danh từ rất thô tục để chuyện trò với vợ cũ. Sau đó, anh bỏ đi uống rượu với Trần Quảng Nam. Độ 9 giờ tối, anh trở về, dáng say say.

Lúc này thì Trần Nghi Hoàng đã quyết định phải mời anh ra khỏi cửa. Chàng nói với tôi rằng không thể chứa một gã điên trong nhà có đàn bà con nít. Không ai biết việc gì sẽ xảy ra trong trường hợp như vậy. Tôi hỏi, làm thế có bất nhẫn không? Trần Nghi Hoàng dứt khoát:

"Nó điên thì có nhà nước lo. Lòng mình như vậy đã đủ. Bỏ hứa cưới mang nó hai tháng để xây dựng một cái gì mới cho nó, nhưng bây giờ thấy thì chẳng bao giờ nó chịu tự xây dựng chính nó cả. Hai tháng lời hứa của mình đã hết."

Mẹ tôi cũng nói:

"Để sáng mai hãy hay!"

Trần Nghi Hoàng lắc đầu:

"Mẹ đừng lo! Trời tháng Sáu ẩm áp, nó ngủ ngoài xe cũng không sao. Để nó trong nhà, lỡ đêm hôm nổi điên đốt nhà, làm sao biết được? Với thằng Nhiên, phải cứng. Mình không thể mất thì giờ và tâm trí thêm nữa vì nó. Con còn bao nhiêu việc phải làm!"

Vậy là đêm đó anh đi khỏi nhà tôi. Mẹ tôi đưa cho anh tấm chăn. Anh cảm lầy, nói cảm ơn, rồi chui vào xe mà ngủ.

Hôm sau chúng tôi được biết anh theo Nguyễn Hữu Lộc về nhà, nhưng chỉ độ một hay hai ngày gì đó, vợ Nguyễn Hữu Lộc đuổi thẳng anh ra khỏi cửa. Anh đến tá túc nhà Trần Quảng Nam.

Thời gian ở với Trần Quảng Nam, tôi được được nghe kể là Nguyễn Tất Nhiên chẳng có gì tiến triển khá về tâm lý bệnh hoạn, mà dường như bất thường hơn nữa. Về sau, trong một buổi họp mặt tại nhà tôi, Đặng Sơn thuật lại câu chuyện về Nhiên dạo ở với Trần Quảng Nam như sau:

"Hôm đó, Trần Quảng Nam có mời ông Trịnh Duy Phương, tục danh Sân Lộ Thiền Sư, đến chữa bệnh cho Nguyễn Tất Nhiên. Sân Lộ Thiền Sư bèn kéo Nhiên vào võ đường của Trần Khang rồi cả hai quì gối trò chuyện với nhau. Lúc ấy tôi đang tập võ giữa sân. Trong khi Sân Lộ Thiền Sư bảo Nhiên 'nhà người phải thế này, thế kia' các thứ thì Nhiên nói: 'Lòng tui bây giờ từ bi lắm, bằng chứng là ngày hôm qua tui biết ông Đặng Sơn ổng muốn tui ăn khúc bánh mì mốc trong thùng rác, vì vậy tui đã moi khúc bánh mì mốc ấy ra mà ăn.' Nghe vậy, tôi hoảng hồn dừng tập, bảo Nhiên: 'Mẹ! Ông vô lý! Ngày hôm qua tui không hề có mặt ở đây.' Nguyễn Tất Nhiên mặt tỉnh bơ: 'Đúng, ông không có mặt, nhưng cái luồng tư tưởng của ông từ phương xa bay đến, chui vào đầu tui, bảo cho tui biết là ông muốn tui ăn khúc bánh mì mốc, và tui đã làm vừa lòng ông mà ăn hết cả.'

"Sau đó, Sân Lộ Thiền Sư kéo riêng tôi ra ngoài, nói: 'Thằng này đã hết thuốc chữa. Nó bị Thần Đạo Nhật Bản nhập vô rồi. Ông phải hiểu, Thần Đạo kinh khủng lắm, giống y như một thứ quỷ. Khi ai ước điều gì với Thần Đạo thì phải trả giá cho cái điều đã ước. Thằng này nó có một ý muốn nào đó, ví dụ như muốn cua đào hay muốn được nổi tiếng, nó bèn cầu nguyện, nhằm ngay cái lúc Thần Đạo đang bay lượn trên không, nhập mẹ vô nó.' Sau đó Sân Lộ Thiền Sư nói tiếp với tôi: 'Thằng Nhiên nó chỉ còn một hay hai năm để mà thoát, không thì tiêu luôn!'"

Đứt câu chuyện kể của Đăng Sơn, Trần Nghi Hoàng bật tiếng "xì" thật lớn:
"Sân Lộ Thiền Sư Trịnh Duy Phương! Cũng lại một thằng cha khùng không thua gì thằng Nhiên!"

Nguyễn Tất Nhiên lưu lại khoảng bốn tháng trong nhà Trần Quảng Nam. Sau, vì lẽ gì không rõ, Trần Quảng Nam đi quyền góp trong số bạn bè được 300 đô la cho Nhiên, rồi tự chính tay Trần Quảng Nam "áp tải" Nhiên (chữ dùng của Trần Quảng Nam) về lại Santa Ana. Sau đó, tôi không được biết thêm gì về anh nữa.

Lần cuối cùng tôi gặp Nhiên là tại quán Dakao, lúc ấy anh đang lưu trú nhà Trần Quảng Nam. Con bé Âu Cơ nín áo tôi, kêu nhỏ:

"Chú Tám kia mẹ!" (Từ lúc nào không biết, hai đứa con tôi tự đặt cho anh cái tên "chú Tám"). Tôi quay lại, thấy anh giơ tay vẫy chào, miệng cười nửa nụ.

Vài bạn bè quen gặp Trần Nghi Hoàng, có kể rằng Nguyễn Tất Nhiên đi đâu cũng nói "cám ơn vợ chồng Trần Nghi Hoàng đã cứu mang tui hai tháng" và "nhờ Trần Nghi Hoàng đuổi ra khỏi nhà mà tui mới tỉnh táo lại!" Anh không chút gì buồn phiền việc Trần Nghi Hoàng đuổi anh, lại còn tỏ nét "mang ơn" vì "không ai chữa tui lâu được như vợ chồng nó."

khi mà sống nhiều người quen gặp mà là phải làm mặt lạ
ô hô! ai tai! mà chết rồi, nhiều đứa lạ thành quen!

[Vài ngày sau cái chết của Nguyễn Tất Nhiên, gặp tôi tại tiệm sách Văn Uyển, Nguyễn Ý Thuần nói, về cay đắng:

"Thằng Nhiên nó đi yên thân nó, chỉ tầm là tầm cho những cái thằng mà lúc thằng Nhiên còn sống, chúng nó làm lơ chẳng dám tỏ ra quen biết, sợ dây phiền phức. Nay thằng Nhiên chết rồi, bày đặt viết bài tâng bốc kể lể!"

Thuần tiếp:

"Ở xa không biết, chứ anh em ở đây, chỉ có Trần Nghi Hoàng, chị, tôi, Trần Quảng Nam, Đăng Sơn, Nguyễn Hữu Lộc mới có thẩm quyền nói về nó, bởi vì tội mình đã từng giúp đỡ, chia xẻ khó khăn với nó dù nhiều dù ít. Chứ còn bọn kia... Toàn một lũ ruồi bu!"

Tôi không hiểu và cũng không hỏi xem chữ "bọn kia" Nguyễn Ý Thuần dùng để ám chỉ ai? Nhưng thấy lạ vì thái độ nổi giận của anh. Xưa nay, dù rằng trong lối nói có nhiều căng cáo hợm hĩnh nhưng trên bề ngoài, Nguyễn Ý Thuần vẫn tỏ ra rụt rè như con gái!]

có thằng gặp mà chỉ một lần

"this is a book

a book is not a monk!"

đã làm thơ viết bài khóc mà là lướt

có những nàng con gái lúc sống mà từng muốn lần khân

không được

bây giờ mấy em đang đứt ruột khóc thương mà!

sướng nhé con trai!

"this is a book

a book of a ****ing life!"

câu Anh vẫn mà học một đời hoài

Sau khi Nguyễn Tất Nhiên chết được ba ngày, trên tờ Thời Báo ở San Jose thấy có xuất hiện bài viết về con người và cái chết Nguyễn Tất Nhiên, ký tên Trần Cung Sơn. Thoạt tiên, tôi không biết Trần Cung Sơn là ai. Sau, trong một buổi họp mặt tại nhà tôi, Trần Quảng Nam cho biết Trần Cung Sơn -mà Nam gọi đùa là Trần Lũng Cung- chính là Trần Chí Phúc, tác giả tập băng nhạc Sài Gòn Em Ở Đó.

Xưa nay, tôi với Trần Nghi Hoàng đều đồng ý với nhau rằng Trần Chí Phúc là con người rất háo danh nhưng lại dốt. Trong buổi ra mắt tập thơ Thơ Ngọc Vũ tại quán café Anh Vũ dạo tháng 12/1988, trước khá đông khán giả, Trần Chí Phúc đã lên máy vi âm tuyên bố một cách rất thản nhiên rằng: "Trong toàn bộ Truyện Kiều của Nguyễn Du, tôi thấy chỉ có chừng 20 câu hay, còn tất cả đều xoàng, không đáng nói!" Ngay lúc ấy, tôi không biết có vị khán giả nào bàng hoàng không, chứ còn tôi -và cả Trần Nghi Hoàng- đều kinh ngạc sửng sốt. Chưa hết, trong buổi ra mắt tập thơ Lưu Vong Hành của Trần Nghi Hoàng, tháng 5/1988, tổ chức tại quán café Gitane, trước một cử tọa gần 200 người, Trần Chí Phúc đọc lên sáng tác Bài Thơ Ngày Cưới của Trần Nghi Hoàng in trong tập Lưu Vong Hành, nhấn mạnh đoạn thơ:

"... giọt em là quán diệt
nên hình hoa long đong
ta nghe dạ khúc mênh mông
đầu em nghiêng giữa chiều không sắc chiều
dài tiếng thờ cô liêu
thơ ta là tịch mịch..."

rồi khen hay, nhưng lại bảo "chẳng hiểu gì cả" câu thơ "đầu em nghiêng giữa chiều không sắc chiều". Bây giờ, trong bài viết về Nguyễn Tất Nhiên, Trần Chí Phúc đã đưa ra rất nhiều điều sai lạc có tính cách hàm hồ, không căn cứ. Đặc biệt câu viết: "Thơ Nguyễn Tất Nhiên hay là nhờ nhạc Phạm Duy..." đã làm cho cả ba Trần Quảng Nam, Đăng Sơn (*) và Trần Nghi Hoàng cùng nổi giận.

Theo Trần Nghi Hoàng kể thì vào một buổi xế trưa, Nguyễn Tất Nhiên đang ngồi làm rằm đọc: "This is a book. A book on the shelf..." nơi tiệm sách Văn Uyển, Trần Chí Phúc từ ngoài cửa bước vào. Trần Nghi Hoàng giới thiệu cả hai với nhau. Phúc vốn vã nói cùng Nhiên: "Tôi nghe tiếng anh đã lâu. Dạo này anh còn sáng tác gì không?" Nguyễn Tất Nhiên, vẻ ngơ ngơ, nhìn chăm chăm vào mặt Phúc mà không đáp. Phúc cũng không nói gì nữa, quay qua chuyện trò cùng Trần Nghi Hoàng. Khi Trần Chí Phúc vừa ra khỏi cửa, Nhiên hỏi ngay Trần Nghi Hoàng: "Thằng đó là ai vậy? Ông có quen với nó không? Có phải nó là điệp viên do thằng Tôn Thất Niệm phái lại dò chừng tôi?" Từ sự việc này mà Đăng Sơn (**) đưa ra giả thuyết rằng bài viết của Trần Chí Phúc khởi nguồn từ cảm nghĩ đã bị Nguyễn Tất Nhiên xem rẻ. Cũng theo một luồng dư luận khác trong vòng bè bạn thì nguyên nhân sâu thẳm trong lòng Trần Chí Phúc về việc "hạ giá" thơ Nguyễn Tất Nhiên xuất phát từ việc Phúc sắp cho ra một cuốn băng nhạc mới, nên muốn "nâng bi" Phạm Duy, mong mỗi biết đâu Phạm Duy nhờ đọc bài này mà "xoa đầu" trở lại Trần Chí Phúc!

Vì vậy, trong một buổi họp mặt cuối tuần tại nhà tôi, để bắt Trần Chí Phúc phải tạ lỗi với vong linh người đã chết, Trần Quảng Nam bàn cách "trừng trị" Phúc -với sự biểu đồng tình (gián tiếp) của Đăng Sơn (***) và (trực tiếp) của Trần Nghi Hoàng. Kế hoạch đưa ra là "đánh lừa" Trần Chí Phúc, buộc phải "lòi" ra 50 đô la đóng góp với anh em để mua rượu cúng 49 ngày cho Nguyễn Tất Nhiên. Sau đó, dẫu có phân trần rằng đã đi phúng Nhiên 50 đồng qua tay quyền góp của Đỗ Văn Trọn, Trần Chí Phúc vẫn bằng lòng đem đến "nộp" cho Trần Quảng Nam 30 đô la.] Nguyễn Tất Nhiên! Nguyễn Tất Nhiên!

bạn bè dăm ba đũa
cognac một hai chai
hương lòng không đọi lừa
mày về đây lai rai!!!
nhớ mày chết bốn chín ngày
thuận hưởng!

Đọc xong bài thơ, Đăng Sơn kêu lên:

"Hay! Hay!"

Tất cả mọi người cùng "cụng ly" lần cuối với Nguyễn Tất Nhiên.

Tôi ngậm ngùi nhớ lại anh: dáng cao ráo, khoèo khoèo, nước da tái tái, đôi mắt ngơ ngơ, cái cười đại đại. Anh tuổi Thìn, bằng tuổi cậu em tôi. Anh thích đùa với Âu Cơ, nhưng cứ mỗi lần anh xáp lại là nó đẩy anh ra mà kêu lớn: "Chú Tám hôi quá! Con không thích chú Tám!" Khi anh sống, tôi tiếp đãi anh bình thường, không thân và cũng không lạ; tiếp anh trên cương vị một người vợ bạn. Khi anh đi khỏi nhà tôi, tôi có nghe lòng dấy lên chút xúc động rồi tình cảm đâu cũng lui nhanh vào chỗ đó. Khi nhận tin anh chết, tôi thấy mừng cho anh được giải thoát, nên đứng đưng không rung cảm. Nhưng rồi ngày một ngày hai, những hình ảnh cũ trong hai tháng anh lưu trú nhà tôi, có lúc hiện rõ trong óc. Kỷ niệm đối với tôi vô cùng quý báu. Kỷ niệm về anh, dù ngắn ngủi, thú vị hay phiền phức, cũng là những gì được tôi tôn trọng và cất sâu vào ký ức tâm tư.

Bây giờ, đêm nay, trong bữa giỗ 49 ngày của anh (dẫu chỉ là một tổ chức tình cờ mang tính cách nghịch ngợm của những người bạn cũ), giữa mùi khói nhang trầm mặc, giữa âm vang đều đều của Đăng Sơn đọc lên bài thơ tế, giữa cái nét nghiêm trang một cách tự nhiên không cố ý trên khuôn mặt các người hiện diện, tôi bỗng dưng thấy lòng bồi hồi kỳ lạ. Và tôi tưởng tượng nơi chỗ ngồi của anh có thấp thoáng khuôn mặt ngây ngây với cái cười hiền nửa miệng; cái cười mà con bé Âu Cơ rất sợ sau một lần anh dọa nó: "Con mà không ăn cơm, chú Tám sẽ cắn! Chú Tám cười như vậy là sắp sửa muốn cắn con nít đó!" Thế rồi, nhìn cái vẻ sợ hãi của con bé, anh bỗng dưng bật lên tràng cười ha ha!!!

Tìm ở sao trời Hoàng Mai Đạt

Mỗi khi chán đời, chờ hoài không thấy cơn buồn tan biến, nhìn mặt mình trong gương ủ rũ, thương hơn chiếc lá nằm lay lắt bên bờ cỏ, chờ gió chiều thổi xuống dòng đường lấm xe, tôi thường ghé nghĩa địa tìm người chết. Lần nào cũng vậy, đến khi rời mấy đám mồ mả, tôi thường cảm thấy đỡ hơn rất nhiều, chợt yêu đời trở lại, muốn cầm chiếc lá xanh trên cành tươi nắng. Thật thế.

Đi bộ trong nghĩa địa, ngắm mấy nấm mộ, đọc tên người quá cố, xem những bức ảnh tươi tắn lúc còn sống cho tôi một liều thuốc tâm lý, xua đuổi bóng ma của nỗi buồn. Tôi không rời nghĩa trang với nét mặt hân hoan, cười toe như người mới xem hài kịch, mà chỉ cảm thấy nhẹ hơn trong tâm hồn. Đủ nhẹ để thấy quý giá những tia nắng, những âm thanh náo nhiệt của cuộc sống bên ngoài khu mộ địa. Chuyện gì đó từng làm cho tôi chán đời không thật sự có nghĩa lý gì khi tôi biết ai nấy cũng có một kết cục như nhau: nằm hiu quạnh bên dưới mấy tấc đất, chờ máy cật cõ chạy rần rật bên trên, nghe tiếng chân của người thân đến đặt bình bông, cắm mấy nén nhang, khăn vải rồi bỏ đi. Ngày đến mặt trời rọi chiếu từ những hướng cố định, đêm về ngàn sao lấp lánh từ muôn phương. Nếu không có một tấm bia ở bên trên, không ai biết có người nằm ở bên dưới. Chôn ở đây hay ở bất cứ nơi nào trên trái đất cũng cùng một định mệnh. Hiểu được vậy, tôi nghe nỗi ưu phiền lia xa thân xác, trả lại niềm yêu thương trong hơi thở của cuộc sống. Đời sống không chắc đẹp, cũng không đủ dài để cho tôi phí phạm từng phút cho cơn buồn.

Tôi ở phố Bolsa. Nghĩa trang gần nhà nhất là Westminster Memorial Park, chặng chót của nhiều người Việt từng sống ở đây. Những buồn vui của đời lưu vong như chiếc lá nâu vàng, cuối cùng cũng bị thổi đến một bãi đất nằm về phía tây của khu phố. Nhà quàn Peek Family nằm cạnh nghĩa địa, nên dân Việt mình thường nói đùa “Trước sau gì cũng đến Peek Family.” Mấy văn thi sĩ cũng không thoát khỏi lời tiên tri này. Đến trước là thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên, nằm dưới một tàn cây rậm mát như cây bồ đề. Đến sau là văn thi sĩ Mai Thảo, nằm ngoài kia trong nắng ấm của Vườn Vĩnh Cửu, gần một gốc cây thốt nốt. Nghĩa trang có nhiều cây cỏ thụ, những con đường ngang dọc rợp mát, vắng vẻ, yên ắng trong bất cứ lúc nào mà người ta muốn rời cơn nắng chói của California để vào tìm cõi tạm lánh. Nếu không có mấy mộ bia gọi nhớ những người khuất mặt, đây là một công viên tuyệt vời như cánh rừng yên tĩnh. Chỉ có mấy trăm thước mà người ta có thể tránh xa, thật xa những xô bồ, huyên náo, bon chen trên đường phố Bolsa. Tôi thường ghé đây đôi, ba phút, dừng xe giữa bóng cây, tìm lại chính mình trước khi quay về với dòng đời bôn ba nằm sát bên cạnh.

Nếu mở dịch vụ du lịch khu phố Việt Nam, tôi sẽ chở du khách đến nghĩa địa này trước tiên, hy vọng sau đó họ càng quý tất cả mọi thứ bên ngoài bức tường ngăn chia sống chết. Phở sẽ ngon hơn nếu được thấy mộ của một người qua đời lúc mới đến Mỹ, cà phê sẽ thơm hơn nếu được thấy mồ của một người mẹ để lại chồng con, tượng đài chiến sĩ sẽ càng thiêng liêng nếu được thấy mộ phần của một người lính lưu vong được cắm thêm lá cờ màu vàng.

Mời quý vị xuống xe. Đây mộ thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên, quý vị cứ việc chụp hình lưu niệm. Này nha, mộ bia có ghi bài thơ ông viết khi mới đôi mươi:

Ta phải khổ cho đời ta chết trẻ

Phải ê chề cho tóc bạc với thời gian

Phải đau theo từng hớp rượu tàn

Phải khép mắt sớm hơn giờ thiên định.

Mỗi lần đến thăm thi nhân, vẫn thấy bông hoa, thuốc lá, chân nhang do ai để lại, vẫn nghe vương vấn niềm đau của Nguyễn Tất Nhiên.

Sao thiên thu không là thiên thu?

Nên những người yêu là những ngôi mộ

Tôi đứng một mình trong nghĩa địa

Và chắc không đành quên khổ đau!



Kia là mộ của một người mẹ từng ôm con tự vẫn trên xa lộ Garden Grove, ngay trong khu Little Saigon. Mẹ thương con, không muốn đưa bé sống suốt đời trong cảnh tật nguyền. Bà siết chặt con trong tay, chạy băng qua những dòng xe trong một đêm cuối thu. Hai mẹ con được chôn

chung, cùng một ngày tử. Lần nào đến cũng thấy có bình bông mới, cỏ xanh được tỉa cắt gọn gàng chung quanh mộ. Người chồng đến thăm mộ hầu như mỗi ngày, được gần vợ con trong suốt 15 năm qua. Mẹ mãi đẹp, con mãi còn ngây thơ.

Cách đó mấy thước là mộ của một bé gái, một khu vườn nhỏ luôn có dăm đóa hoa tươi cắm bên cạnh những chong chóng nhiều màu, quay lúc nhanh lúc chậm như có vong hồn thổi vào với sự đùa nghịch thơ ngây. Lại thật.

Ở nơi kia là mộ của một ông chồng mới được chôn năm ngoái. Bà vợ của ông ấy bị chồng bội tình, nhất định không cho con cháu chôn bà bên cạnh chồng như lời thề ước mấy chục năm trước. Còn mộ này không thấy ai chăm sóc, quanh năm không có một bó hoa. Quý vị nhớ cắm cho người ấy một nén nhang trước khi lên xe.

Ở đây là mộ ông Mai Thảo. Đám tang của ông đông người dự lắm, tôi còn nhớ. Họ từng xếp hàng dài cả trăm thước, tiễn thi sĩ về huyệt mộ. Mấy lần ghé ngang tôi chỉ thấy bóng nắng trên mộ, không thấy bóng người.

*Thế giới có triệu điều không hiểu
Càng hiểu không ra lúc cuối đời
Chẳng sao khi đã nằm trong đất
Đọc ở sao trời sẽ hiểu thôi.*

Bìa của thi sĩ được khắc như vậy. Lần này ghé thăm chúng ta thấy có những đóa hồng mới cắm, tô sắc tươi thắm trên mộ ông Mai Thảo.

*Sớm ra đi sớm hoa không biết
Đêm trở về đêm cảnh không hay
Vàng trắng đôi lúc tìm ra dấu
Nơi góc tường in cái bóng gầy.*

Ông viết mấy dòng thơ đó trong những năm sống tạm ở Bolsa. Giờ không ai biết thi sĩ u hoài ấy đi đâu, còn chằng một nắm mộ “ngát thơm từ huyệt lãng quên.”

*Ta thấy hình ta những miếu đền
Tượng thờ nghìn bệ những công viên
Sao không, khói với hương sùng kính
Đều ngát thơm từ huyệt lãng quên.*



Mời quý vị lên xe, ta đến Bolsa thôi. Xem mộ người chết vậy đủ rồi.

Dạo này những mẩu chuyện của người chung quanh bỗng được tôi chú ý hơn, nếu đâu đó có nhắc đến sự chia lìa vĩnh biệt.

Một bữa kia, trong lúc nựng nịu con chó cưng, con gái tôi bỗng nói, “Con không muốn hỏa thiêu Kiwi, bố à. Con muốn chôn Kiwi để có gì mai một con còn đến thăm mộ nó.”

Vợ chồng tôi nhìn nhau băng khuâng. Cô con gái bé bỏng ngày nào của chúng tôi giờ cũng biết vài năm nữa Kiwi phải đi xa, như người ta phải trở về với cát bụi. Nghe chuyện chôn cất con Kiwi, tôi chợt nghĩ đến chặng đường cuối của chính mình. Biết đâu con gái cũng muốn thấp cho bố một nén nhang trên mộ. Có điều vợ chồng chúng tôi đều tâm niệm muốn được hỏa thiêu và rắc tro cốt chung trong một vịnh biển hay trên một sườn núi mà vợ chồng từng đi qua chứ không muốn nằm ở nghĩa địa. Con gái tôi không mấy hưởng ứng khi nghe tôi kể ngày nay người có thể lên nghĩa trang trên Internet để thăm mộ của người thân, hay của Kiwi, giống hệt như bước vào một mảnh đất với những nắm mồ có tấm bia được lắp hình thân nhân, cũng có đôi ba dòng về ngày sinh tháng tử. Con bé lắc đầu, chê nghĩa trang như vậy không thật, cắm nhang cũng khó, rà chuột tìm mộ đâu có giống như bước chân trên cỏ được.

Vợ tôi cũng đồng ý với con, bảo nếu lập nghĩa trang kiểu đó thì nên dành cho mấy bài thơ là hay hơn cả. Nghĩa địa mang tên “Vườn Thơ Vĩnh Cửu” này sẽ chôn hết những bài thơ từng chào đời, cho chúng một nơi yên nghỉ nghìn thu thay vì nằm vất vưởng như những oan hồn trên kệ sách.

Thật ra, trước khi bàn chuyện chôn tác phẩm trong “Vườn Thơ Vĩnh Cửu,” chúng tôi từng nhiều lần giúp chúng hóa kiếp mà không biết đó thôi. Trong những đêm mùa đông se lạnh, thỉnh thoảng chúng tôi mang mấy tập thơ, sách của chính mình ra đốt trong lò lửa lộ thiên. Cái lò nung bằng đất này xuất phát từ cao nguyên Mễ Tây Cơ, được kê dưới mái hiên như một món trang trí. Dân Mễ gọi lò là “chimenea,” tức là “ống khói.” Người ở miền núi dùng “lò ống khói” để sưởi ấm, nấu ăn ở ngoài trời; chúng tôi dùng lò để đốt dần mấy thùng sách chôn chất dưới garage. Bán không ai mua, để hoài chật chỗ, tặng sách làm người không muốn đọc còn tủi thân hơn trẻ mồ côi đi gõ cửa xin ăn trong đêm lạnh giá. Thôi, tặng hết cho thần lửa.

Tôi nghĩ đốt sách là một sinh hoạt hữu ích nhất cho người sáng tác, giúp họ được giải thoát ngoài vòng sinh tử của danh vọng. Thấy sách bị vất trên bàn, trong góc nhà của người từng được tặng sách, chẳng bao giờ được xem qua, có lẽ còn đau đớn hơn là tự tay hủy diệt một tác phẩm của chính mình. Từng trang thơ cháy trong lửa, trả lại chữ nghĩa về cõi hư vô, mang bình yên lại cho người viết. Lỡ vay mượn kiếp văn chương, nay hoàn lại như không hề biết có thương yêu, có say đắm, có đau thương, có cuồng nhiệt trong cuộc sống. Một bài thơ được phôi thai, lên đường tìm một hướng đi mới, được sống cho dù ngắn ngủi, nay trở về kiếp thiên thu, mất biển muôn đời như chưa bao giờ đến. Bài viết này cũng vậy, cũng một ngày kia bốc cháy trong lò thời gian. Cháy hết.

Thế là hết, người bạn đẹp

Thế là hết, người bạn duy nhất của tôi

Đau lòng buông thả em đi

Nhưng biết em sẽ không bao giờ phải bước theo tôi

Thế là hết những tiếng cười những lời gian dối

Thế là hết những đêm ta chết bên nhau

Thế là hết.

Ca sĩ Jim Morrison của ban The Doors từng viết mấy lời thơ “Thế là hết” trong bài “The End,” mở đầu và kết thúc cho một ca khúc dẫn xuống một con đường địa ngục, ngập mùi tận thế của một tâm hồn muốn vùng vẫy, giết hết những ràng buộc của đời sống để được giải thoát, được tự do. Chàng ca sĩ này là một thi sĩ biết hát với sự cuồng nhiệt, rạo rực sức sống bên bờ vực thẳm của cái chết, gào hét những lời nhạc quyến rũ nói lên tâm tư của một kẻ xa lạ, một người trong cơn mê ma túy, một tên sát nhân, một người mất trí.

Tuy lừng danh trong thế giới nhạc rock ở cuối thập niên 60, được tán thưởng là có tài đưa thơ vào nhạc, diễn tả ngoạn mục chưa từng thấy, Jim Morrison không tìm được nhà xuất bản cho những bài thơ, mấy bài viết của ông. Thi sĩ phải tự xuất bản hai tập thơ, chứng kiến sự hờ

hững của người đời. Sau ngày ông mất người ta mới khai quật những tác phẩm từ “vườn thơ vĩnh cửu,” đưa lên hàng sách bán chạy, ngợi khen không ngớt. Ông rời Mỹ, sống những ngày tháng cuối đời tại Ba Lê, hy vọng tìm được một môi trường thích hợp hơn cho sự sáng tác. Ông chọn Pháp có lẽ vì yêu thơ. Trong những thi sĩ có ảnh hưởng lớn nhất đối với Jim Morrison có nhà thơ Anh William Blake và nhà thơ Pháp Arthur Rimbaud. Từ William Blake ông chọn tên “Cánh Cửa” cho ban nhạc The Doors. “Nếu những cánh cửa của tri giác được lau sạch, tất cả mọi thứ đối với con người sẽ hiện ra đúng như vậy, vô tận.” Nhà thơ Anh viết trong “Hôn Nhân Giữa Thiên Đường Và Địa Ngục.” Từ Arthur Rimbaud, ca sĩ Morrison có nơi yên nghỉ cuối cùng. Ca sĩ mất giữa năm 1971 tại Ba Lê, mới có 27 tuổi.

Cái chết của ông để lại nhiều bí ẩn, tạo một huyền thoại kỳ nhất trong nhạc rock. Không ai biết chắc ông qua đời vì ma túy, tự tử, hay biến mất như thi sĩ Rimbaud từng làm trong đời. Cho đến nay người ta còn đồn chàng ca sĩ sống tại Phi Châu, Ấn Độ, làm cao-bồi ở Oregon, sống trên một gác trọ tại New Jersey. Một điều chắc chắn là mộ phần của ông nằm trong “góc của thi sĩ” tại nghĩa trang Père Lachaise, phía đông Ba Lê. Mộ của Jim Morrison trở thành địa điểm thu hút du khách nhiều nhất tại thủ đô ánh sáng, chỉ sau Tháp Eiffel, nhà thờ Notre Dame, và viện bảo tàng Louvre. Mộ có khắc mấy chữ “Người Bạn Duy Nhất Của Tôi.”

Tôi không dám nhận “bạn duy nhất” của tôi là nghĩa địa, càng tránh nói điều này trước mặt vợ vì nàng luôn cần nắn nọt nói gỡ của chồng. Tôi không biết có phải những ngày tháng cuối năm, thu đến đông về, mây trời ảm đạm, gió lạnh se sắt, hay cuộc đời đang ở tuổi trung niên, tiến tới chưa biết đi đâu, quay về không biết tìm lại nơi nào, khiến tôi quanh quẩn với ý tưởng sống chết, sớm làm quen với nó để bớt nỗi sợ, như người ta nể mặt một tên cai tù để khỏi bị nó đánh đập bạo tay?

Mặc dù không là bạn, mồ mả thường quanh quẩn trong cuộc sống của tôi. Gần nhất trong quãng đời niên thiếu là một nghĩa trang ở Pennsylvania. Nói gần là vì tôi đi bộ băng ngang nghĩa trang này hầu như mỗi ngày trong suốt bốn năm. Từ nhà trên đường số 9 tại West Homestead, tôi đi bộ lên đồi theo đường Hays về hướng đông nam, gặp đường West, băng ngang nghĩa trang St. Mary’s ở trên đồi, đi tiếp theo đường Main đến trường trung học Steel Valley Senior High. Sáng đi chiều về, mỗi bận dài hai dặm, đeo theo bốn mùa mưa nắng trên túi sách đeo trên lưng, có lúc hân hoan, có khi lười lười trong chiếc bóng chiếu dài của một khu phố lao động.

Thay vì đi theo đường vòng dọc theo con đường lớn bọc bên ngoài, tôi chọn băng ngang một con đường nhỏ xuyên qua mộ địa. Con đường này vắng học sinh, xa dòng xe ồn ào. Mỗi lần đến nghĩa trang St. Mary’s tôi thường đi chậm lại, liếc nhìn những nấm mộ quen thuộc nằm ở hai bên. Có người chào đời từ thế kỷ thứ 19, lia trần mấy thập niên trước khi tôi bước qua đây ở cuối thập niên 70 đầu thập niên 80. Có người mất trong thời Đệ Nhị Thế Chiến, có người ra đi trong cuộc chiến Việt Nam. Nhiều mộ bia cổ không có hình người quá cố, chỉ khắc tên tuổi của họ. Mấy tấm bia này là bạn của tôi trong những ngày tôi thăm bước qua nghĩa trang.

Nơi đây đẹp nhất trong mùa đông. Tuyết phủ kín những nấm mồ, trắng toát một bãi tha ma, chỉ còn vài cây thánh giá trồi lên với lớp bông gòn trắng đắp bên trên như đội nón. Tượng Đức Mẹ vẫn nhìn xuống những ngôi mộ với ánh mắt hiền từ như mọi ngày, cho dù gió tháng Giêng có thổi lạnh xé da mặt che trong nón áo ấm, mặc kệ nước đóng thành những nhiễu thạch trong như thủy tinh, chảy dài như những dòng lệ tuôn tràn đầm đìa, để rồi bị đông đá thiên thu.

Qua nhiều năm tôi không hiểu tại sao nghĩa trang ở Pennsylvania đã để lại cho tôi một ấn tượng mạnh nhất so với những kỷ niệm khác thời còn đi học. Có lẽ đó là nơi tôi tìm được đôi phút bình yên, tạm quên mọi chuyện khổ đau từ dưới xóm lao động hay từ một nơi xa xôi nào khác luôn chờ chực cấu xé hồn tôi. Chỉ cần ẩn náu được thoáng chốc như vậy tôi cũng yên thân, cảm thấy gánh nặng trên vai vơi nhẹ phần nào mặc dù hoàn cảnh chưa hề thay đổi, không khá hơn một khi tôi rời mộ địa.

Trong nhiều năm sau tôi từng ghé những công viên chôn cất khác, kể cả nghĩa trang quốc gia Arlington rất nổi tiếng tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Mỗi ngày vẫn có hàng trăm du khách đổ về Arlington, xem ngọn lửa thiêng, viếng mộ chiến sĩ vô danh. Người ta ước lượng gần bốn triệu du khách ghé nơi đây mỗi năm. Thành thạo các đài truyền hình cũng chiếu lễ an táng một người lính nào đó mới hy sinh cho tổ quốc, hoặc phát trực tiếp hình tổng thống đặt vòng hoa tưởng niệm tại đài chiến sĩ vô danh. Nghĩa trang Arlington là nơi yên nghỉ của hơn 300,000 người lính. Họ nằm bên dưới những dãy bia trắng toát, hàng hàng lớp lớp chạy dài trên những ngọn đồi gần sông Potomac.

Ở tận miền tây Hoa Kỳ, chúng tôi từng ghé một nghĩa địa không có mộ, chỉ có một phiến đá lớn, ghi tên hàng chục người bị mất tích ở ngoài khơi Thái Bình Dương. Họ là ngư phủ, lên tàu ra biển một ngày kia từ vùng Coos Bay, Oregon. Họ chết mất xác trong giông tố, mưa gió, hoặc trong một đợt sóng lớn bất ngờ lật úp tàu đánh cá. Một ngày trong mùa hè năm 1999, chúng tôi dừng chân ăn trưa tại một bãi tàu ở Charleston, phía nam của vịnh Coos Bay. Sau bữa ăn núp gió trong xe, vợ chồng con cái tản bộ xuống bến tàu xem các ngư phủ trở về bến. Chúng tôi tình cờ bước vào một công viên nhỏ có dựng một bia đá khắc tên những ngư dân từng rời bến tại đây và không bao giờ trở lại. Trong khi vợ, hai con rảo bước đi nơi khác, chú ý đến các sinh hoạt của tàu thuyền, tôi đọc tên của những người không bao giờ có một mộ phần. Tấm bia nằm trên cao cạnh bờ biển, hướng ra khơi, gợi nhớ hình ảnh một thiếu phụ ôm con trong chuyến Hòn Vọng Phu mong chờ ngày chồng trở về. Khác với Hòn Vọng Phu, phiến đá biết các ngư phủ không có ngày về, chỉ là một tấm bia dựng bên cạnh một nghĩa trang bao la, thản nhiên như không biết có bao nhiêu mạng sống từng bị nuốt trong lòng đại dương.

Nhà hiền triết Mỹ Henry David Thoreau cũng từng gặp một phiến đá như vậy. Ông Thoreau thích sống tự lập, yêu thiên nhiên, không mấy tin cậy ở quyền thế. Tư tưởng hiếu hòa của ông ảnh hưởng đến nhiều người trên thế giới mà trong đó có tiểu thuyết gia Nga Leo Tolstoy, nhà lãnh đạo Ấn Độ Mahatma Gandhi, và vị lãnh tụ dân quyền Martin Luther King Jr. của Hoa Kỳ. Triết gia thường ngao du rừng núi sông hồ tại các tiểu bang trong vùng đông bắc, ghi chép trong sổ tay những điều tai nghe mắt thấy. Trong một lần ghé thăm mũi Cape Cod, Massachusetts vào khoảng năm 1850, ông Thoreau viết mấy dòng, “Chúng tôi nghĩ cũng đáng dành chút thời giờ để đọc những chữ khắc trên tấm bia tại một nơi có nhiều người bị mất tích ngoài biển khơi; không chỉ mất cuộc sống, nhiều người bị mất luôn xác hoặc không thể nhận diện; những dòng chữ khắc trên bia quá ngắn so với dự đoán vì số người mất tích không phải là ít. Nghĩa địa của họ là đại dương.”

Nghĩa trang Thái Bình Dương là mồ chôn của hàng nghìn, hàng vạn ngư dân Việt Nam bị cuốn ra khơi sau bao lần bão đến, và hàng nghìn, hàng vạn thuyền nhân bị chết chìm trên đường vượt biển trong cơn giông tố cộng sản. Vài mộ bia còn nằm trên đảo Pulau Bidong ở Mã Lai, đảo Pulau Galang ở Nam Dương. Hai đảo này từng là nơi tạm cư của nửa triệu người Việt tị nạn. Nỗ lực dựng bia tưởng niệm những thuyền nhân bị tử nạn được người Việt hải ngoại thực hiện tại hai đảo vào đầu năm 2005. Đến giữa năm chế độ Hà Nội gây áp lực với chính quyền địa phương khiến bia bị đục bỏ, phù hợp với ý đồ xóa hết dấu vết tội ác của cộng sản.

Chiến tranh mang đến tội ác. Trong thời chiến người ta có hành động tàn nhẫn, dã man đã đành, thế nhưng trong thời hậu chiến họ có cần tiếp tục đối xử ác độc với nhau? Kẻ thắng trận có cần trả thù, hành hạ người thua cuộc để được thỏa mãn thú tính, thỏa lòng man rợ? Chế độ cộng sản không tự hỏi câu này nên mới mau chóng dựng lên những trại tù cải tạo ngay sau ngày chiếm miền Nam, để giam hãm, đọa đày những người từng đứng bên kia chiến tuyến. Tụi bay là lính Ngụy, phải ở tù cho đến chết. Nhiều cựu quân nhân đã chết. Một trong những người này là Thiếu Tá Nguyễn Văn Nô, cha của cô Nguyễn Thị Bích Thảo.

Vào đầu tháng Chín tôi tình cờ đọc trên mạng một bài viết của nhật báo Wichita Eagle tại tiểu bang Kansas. Vài ngày sau nhật báo Người Việt tại California cũng có một bài viết tương tự về trường hợp cô Thảo tìm được cha sau hơn 30 năm xa cách. Lần chót gặp thân phụ còn sống vào năm 1975, Thảo thấy cha gầy xơ xương, đen xạm vì lao động ngoài trời suốt ngày tại một trại cải tạo ở Cần Thơ. Cô còn nhớ lúc sắp hết giờ thăm nuôi, cha trao cho cô mấy món đồ chơi

mà ông tự chế cho sáu đứa con. Trước ngày cộng sản chiếm miền Nam, ông vẫn thường mua đồ chơi về cho con sau những lần công tác ở xa. Món đồ chơi mà cha dành cho Thảo là một con vịt nấn bằng đất sét. Đến mùa hè năm nay cô mới gặp lại cha, mang tro cốt của ông đựng trong một bình sứ hình hoa sen đến Wichita, Kansas. Trong hành trình từ con vịt đất sét đến bình sứ hoa sen, ông Nô nằm dưới một nấm mộ ở miền Bắc trong nhiều năm, mất biệt gia đình. Vợ và các con, mà nhất là Thảo, vẫn thường nghĩ đến ông, bị dằn vặt vì một chương đời chưa được khép lại.

Tù nhân cải tạo Nguyễn Văn Nô chào đời tại Bạc Liêu, học trường Võ Bị Sĩ Quan Đà Lạt, tu nghiệp quân sự tại Hoa Kỳ từ năm 1956 đến năm 1959. Vào năm 1976 ông bị chuyển trại từ Cần Thơ đến một trại tù khác ở Bắc Việt. Một năm sau ông mất vì bị trúng độc uống nước sắn luộc, tròn 40 tuổi. Đến năm 1980 gia đình mới nhận được thư báo tử nhưng không biết ông được chôn ở đâu. Thảo qua Mỹ năm 1993, sống tại Wichita. Mùa xuân năm nay cô mang hai con đến thăm mẹ tại Arlington, Texas. Tại phòng mạch của một bác sĩ Việt Nam, Thảo nói chuyện với một ông bác trạc tuổi cha của cô, được biết ông cũng từng ở tù tại trại Hoàng Liên Sơn. Khi biết cha của cô là Thiếu Tá Nguyễn Văn Nô, ông Lê Chu liền nói chính ông là người chôn ông bạn tù tên Nô. Ông Chu còn vẽ bản đồ, chỉ đường đến mộ nằm trên đồi Cây Khế, xã Việt Cường, huyện Trấn Yên, tỉnh Hoàng Liên Sơn. Bán tín bán nghi, Thảo tự hỏi làm sao có sự trùng hợp, gặp đúng người chôn xác cha mình một cách tình cờ trong một phòng mạch bác sĩ?

Một thời gian sau Thảo gọi tiền về cho anh rể tại Cần Thơ, nhờ anh đi xe lên phương bắc, tìm hiểu có phải mộ cha nằm ở tỉnh Yên Bái hay không. Thảo kể, “Mọi chuyện đều suông sẻ, chắc có cha phù hộ. Anh rể đến được ngay cái nhà vẽ trên giấy. Anh gặp chủ nhà, một người đàn ông tốt bụng, đã giữ gìn toàn bộ mồ mả của những tù nhân đã chết, được chôn tại đây.”

Ông Lê Chu từng mang cấp bậc trung tá. Ông kể Thiếu Tá Nguyễn Văn Nô và ông cùng ở trong đội trồng rau xanh ở trại Hoàng Liên Sơn. “Hồi đó đói lắm, không có rau mà ăn, nên phải ăn sắn. Người tù phải lấy đọt sắn luộc lên ăn thay rau. Sắn có chất độc. Ăn ít thì không sao. Hôm ấy anh Nô uống cả nước luộc sắn.” Sáng hôm sau ông Chu biết tin có hai người chết đêm qua. Một trong hai người là ông Nô. Ông Chu không nhớ ngày chôn bạn, “chỉ nhớ lúc ấy lạnh lắm, chắc là mùa đông. Mùa đông thì tù ăn sắn luộc.”

Cùng với vài mảnh xương của cha, Thảo còn nhận được vài món vật dụng cá nhân được chôn cùng với xác: một đôi dép râu, một đôi dép nhựa vá chằng chịt, một gà-mên, muống, nĩa, dao, bàn chải đánh răng, lược, và ba cây viết. Đặc biệt muống, nĩa, và dao có dấu khắc bằng đầu nhọn, có thể là đầu đinh được ông Nô cào trên mặt kim loại. Dấu khắc cho thấy chữ “N” trên muống, “V” trên nĩa, và “O” trên dao. Tro cốt của ông Nguyễn Văn Nô nay đã về với gia đình, được an nghỉ, ngày ngày nghe kinh siêu thoát tại chùa Liên Hoa, Arlington, Texas.

Nếu lời cầu siêu được bay xa, tỏa hương kinh trong cõi ta bà đến tận đồi Cây Khế, nhiều vong hồn khác cũng được ấm lòng, sớm được siêu thoát, không còn vương váu ở thế giới lạnh lẽo giữa âm và dương. Sau khi bài viết về ông Nguyễn Văn Nô được đăng ở hải ngoại, phóng viên Trần Tiến Dũng ở trong nước liền lên đường đến Yên Bái. Ông viết bài tường thuật gọi cho nhiều người trong giới viết lách tại hải ngoại. Tôi nhận được e-mail của ông trước khi đọc bài ấy trên báo Người Việt vào cuối tháng Chín.

Bài “Núi Lạnh: Hành Trình Tìm Về Những Nấm Mộ Hoang” của Trần Tiến Dũng để lại trong tôi một nỗi buồn thương xót những người tù cải tạo bị lãng quên trong những mồ hoang, lòng mến phục một bác nông dân mà cô Thảo từng gọi “một người đàn ông tốt bụng,” và một niềm vui phấn khởi, biết rằng trước sau gì công lý sẽ được sáng tỏ, sự thật sẽ được giải bày cho dù phải đợi mấy chục năm hay lâu hơn. Một chế độ có thể viết lại lịch sử, ca tụng kẻ quyền thế, có thể biện hộ cho luật pháp cai trị độc ác, nhưng không thể diệt lòng nhân, không thể xóa hết vết tích của những hành động trái với lương tâm.

Vài vết tích là những nấm mộ hoang trên đồi Cây Khế, xã Việt Cường, tỉnh Yên Bái. Trên đường tìm mộ, phóng viên Trần Tiến Dũng gặp ông Đỗ Công Huyền, một người từng đi bộ đội ở Lào, sau 1975 về Việt Cường làm người giữ rừng, “bầu bạn với các ngôi mộ hoang.” Vợ

chồng ông sống ở chân đồi Cây Khế, nơi yên nghỉ của hơn 50 sĩ quan của quân đội miền Nam. Nằm dựa lưng đồi Cây Khế từng có một trạm xá của trại cải tạo. Ông Huyền kể, “Khi ấy chắc là các bệnh nhân ở trạm chết đều được đưa lên đồi Cây Khế. Thế nên trừ một số mộ lẻ rải rác, hầu như các ông ấy đều nằm đây.”

Trần Tiến Dũng kể trong bài phóng sự:

Ông Huyền có một danh sách người chết bằng giấy học trò, do tự bàn tay thô kệch thợ rừng của ông nắn nốt ghi chép tên, tuổi, nguyên quán, ngày sinh, ngày chết của từng người sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa học tập cải tạo đã chết trong khoảng từ năm 1975 đến 1978 ở trại cải tạo Việt Cường, tỉnh Hoàng Liên Sơn cũ.

Trước mắt chúng tôi là cả đồi Cây Khế, trước đây là nơi yên nghỉ của hơn 51 sĩ quan cấp tá và tướng của quân đội Việt Nam Cộng Hòa; đến nay cả ngọn đồi này chỉ còn lại 12 ngôi mộ còn bia và 5 ngôi mộ mất bia.

Hơn ba mươi năm hòa bình, đa phần các người lính chết mất tích của quân đội cách mạng và của quân đội đồng minh mà đứng đầu là Hoa Kỳ đều đã được trở về nhà. Vì sao cùng một hoàn cảnh mà chỉ những người lính Việt Nam Cộng Hòa trong chiến tranh và sau chiến tranh là phải gánh chịu hết sự oan trái nằm lại với bờ bụi vô danh. [...]

Đứng trước ngôi mộ “gởi lại,” chúng tôi định kể cho bác Huyền, anh xe ôm và ba đứa trẻ chần chừ nghe chuyện: Sau cuộc nội chiến Nam-Bắc Mỹ, ngay giữa nghĩa trang thủ đô Hoa Kỳ của phe miền Bắc thẳng trận vẫn có một khu mộ và tượng đài tưởng niệm những người lính miền Nam.

Bác Huyền tiếp tục đưa tôi đi và tự tay vạch tìm từng tấm bia mộ nằm khuất trong đám cỏ dại đãm sương chiều. Bác hỏi: “Thế anh ra đây không quen có thấy lạnh không? Trước đây rừng còn độc hơn giờ nhiều. Mà lúc ấy đa số các ông sĩ quan miền Nam này ra đến đây đều có tuổi cao cả đấy.”

Thời gian bác Huyền bầu bạn với những linh hồn lính miền Nam đã dài hơn cuộc chiến tranh mười ngàn ngày trước đây. Chiến tranh tuy đã kết thúc nhưng sao cuối cùng chỉ mỗi nắm xương tàn và linh hồn không tan của những người này phải tiếp tục trả giá, phải tiếp tục chịu mọi hậu quả của cuộc chiến tàn khốc đó.

Gió lại lạnh hơn, nhưng không gì có thể nghe thấu cái lạnh vùng thượng du đất Bắc bằng chính những tấm mộ bia đang nghiêng đổ trên đồi Cây Khế. Những tấm mộ bia nhỏ bé, sơ sài mang trên đó là những cái tên, ngày sinh, ngày chết, mang trên đó là cả khát khao mong ngóng gặp người thân đến mức tuyệt vọng. Đó phải chăng là sự bấu víu cuối cùng trước khi chết một lần nữa, trước khi lạc mất vào vô danh.

Từ ngày bài phóng sự được đăng trên báo Người Việt, vài người cung cấp thêm tin tức về những ngôi mộ chưa có người nhận. Ông Nguyễn Hữu Danh viết: “Tôi đã ở cùng trại với anh Phan Văn O, cựu vận động viên đua xe đạp rất nổi tiếng của Việt Nam Cộng Hòa. Anh O chết tại hợp tác xã nông nghiệp Đồng Phú, xã Việt Cường. Trại 7-liên trại 1 Hoàng Liên Sơn chỉ có 4 mộ, đã xác định được 3, vậy mộ bị nước cuốn là của anh Thu. Ba anh Thu, Thương, Thanh đến trại từ Cần Thơ vào tháng Sáu 1976.”

Có người vui mừng như Lâm Quang Vinh qua thư e-mail: “Nhờ bài phóng sự này mà gia đình đã tìm được phần mộ của ba cháu sau 31 năm thất lạc. Ba cháu là sĩ quan không quân Lâm Quang Đồ mất năm 1978.”

Danh sách ghi chép bằng tay của ông Đỗ Công Huyền còn có Bùi Văn Phước, Nguyễn Văn Nghĩa, Nguyễn Quang Tôn, Nguyễn Phước Tôn, Trần Hữu Công, Lý Văn Phinh, Võ Tín, Dương Văn Sáu, Trần Tấn Chung, Nguyễn Văn Mãng, Nguyễn Bá Thìn, Lương Mạnh Vân. Ở đồi Con Trăn còn mộ của Phạm Hồ, Hoàng Công (Văn) Dực, và “mộ hai anh em trốn trại, một người tên là Xuân.” Xã Vân Hội có mộ Đặng Văn Thương người Sài Gòn và Phạm Văn Thành người Phnom Penh.

Từ ngày bài phóng sự được đăng, ông Đỗ Công Huyền ở chân đồi Cây Khế hẻo lánh thế nào cũng sẽ bận rộn hơn với người ở phương xa. Họ có thể đến nhà ông từ miền Nam hoặc từ tận

bên kia bờ Thái Bình Dương. Chắc “người đàn ông tốt bụng” này được yên tâm khi biết một ngày kia “các ông ấy” sẽ về nhà.

Ngẫm lại, “sở thích” ghé thăm mộ địa, lang thang qua những bãi tha ma của tôi có lẽ bắt nguồn từ một mối bận tâm, một bồn phận chưa làm tròn. Nghĩa trang đầu tiên trong đời mà tôi còn nhớ là nơi chôn cha tôi. Ông tử trận ở Tuy Hòa năm 1965. Người ta mang linh cữu về chôn ở Phường Cũ, Nha Trang, nơi tôi chào đời. Mười năm sau chúng tôi xa quê hương. Đến nay đã hơn 40 năm kể từ ngày cha được hạ huyệt.

Mẹ tôi từng dứt khoát đoạn tuyệt với những kỷ niệm đau thương trong quá khứ. Đó là cách từng giúp cho bà được vững mạnh lý trí, sống còn tại miền Nam sau ngày di cư từ miền Bắc. Bà mang ý chí quyết liệt đó đến Mỹ, ít khi nhắc đến cha tôi. Có lẽ chiến tranh đã không cho họ được những ngày hạnh phúc, gần nhau như những cặp vợ chồng khác, nên mỗi khi nhắc đến cha bà nhớ đến những chuỗi dài năm tháng phải một mình phấn đấu nuôi con giữa chợ đời. Xóa hết quá khứ giúp mẹ khỏi sống lại những cảm xúc đau thương còn sót ở trong lòng. Đến thời gian sau này, mẹ biết tôi vẫn khẩn vái trước bàn thờ cha mỗi ngày, nhưng bà tuyệt không nhắc đến chuyện tìm lại mồ mã, xem xương cốt như những món tài sản bị mất trong những lần di tản. Không ai quay về tìm lại chiếc xe đạp, chiếc áo. Hai đứa con là tài sản do ông để lại, vậy là đủ. Hồn ông đã siêu thoát đến một thế giới khác, cần gì phải níu kéo với mấy khúc xương. Tôi tin mẹ đúng. Thế nhưng vẫn có đôi điều trì kéo tôi lại, một sợi dây thiêng liêng còn siết chặt con. Tôi muốn được một lần thật sự chia tay với ông. Chúng tôi rời Nha Trang trong không khí âu lo của chiến tranh, không kịp thăm mộ ông lần chót. Kể từ năm 1975 đến nay tôi về Việt Nam được hai lần. Trong lần đầu vào năm 1998, tôi thăm quê vợ, dành nhiều thời giờ cho gia đình mới quen, được vài ngày theo mấy thân nhân ra miền Trung, đến Mũi Né, Phan Thiết. Tôi không thể đi xa hơn đến Nha Trang.

Trong lần thứ nhì vào năm 2000, tôi về đến Nha Trang, cũng theo nhóm thân nhân bên vợ. Chương trình của họ chỉ ghé nơi đây một ngày một đêm. Ngay buổi trưa mới đến, tôi liền bày tỏ ý định muốn tìm một nghĩa địa tại Phường Cũ, không tham dự buổi chơi ngoài bãi biển với mọi người. Hai ông anh đề nghị đi theo như để bảo đảm tôi không đi lạc hoặc gặp phiền phức với người địa phương, mà nhất là công an. Theo lời chỉ dẫn, chúng tôi đi bộ về hướng Phường Cũ. Tôi nôn nao rảo bước rất nhanh, trong khi hai anh đi chậm một phần vì tuổi tác, một phần vì muốn xem phố phường. Đến đầu phố tôi xăm xăm tiến tới phía trước, giữ khoảng cách vừa đủ để không bị thất lạc ngoài tầm mắt của hai ông anh. Tôi nhớ nghĩa trang nằm ở chân đồi. Từ đó nhìn lên cao tôi có thể thấy lưng tượng Phật ngồi trên đỉnh. Đi được hơn trăm thước vào trong xóm, tôi bắt đầu nhìn lên đồi tìm tượng Phật để định hướng. Đúng là lưng Phật kia rồi, mà sao đường phố huyền ảo, xe chạy qua lại, chợ búa đông người, có một đám cãi nhau ngay trước chợ, không thấy bóng mấy nấm mộ. Biết tôi dừng chân nhìn quanh quẩn, hai anh cũng đứng lại, vừa nói chuyện vừa chờ xem tôi muốn đi đâu họ sẽ đi theo. Đến gần một nhà bán hòm, một anh đề nghị tôi vào hỏi đường. Bán hòm chắc quen chỗ chôn, anh nói vậy.

Một phụ nữ khoảng 30 tuổi lắc đầu, không biết nghĩa địa tôi muốn hỏi nằm ở đâu. Thấy tôi chưa muốn rời tiệm, cô quay vào trong nhà, gọi cha ra nói chuyện với người lạ. Vừa thấy tôi ông bán quan tài biết liền tôi là Việt kiều, hỏi ngay có phải tôi từ Mỹ mới về. Nghe tôi hỏi có nghĩa trang nào nằm gần đây hay không, người đàn ông đứng tuổi suy nghĩ vài giây xong mới nói, “Tôi biết, mà nghĩa địa đó bị dẹp lâu rồi. Giải phóng vô là họ dẹp mấy ngôi mộ. Mà hỏi chi vậy, có người thân chôn ở đó hả?”

“Ông còn nhớ tên nghĩa địa?”

“Mả Thánh. Nghĩa địa đó chôn nhiều người ngoại quốc từ thời Pháp. Sao ông có thân nhân chôn ở đó?”

Mả Thánh. Lúc đó tôi mới nhớ ra tên nghĩa trang. Đúng là Mả Thánh. “Ông còn nhớ hồi trước Mả Thánh nằm ở đâu không?”

“Kia kia. Ngay trước mắt đó!”

Theo hướng tay của ông, tôi thấy đám cãi nhau trước chợ. Vậy là nghĩa địa đã được san bằng để xây chợ. Tôi đứng yên vài giây, tính hỏi thêm, song lại thôi. Tôi cần mấy ngày nếu muốn tìm hiểu nhiều hơn. Thời gian thăm Nha Trang quá ngắn, tôi không thể bắt hai anh phải dành thêm thời giờ trong khi gia đình đang chờ ngoài bãi biển. Tôi cảm ơn ông bán hòm, chào cô con gái đang nhìn theo chúng tôi. Buổi chiều hôm ấy mọi người vui chơi trên bãi cát, trong khi tôi ngồi nhìn ra khơi, chưa xóa được ấn tượng mấy dãy mộ bị thay thế bởi những hàng quán trong một khu chợ dơ bẩn, ồn ào.

Bữa hôm sau xe đưa nhóm du khách lên miền cao nguyên. Chiếc minivan càng chạy xa Nha Trang tôi càng xuống tinh thần, biết rằng tôi có rất ít cơ hội được trở lại. Mọi người trong xe đang vui chơi với mấy câu thơ “Qua Đèo Ngang” của bà Huyện Thanh Quan, đổi chữ cho câu thơ mỗi lúc một vui nhộn hơn. Thấy tôi yên lặng nhìn ra ngoài cửa sổ, một bà chị hỏi nhỏ một người khác mà tôi nghe được, “Sao Đạt buồn thiu, nãy giờ không nói gì hết?” Tôi ráng cười, nói rằng xe chạy đường đèo nên tôi hơi chóng mặt. Tôi không dám nói thật. Khó quá!

Mấy ngày sau vợ chồng tôi về lại California. Tôi lên mạng dò tìm địa chỉ, số điện thoại của các cơ quan tại tỉnh Khánh Hòa. Tôi gọi viễn liên vào mỗi buổi tối, canh đúng giờ ban trưa tại Nha Trang. Sau vài lần hỏi, bị chuyển từ văn phòng này đến văn phòng khác, không ai biết nghĩa địa Mã Thánh, cuối cùng tôi nghe một ông cán bộ ở một văn phòng nào đó nói rất chắc chắn, giọng tử tế. Các phần mộ đã được mang về Đồng Bò, tập trung hết ở đó. Mọi chi tiết trên bia mộ được ghi lại. Ông đến Đồng Bò thế nào cũng tìm thấy. Tôi cảm ơn ông ấy, cảm thấy còn một chút hy vọng mặc dù không biết Đồng Bò nằm ở đâu ở ngoại ô Nha Trang.

Thế rồi sáu năm trôi qua. Tôi không có đủ phương tiện tài chánh hoặc vì hoàn cảnh nên chưa thể về lại Nha Trang. Tôi cũng không muốn nhờ ai khác đến Đồng Bò giúp tìm cha. Cầm được mấy khúc xương trong tay không hẳn là điều quan trọng nhất. Tôi muốn đích thân về tận nơi, được nhìn thấy thân phụ cho dù người ta chôn ông dưới đất, cất trong một hộc kéo, hay đựng trong một hộp giấy đóng bụi trên kệ. Trong cuộc hành trình ấy tôi không chỉ gặp lại thân phụ mà biết đâu còn giải đáp đôi điều cho chính mình. Nào ai biết chuyện gì sẽ xảy ra cho đến khi chuyến đi được khởi hành.

Nhiều lúc tôi thầm cảm ơn sự việc bị mồ côi cha quá sớm. Sự ra đi của ông khi tôi mới bốn, năm tuổi khiến tôi phải trực diện cái chết lần đầu tiên trong đời. Kinh nghiệm bản thân đó thấm sâu, dai dẳng, đôi khi giúp tôi hiểu nhiều hơn bội phần so với mô kiến thức lượm lặt từ những chồng sách vở. Có lẽ nhờ đó tôi sớm biết quý sự sống, nhận ra nhịp thở đều đặn trong muôn thú, nghe được mạch nhựa tuôn tràn trong cỏ cây, cảm được nụ cười của niềm sống xen lẫn giữa tiếng khóc của nỗi chết. Có lẽ sự mất mát là một món quà lớn nhất mà cha đã tặng cho tôi. Mỗi lần dừng xe, đi bộ trong nghĩa trang, tôi đón nhận những món quà của người khuất bóng, lắng nghe hơi thở không thể trở về từ bên kia những bia mộ. Tôi nhẹ nhõm khi rời những mồ mả, biết rằng muôn vạn cái chết vĩnh viễn chính là niềm sống cho tôi trong giây phút phù du này.

Westminster, October 16, 2006

Nguyễn Tất Nhiên, nhà thơ biểu tượng

Nguyễn Bảo Hưng

(Viết để tưởng niệm nhà thơ bất hạnh quá cố)

Tôi không hề quen biết Nguyễn Tất Nhiên và cũng chẳng một lần được tiếp xúc với anh. Lần đầu tôi được biết đến tên anh là khi quanh tôi bỗng vang vang một số câu ca chẳng mấy chốc bỗng trở nên quen thuộc : " *Đưa em về dưới mưa, nói năng chi cũng thừa... " hoặc " Thà như giọt mưa vỡ trên tương đá!..., Có còn hơn không, có còn hơn không... " . Đó là mấy câu thơ phổ nhạc, lời lẽ dung dị nhưng hình ảnh độc đáo, vần điệu tự nhiên lôi cuốn, dễ thấm sâu tâm thức*

người nghe. Hồi đó, đang mang tâm sự buồn vì mới phải khoác bộ đồ lính và bị chôn chân tại một nơi đèo heo hút gió, những lúc buồn tình tôi hay buột miệng nhâm nhi mấy câu thi nhạc này. Có lúc tôi còn nghịch ngợm đổi câu : " *Ta chạy vòng tròn, ta chạy mòn chân* " ra thành : " *Ta chạy vòng tròn, ta chạy vòng quanh* " rồi khoái chí cười thầm tự nhủ : " *Đúng là thơ với thần, đúng là thần với thơ. Cái anh chàng Nguyễn Tất Nhiên quả khéo chọn cho mình cái tên tiền định. Khi không được ông Phạm Duy nổi hứng phổ nhạc cho một vài bài thơ, thế là bỗng dung đâm nổi tiếng.* "

Sự liên hệ giữa tôi với Nguyễn Tất Nhiên chỉ có vậy, không quá giới hạn mấy câu thi nhạc do quen miệng vẫn thường nghe ngao hát hồng. Bẵng đi một thời gian cho mãi tới cuối năm 1992, tôi bỗng nghe tin anh mất và được người bạn gửi cho bản sao chụp một vài bài báo nói về cái chết của anh. Nhờ đó tôi mới biết anh đã đi tìm cái chết bằng tự vẫn trong chiếc Toyota cũ kỹ với bộ quần áo nhàu nát, râu tóc lờm chờm. Bên cạnh các bản tin, có khi tôi được đọc đôi ba lời của những người thân quen với anh, nói về anh, nhắc nhở một vài kỷ niệm đã sống với anh, ái ngại cho thân phận anh hoặc bày tỏ lòng trắc ẩn trước cái chết thân tàn ma dại của anh. Nhưng, cát bụi rồi cũng phải trở về với cát bụi, chẳng mấy chốc không mấy ai còn buồn nhắc nhở tới anh thêm nữa. Vả lại, xét cho cùng, với những người còn sống trên thế gian này, có biết bao điều ăn khách hơn để mà nói. Cái vụ cô ca sĩ sồn sồn nổi danh vừa bắt thêm được một kếp nhí này. Cái vụ án sex giữa cô thư ký với nhà chính khách khả kinh lúc nào cũng lên mặt đạo đức răn đời này. Rồi lại còn vụ anh chàng khôi ngô tuấn tú, ăn nói thật nhỏ nhẹ dễ thương, ấy vậy mà giết người hàng loạt không gớm tay ; giết xong còn đem xác ra cửa như cửa gỗ không mảy may xúc động... Những vụ việc đó đem khai thác có phải ăn khách biết mấy không. Công đâu tốn giấy mực để nói nhiều về một anh chàng nằm chết rũ như dân bụi đời chính cống trong một chiếc xe tồi tàn. Cho dù người chết có là một nhà thơ từng được người đời biết đến. Muốn có thể đứng trong cái xã hội chạy theo danh vọng tiền bạc này cần phải biết mần ăn chút đỉnh. Văn chương, nghệ thuật gì cũng cần có Marketing, phải biết làm Show, phải biết biến nó thành Business. Thời buổi này mà vẫn lảng cháng thích kể chuyện tình kiều chú Cuội mơ tưởng Hằng Nga thì chỉ có nước đi chằm công thất nghiệp. Riêng tôi, tin anh chết có làm tôi phần nào xúc động. Giấy lát, tôi liên tưởng tới cái chết của nhà văn Ernest Hemingway. Nhưng rồi, cũng như mọi người, tôi lại lẩn xả vào cuộc sống bon chen để kiếm miếng ăn. Và hình ảnh anh, cuối cùng, cũng bị xóa nhòa trong ký ức.

Mãi tới gần đây, bất ngờ tôi nhận được thư của một cô học trò cũ đã từ lâu không có liên lạc. Trong thư cô cho biết đã quyết định rời hẳn Sài Gòn để về sông ở làng quê thuộc một vùng Tiền giang hẻo lánh, nơi tôi được gửi tới dạy học khi mới ra trường. Trong thư cô viết :

" *Thầy ơi ! Sao thầy không chịu về Việt Nam để biết đến đời sống Sài Gòn ngày nay ra sao. Ít ra thầy cũng phải thực hiện một chuyến đi để thăm dân cho biết sự tình chứ. Có về thầy mới biết được Sài Gòn trong thời kỳ mở cửa bước sang kinh tế thị trường đã biết đưa đời thói sống văn minh tiến bộ như thế nào. Có về thầy mới thấy được là Sài Gòn nay đang tái diễn lối sống như thời Mỹ ở ạt đổ quân vào miền Nam trước đây, nhưng ở qui mô còn lớn hơn gấp bội. Cũng cảnh những tòa cao tầng sang trọng ngày được dựng thêm, nhưng càng để lộ bộ mặt vênh váo xác xơ bên cạnh những khu nhà ổ chuột càng như chìm ngập giữa những đồng rác chất cao như núi. Phố phường tấp nập người, xe như mắc cửi. Phòng trà, quán ăn mọc lên như nấm. Ai nấy đều hồi hã nhón nhác lo chạy miếng ăn hay giành dật áp phe để được ăn chơi thả dãn. Và bên trên tất cả vẫn là thần đô la ngự trị. Có điều khác là Sài Gòn trước đây em còn nghe được mạch sống ưu tư, em còn được thấy những con người, em còn bắt gặp những tâm hồn. Dẫu sao thì bên cạnh những bộ mặt hoạt đầu chính trị, những tướng tá tham những bất tài, những gian thương đầu cơ bất chính, Sài Gòn thời đó còn nặng trĩu một bầu không khí quê hương. Sài Gòn thời đó còn có những cuộc biểu tình xuống đường, còn có những đêm thao thức không ngủ. Và trong cái không khí đấu tranh sôi sục ấy, còn có những con người khắc khoải một nỗi*

ám ảnh về quê hương đất nước. Ngày nay giữa một Sài Gòn thanh bình trong lòng đất nước đã độc lập thống nhất, vậy mà em có cảm giác như người người đều hướng ngoại và chỉ thích trọng ngoại, dường như chẳng còn mấy ai buồn nhớ rằng hãy còn một quê hương đang chờ được vực dậy và bồi đắp cả. Hay đúng ra hai chữ quê hương, nếu còn mang một ý nghĩa nào đó, thì nó chỉ đọng lại trong niềm chua xót của những con người, dù ở bên này hay bên kia chiến tuyến, đã từng chấp nhận xả thân cho lý tưởng bảo vệ quê hương, nay đang bị hất hủi gạt sang bên lề cuộc sống. Thầy ơi, thầy hãy về đi. Thầy phải về thăm một lần để hiểu dùm em tại sao em không còn tha thiết với Sài Gòn nữa. Em hết muốn ở lại để khỏi phải chứng kiến cảnh những người lính cộng hòa thời trước, nay phải lê lét tẩm thân tạt nguyên trên chiếc nạng gỗ để kiếm miếng ăn. Họ chỉ biết tìm lẽ sống trong niềm hãnh diện đã dám ở lại chiến đấu tới cùng để sống chết vì niềm tin, chứ không hốt hoảng bỏ trốn như đám chỉ huy bất tài hèn nhát. Em cũng không muốn ở lại để phải chia sẻ niềm chua xót với những con người từng được tuyên dương dũng sĩ diệt Mỹ cứu nước. Vậy mà nay, cũng vì một dạ sắt son với lý tưởng đấu tranh, họ đành chịu ngán ngẫm trước cảnh các đồng chí đã từng chung lưng đấu cật, nay nhờ có chức vụ và biết tham ô móc ngoặc, đã thản nhiên quay lưng với lý tưởng để được thỏa thuê thụ hưởng với tài sản và quyền hành trong cương vị một đẳng cấp mới. Thầy ơi, Sài Gòn ngày nay đã trở thành xa hoa tráng lệ hơn khi xưa nhiều ! Nhưng cảnh phô bày cảnh xa hoa tráng lệ bao nhiêu, em càng thấy cuộc sống nó lạc điệu bấy nhiêu. Bởi vậy em chán sống ở Sài Gòn lắm. Phải nói là em sợ sống ở Sài Gòn mới đúng. Em không muốn ở lại để phải chứng kiến những cảnh Sài Gòn đổi mới trong giai đoạn mở cửa kinh tế. Em ngại rằng tiền bạc đầu tư được đổ thêm vào, nếu có giúp cho tăng trưởng kinh tế, thì tình trạng này cũng chẳng đem lại cải thiện đồng đều cho toàn xã hội. Sự tăng trưởng, nếu có, rút cục chỉ giúp cho việc huênh hoang tạo thành tích nâng cao được tỉ số đô la về lợi ích bình quân tính theo đầu người ; nhưng thực chất có thể nó còn khoét sâu hố ngăn cách giàu nghèo và đẩy đất nước lún thêm trong bãi lầy chậm tiến. Thầy ơi, trước đây khi phong trào đấu tranh sôi sục của học sinh, sinh viên dâng cao, trong làn không khí sặc sụa hơi cay và trước dùi cui thô bạo của cảnh sát dã chiến em chẳng biết sợ là gì. Vậy mà sao bây giờ em lại thấy sợ nhiều điều quá, thầy ơi ! Em sợ cảnh đô la hàng hóa ngày càng tràn ngập thành phố sẽ làm cho con người Sài Gòn ngày càng bị cướp đoạt linh hồn. Em cũng sợ mỗi lần phải gập bộ mặt vênh váo trên thân hình béo ngậy của những kẻ từng bị coi là quân bán nước bám đít giặc, nay nhờ có mớ đô la vác về lại được trọng hậu tiếp đón như những bậc chính nhân quân tử : bởi vì những cảnh ngộ đó bắt em cứ phải nhớ lại rằng cuộc đời thực chất bao giờ cũng vô luân và tàn nhẫn lắm. Em càng sợ hơn nữa khi có những lúc em tưởng như không còn nhận ra được ngay chính em. Trước đây, thầy cũng biết, em sôi nổi nhiệt tình là thế. Vậy mà ngày nay, mỗi lần nghe nhắc đến nào là độc lập tự do, nào là công bằng xã hội, nào là dân chủ dân quyền, em chỉ nghe lòng mình lạnh giá, tưởng như còn thêm muốn đóng băng. Bởi thế nên em sợ, em sợ, em sợ lắm thầy ơi ! Bởi thế em chỉ muốn sống xa, xa thiệt xa, sống xa Sài Gòn... ".

Cuối thư cô không quên hỏi tôi có còn giữ được cuộn băng nào mang những tình khúc Nguyễn Tất Nhiên hay không ? Cô còn nhắc đến bản nhạc " *Thà như giọt mưa...* " mà cô rất ưa thích và cũng là bản tôi được nghe cô hát trong một buổi sinh hoạt văn nghệ của nhà trường. Cô cho biết cô đã khóc nhiều khi nghe tin Nguyễn Tất Nhiên mất. Cô khóc vì ý thơ anh đã đem lại cho cô nhiều cảm xúc đẹp. Bởi vậy cô đã khóc cái chết của nhà thơ như khóc cho chính cô, khóc để tiễn đưa một thiên đường đã mất. Nay cô mong được nghe lại những bản nhạc mang ý thơ Nguyễn Tất Nhiên, chắc vì muốn được trở về với bầu trời thơ nay đã bị đẩy lui vào dĩ vãng, cái bầu trời thơ đã đùm bọc cô bằng những kỷ niệm ấm áp của thời con gái khi lòng mình chớm biết xôn xao. Thư chỉ có bấy nhiêu hàng chân tình giản dị : nhưng cảm xúc lại tràn đầy, ý tưởng thật súc tích.

Bức thư vẫn nằm trong tay, tôi chưa dứt được nỗi bàng hoàng xúc động. Trước những tâm tình bộc lộ trong thư và trước niềm mơ ước của cô được trở về với thế giới nhỏ nhoi của mình, tôi

không khỏi liên tưởng tới thái độ ơ hờ của tôi khi nghe tin Nguyễn Tất Nhiên mất. Tôi cho rằng do môi trường sống khác biệt, những kẻ nay đã làm quen với nếp sống văn minh máy móc tây phương khó mà còn biết rung cảm với ý thơ Nguyễn Tất Nhiên như những con người còn ở lại Việt Nam. Chỉ những con người vẫn sống bám rễ trên mảnh đất còn đói khổ ấy, những con người đã lớn lên trong đau thương đầy máu và nước mắt, và nay vẫn tiếp tục phải đi tìm ý nghĩa cuộc đời trong chất đắng men cay của kiếp người : chỉ có họ thôi mới cảm nhận được hết cái đẹp của ý thơ Nguyễn Tất Nhiên trong trạng thái nguyên thủy của nó.

Hình ảnh Nguyễn Tất Nhiên nằm chết trong chiếc Toyota cũ kỹ bỗng lại hiện về, mỗi lúc một rõ nét, như một tra vấn, như một ám ảnh. Tôi bỗng đâm thắc mắc. Tôi bỗng trở nên suy tư. Tôi bỗng ham muốn tìm hiểu sâu xa về anh, về con người anh, về quyết định ra đi của anh. Cố lục lọi trong đám băng nhạc cũ bị bỏ sót từ lâu, tôi mừng rỡ khi tìm ra cuộn băng " Những năm tình lận đận " mà cô ngõ ý muốn tôi sang cho một cát sét. Tôi dành cả buổi tối để nghe cuộn băng, đặc biệt nghe đi nghe lại bản " Thà như giọt mưa... " qua tiếng hát Lệ Thu (1).

Giọng người hát nay có bị chai đi ít nhiều nhưng tài năng diễn xuất vẫn đều luyện như thuở nào. Âm thanh từ máy hát đã dứt từ lâu... Trong bóng đêm bao trùm sự sống lắng đọng, tôi nằm im chờ giấc ngủ, tai như còn nghe vang vang giọng hát điệu nhạc. Những lời ca " Thà như giọt mưa vỗ trên tượng đá... Có còn hơn không ! " vẫn vang vang trở đi trở lại, nhịp nhàng thấm dần tâm thức tôi như những giọt nước còn sót lại của cơn mưa đầu mùa, từ mái tranh vẫn nhỏ đều, nhỏ hiền lành, nhỏ kiên trì, nhỏ thánh thót, nhỏ như muốn thấm sâu vào lòng đất nứt nẻ khô cằn, để từ đó làm nẩy lên một mầm mới xanh tươi. Thế rồi tôi bỗng nghe toàn thân tỏa lan một cảm giác trong sáng êm dịu, tươi mát như lần đầu tiên tôi được tiếp xúc thế giới thơ anh. Thì ra không phải nhờ được Phạm Duy phổ nhạc mà thơ Nguyễn Tất Nhiên được người đời biết đến. Chính vì thơ anh chan chứa hồn thơ nên mới gợi hứng cho Phạm Duy muốn đem phổ nhạc. Riêng tôi, càng lắng nghe bản " Thà như giọt mưa... " tôi càng tìm thấy nơi bản tình ca một kỹ năng diễn đạt điêu luyện. Điều luyện đến mức có thể đem so sánh với những bài thơ thành tựu nhất theo đòi hỏi của Thi pháp biểu tượng.(2)

Vào giữa thế kỷ thứ 19 xuất hiện tại Âu châu một trào lưu tư tưởng dẫn đến một hệ thẩm mỹ mới mở đường cho một trường phái sáng tác mới gọi là trường phái *biểu tượng* hay trường phái *tượng trưng* (*école symboliste*). Ra đời vào lúc chủ nghĩa tư bản phôi thai đã bước sang thời kỳ phát triển quá độ, trường phái biểu tượng xuất hiện như một bưng bình của đời sống tâm linh trước xu hướng đương thời ồ ạt chạy theo tiện nghi vật chất. Trên bình diện văn học, nó là phản ứng chống lại trào lưu thời đại bộc lộ óc tôn sùng khoa học thái quá. Vào lúc Ernest Renan với cuốn " *L'avenir de la science, 1890* " đặt niềm tin vào khoa học có thể giải quyết toàn bộ vấn đề tri thức cho loài người và những Emile Zola (3), những Paul Bourget(4) muốn áp dụng các phương pháp quan sát và lý luận khoa học vào việc nghiên cứu các hiện tượng đời sống xã hội và con người trong văn học, nhà thơ Charles Baudelaire và các đồng môn của ông lại muốn ca ngợi sự hiện hữu của một thế giới siêu việt huyền diệu, huyền bí bên trên cái thế giới của tồn tại hữu hình. Cái thế giới siêu việt ấy chính là cái thế giới của đời sống tâm linh mà ta chỉ có thể gọi lên theo cảm nhận của trực giác chứ không thể mô tả theo ghi nhận của giác quan. Và chỉ với thi ca nay được quan niệm như một phương pháp biểu thị mới, ta mới có khả năng nói lên được tính huyền diệu, huyền bí của thế giới siêu việt ấy. Do đó Baudelaire đã đề xuất một quan niệm mới về thi ca hoàn toàn khác biệt với quan niệm thi ca truyền thống, đồng thời cũng đánh dấu một cuộc ly dị trong lãnh vực ngôn ngữ giữa thi ca và văn xuôi. Quan niệm mới về thi ca này chính là chủ trương của thi pháp biểu tượng hay thi pháp tượng trưng (*poésies symbolistes*) (5).

Theu Baudelaire cùng các đồng môn của ông, thơ không cùng chung ngôn ngữ với văn xuôi vì thế giới thi ca và thế giới của văn xuôi là hai thế giới biệt lập. Thế giới thi ca là thế giới siêu việt (*transcendant*), thế giới ưu tú thuộc về đời sống tâm linh, vượt hẳn lên cái thế giới thực dụng dung tục của giác quan. Do đó thơ phải là một loại ngôn ngữ đặc biệt mang chức năng cao cả

nói lên được tính chất siêu việt của đời sống tâm linh. Bản chất khác với văn xuôi, nó không thể -theo quan niệm cổ truyền " *poesis ut pictural* " (*thơ là tô họa*)- là cách phát biểu hoa mỹ hơn, có vần điệu hơn, để cũng chỉ nói lên những gì văn xuôi có thể diễn đạt được.

Văn xuôi là ngôn ngữ của thực dụng, ngôn ngữ của kinh nghiệm thực tiễn để nói với lý trí, nói với giác quan. Nó chỉ nêu ra các sự kiện, gây cho ta một ý niệm về các sự kiện hoặc dựng lên trước mắt ta hình tượng một sự vật đã được ghi nhận theo giác quan. Chỉ danh, mô tả hoặc giải thích một sự vật (cái nhà) hay một ý niệm (ái tình) , để làm ta liên tưởng tới hình ảnh tới quan niệm ta sẵn có về sự vật, về ý niệm đó. Và do trí óc, trí tưởng tượng đã được thỏa mãn, ta không muốn cố gắng đi sâu xa hơn để vượt qua cái vỏ bên ngoài, đi sâu đến cốt lõi, đi tận vào bản thể của từng sự vật, từng sự kiện được nêu ra. Đối với thế giới hữu hình đã vậy, văn xuôi lại càng bị giới hạn, nếu không muốn nói đôi khi còn bất lực, để nêu lên những trạng thái sống, những hình thức sinh hoạt của tâm linh. Khác với ý niệm hay hình tượng chỉ là phóng chiếu hay sao chụp của một thực tại bỗng trở nên cứng nhắc, mỗi trạng thái tâm linh đều là một thực thể cá biệt, đơn thuần, phong phú và sinh động. Nêu tên hoặc mô tả tức là đem lồng nó vào những khung sẵn có, giản lược nó vào những khuôn mẫu chung chung, làm nó trở nên nghèo nàn khô héo, giết chết tính đặc thù, tính sinh động của nó.

Để bổ xung cho khả năng hữu hạn của văn xuôi, Baudelaire chủ trương thi ca phải là một ngôn ngữ mới, một phương thức biểu thị mới, một cách tiếp cận mới hiện thực (*une nouvelle approche de la réalité*) để đảm nhiệm một chức năng mới : cho phép ta nói lên những gì mà ngôn từ hàng ngày không thể diễn đạt hết được. (Nhưng thơ cũng không vì thế phải là một cách nói hủ nút, nói tối tăm bí hiểm khiến không ai cảm nhận nổi). Muốn đạt được mục tiêu, thi ca phải chấm dứt ngay cuộc ăn nằm vụng trộm đã từ lâu trót lỡ với văn xuôi. Từ nay thi ca phải thay thế thói quen chỉ danh, mô tả hay kể lể của văn xuôi bằng phương thức ám chỉ, bằng dùng các biểu tượng để gợi ý. Nhờ vào các hình tượng, các biểu tượng để gây liên tưởng, nhờ biết tận dụng khả năng khêu gợi của thanh âm, của màu sắc tiềm ẩn nơi ngôn từ, thi ca sẽ lần lần dẫn dắt người đọc, người nghe hình dung được một cách sinh động, thậm chí cảm cảm thấy như *sờ được* (6) toàn bộ điều nhà thơ muốn nói lên. Đặc biệt trong công tác này, nhà thơ còn phải dành cho nhạc tính một địa vị ưu thế. Nhạc tính (*la musicalité*) không chỉ đơn thuần là nhạc điệu (*la musique*) được tạo thành bởi vần điệu (*la rime*) và tiết nhịp (*le rythme*) tức là sự phân bố hài hòa giữa các âm thanh trầm bổng và các điểm nhấn trong câu thơ, trong mạch thơ. Nhạc tính cũng có thể là một hình tượng hay một nhóm từ được sử dụng như nốt nhạc chủ trong một bản nhạc hay như câu đọc lâm râm làm lời niệm chú trong một bản kinh cầu. Nhưng dù dưới dạng thức nào, nhạc tính cũng phải giữ một vai trò chủ chốt vì nó là thành phần có khả năng mê hoặc và gợi cảm nhất. Nhờ nó thi ca sẽ có thêm quyền lực để ru ngủ lý trí, đánh thức dậy những cảm xúc, những ấn tượng còn bị giam cầm nơi tiềm thức, giải thoát chúng được tự do bay bổng, đưa tâm hồn ta đi vào cõi huyền diệu, cõi huyền bí của đời sống tâm linh. Đi vào cõi thơ.

Trên đây là tóm lược nội dung quan điểm về bản chất và chức năng của thơ theo mỹ quan biểu tượng. Chúng ta sẽ tìm hiểu cụ thể hơn qua nghiên cứu kỹ năng bộc lộ chất thơ và ý thơ trong bản " *Thà như giọt mưa....* " (7).

Đây là một tình khúc như mọi người đều biết. Thế nhưng từ " tình yêu " chỉ được nhắc đến một lần (*Ta hồng tú tài, ta hực tình yêu*). Và nó cũng chỉ được sử dụng theo nghĩa thông dụng, như khi ta nói cái bằng tú tài, cái nhà, cái tử... Còn lại, ta không hề thấy nào là : đắm lệt, ướt mi, xót xa, đắng cay, mặn chát..., toàn là những lời lẽ rên rỉ rất được tán thưởng trong giới mộ điệu ưa nghe kể lể những mảnh tình. Chính nhờ vậy mà bản tình ca mới ướt đầm một không khí yêu đương.

" *Người từ trăm năm* " là biểu tượng cho người tình muôn thuở, nhân vật không thể thiếu trong bất cứ mọi câu chuyện tình. Tượng đá là biểu tượng cho người đẹp vô tình và những câu " *Thà như giọt mưa đến ôm tượng đá...* " biểu tượng cho nỗi đam mê thắm kín của chàng trai si tình. Những hình tượng này dệt thành một điệp khúc buồn dàn trải trên chỉ một vài nốt nhạc vẫn khoan thai nhỏ giọt, khiến ta liên tưởng tới một nỗi buồn gậm nhấm dai dẳng.

Mỗi lần điệp khúc trở về là hình ảnh lại hiện lên rõ nét, thêm cụ thể. Từ một biểu tượng phổ quát trừu tượng, người tình muôn thuở trở nên nhân vật có hình hài (*người từ trăm năm về phai tóc nhuộm*), rồi biến ra cô sinh viên trường Luật, để cuối cùng xuất hiện thành thiếu nữ mang tên *Duyên*. Hình ảnh tuy được ống kính thu vào mỗi lúc một gần cho vóc dáng hiện ra mỗi lúc thêm đậm nét, nhưng người con gái vẫn giữ nguyên vẻ đẹp xa xăm huyền thoại. Người nghe, do đó, vẫn có thể thoải mái hình dung người đẹp lý tưởng của mình, nhờ tác giả đã không tìm cách giam hãm trí tưởng tượng của ta bằng một vài nét đặc thù (cho dù có là những nét chấm phá thơ mộng, như cặp mắt nai tròn hay nụ cười răng khểnh răng sún gì đó). Và khi bóng dáng người đẹp sáp lại gần cũng là lúc đam mê dồn dập kéo tới. Nhưng ta cũng chỉ bắt gặp những hình ảnh động tác để gợi lên chứ không hề thấy lời tìm cách diễn tả. Vì vậy đam mê càng bộc lộ được hết cường độ của nó.

Giả dụ để tỏ tình, lúc đầu tôi có ý mượn câu nói thường tình dân gian " anh yêu em hết mình ", những tưởng ăn nói thiệt thà như vậy cũng đủ cho em thấy rõ cái bộ đồ lòng của tôi nó ra sao rồi. Nhưng suy đi tính lại, tôi thấy tỏ tình kiểu đó vai u thịt bắp quá, chắc khó làm mềm lòng được người em văn nghệ có đôi mắt sầu vạn cổ vẫn thích đứng khép nép bên song cửa. Bởi vậy tôi quyết định phải đi tìm lời lẽ cho được văn chương trữ tình hơn. Cuối cùng, sau khi sưu tầm một số bài hát thuộc loại top ten trong số những đĩa nhạc được mô tả là ăn khách nhất trong các giới mộ điệu thường lưu tới các phòng trà quán nhạc ca rao O.K, tôi đã gạn lọc được một số lời lẽ rất ư là lâm ly ướt át để thảo ra một bản tuyên ngôn tình ái như sau : " Em ơi ! Từ buổi được gặp em, anh vẫn đêm ngày mơ tưởng tới em nằm bên gối mộng. Anh ước ao sẽ có bữa được cùng em ngắm ánh trăng thề. Anh mong tới ngày anh được cùng em sống chung dưới túp lều tranh, anh chép vãn, em may đồ. Rồi chúng ta sẽ có con đàn cháu đống, tha hồ mà lãnh trợ cấp welfare, hạnh phúc đùm đê, sống lâu trăm tuổi... Em ơi, em ơi ! Lâu đài tình ái đó đó, sao em không chịu đến sống cùng anh ? Để anh buồn, để anh đâm tuyệt vọng. Cuối cùng anh chỉ mong được làm con thú đi hoang để quên đi mối sầu nhân thế... ". Ôi chao ôi ! Nếu tôi có diễm phúc được làm địa chỉ đáo nhậm cho mấy dòng chữ không những lên lảng văn chương mà còn đầm đìa nước mắt nước mũi, rống lên tiếng lòng nỉ non của chàng trai tơ thêm khát yêu đương khiến con tim phải co thắt bầm rập đến rớm máu ấy, chắc tôi sẽ không tránh khỏi mũi lòng và ngăn nỗi đôi hàng châu rơi lã chã...(lã ra cũng là trong giây lát). Nhưng chắc chắn tôi sẽ không tránh khỏi vấn vương thắc mắc và tò mò muốn biết để tìm hiểu nhiều hơn về mối tình câm nín của chàng trai nào đó, chỉ biết ấp ủ nỗi đam mê muốn trở thành diên loạn của mình trong mấy lời bộc lộ kín đáo như sau :

" *Ta chạy vòng vòng, ta chạy mòn chân.*
Nào có hay đời cạn, nào có hay cạn đời. "

Hoặc:

"*Ta chạy mù đời, ta chạy tàn hơi,*
Quy tề trên đường rồi, sợi tóc vương chân cười. "

Vậy đó. Thơ không phải là một cái lon ông ổng toàn những chữ với nghĩa. Thơ chỉ có là một chuỗi hợp âm chuyên chở được một cõi lòng. Và cõi lòng ấy, Nguyễn Tất Nhiên không chỉ tìm cách khơi động cảm xúc nơi người đọc, người nghe bằng kỹ thuật biểu tượng. Anh còn khéo khai triển ý thơ theo cấu trúc của một tấu khúc cổ điển.

Một tấu khúc cổ điển là một ý nhạc được khai triển qua một số hành âm. Mỗi hành âm là một trở về với ý nhạc nguyên thủy, nhưng với một vài biến dạng để mở rộng hoặc đào sâu khiến ý

nhạc thêm phát triển phong phú. Và bản nhạc, cứ thế được triển khai theo đúng qui trình phát triển của sự sống nên, khi những nốt nhạc kết thúc vang lên, người nghe có được cảm giác sung mãn như khi được theo dõi quá trình phát triển biến chứng của một nhất thể sinh động. Tinh khúc của Nguyễn Tất Nhiên cũng vậy. Toàn bài thơ phổ nhạc cũng chỉ là sự trở đi trở về của cùng một điệp khúc. Nhưng mỗi lần điệp khúc được lập lại, ý thơ trở nên rõ rệt hơn và cảm xúc cũng tăng theo. Tất cả những chuẩn bị đó chỉ nhằm dẫn dắt ta đến hình ảnh thi vị cuối cùng : Ước mơ của Nguyễn Tất Nhiên được biến thành giọt nước lăn nhẹ trên làn da có những sợi lông măng của người đẹp vô tình khiến nàng cảm nhận ra mối tình ấp ủ của anh và từ đó phải ăn năn suốt đời. Hình ảnh gợi lên đẹp thiết đẹp. Đẹp thanh tao. Đẹp tinh khiết. Đẹp mơ trốn với tôn thờ. Đẹp lãng mạn rất ngộ nghĩnh trẻ thơ. Đẹp khiến người đọc, người nghe phải mỉm cười xúc động. Xúc động trong thoáng băng khuâng mơ màng.

Tôi không biết Nguyễn Tất Nhiên có nghiên cứu về thi pháp biểu tượng ? Anh có thích nghe nhạc cổ điển tây phương ? Nhưng nghệ thuật diễn đạt qua bản tình khúc của anh quả đã thành tựu đến mức thỏa mãn được những ai vốn có một trình độ thưởng ngoạn cao. Thực ra Nguyễn Tất Nhiên không làm thơ : anh chỉ bộc lộ chất thơ toát ra từ cuộc sống. Chính vì thế mà thơ anh đã mang tính chất thành tựu.

Cuộc sống tự nó đã là thơ rồi. Chất thơ đó bàng bạc trong từng biểu hiện đơn sơ, bình dị của đời sống hàng ngày. Nhưng vì nó quá gần gũi, đã quen thuộc nên trở thành tầm thường trước con mắt người đời. Và có lẽ chỉ những ai còn sống đơn thuần, còn sống chân phương, còn biết sống giao cảm với tự nhiên - hoặc phải là những con người có thừa kinh nghiệm sống - mới cảm nhận được chất thơ đó.

" Chúa ơi, Chúa ơi, cuộc sống là đó đó,

Đơn giản và thầm lặng.

Là những tiếng rì rầm bình thản

Đến tự nơi thành phố kia. "

Có lẽ trong đời cần phải được một lần ngồi tù như Verlaine(8), ta mới biết thiết tha với những cái đơn sơ hèn mọn của cuộc sống hàng ngày vẫn diễn ra bên ngoài khung cửa sổ. Cũng cần phải có may mắn như ông, được ngồi hàng giờ trong bóng tối ta mới biết chiêm ngưỡng những hạt nắng lung linh trên vòm lá xanh tươi, thèm khát được làm chú chim non chiu chít trên cành. Và có lẽ chỉ những lúc phải ngồi bó gối trong căn phòng hẹp, đếm tháng ngày lặng lẽ trôi qua, ta mới có được sự tĩnh tâm để đón nghe hơi thở nồng ấm của sự sống vẫn đón đón quanh ta. Đón đón sẵn sàng đến bên ta. Đến bằng những bước chân nhẹ nhẹ. Đến tự nơi thành phố lao xao. Đến với tiếng ngân nga từ gác chuông nhà thờ. Và có lẽ chỉ trong những giờ phút ấy, ta mới biết gục đầu nuối tiếc trong mấy tiếng nấc nghẹn ngào :

" Thế còn mi, phải chính mi đó

Sao cứ khóc than hoài.

Mi hỏi, hãy nói đi, mi đã làm chi

Với tuổi thanh xuân ấy ? (9)

Hình tượng và lời lẽ trong mấy câu thơ của Verlaine bình dị trong sáng là thế. Vậy mà mấy câu thơ ấy vẫn làm tôi bồi hồi xúc động. Càng về sau, càng lạc vào mê lộ cuộc đời, mỗi lần bắt gặp mấy câu thơ này, tôi càng khao khát được uống nước suối nguồn, háo hức tìm về những cảm xúc nguyên thủy, chứa chan men thơ cuộc sống.

Thơ do đó không phải chỉ có là sự tìm tòi một phương thức biểu thị. Thơ chủ yếu nằm trong phong cách của cái nhìn. Nhìn bằng cặp mắt khai phá, nhìn bằng cặp mắt xuyên phá để tìm đến Chân, Thiện, Mỹ. Sau đó, nếu cần, nhà thơ mới phải đi tìm một ngôn ngữ mới để nói lên cái mình biết *nhìn ra*, trong khi người khác mới chỉ *ngó thấy* (10). Cũng bởi là tiếng nói của Chân, Thiện, Mỹ nên ngôn ngữ thơ chỉ có thể là những lời nói chân phương. Thơ không hề là một trò chơi văn chương để tạo ra ảo giác. Nó không phải là một màn biểu diễn đu bay với chữ

nghĩa theo tuồng sơn đông mã vĩ. Nó cũng không phải là một sự tìm tòi lời chau chuốt óng ả để đem cái diêm dúa phủ lên một vũng bầy hầy. Thơ thực ra chỉ là một khổ công tìm tòi nhằm phục hồi tiết hạnh cho chữ nghĩa ngày càng phải mang thân phận điếm thú do người sử dụng đã quen thói dày vò dày đọa nó. Hay nói khác đi, thơ chính là biết dùng sức công phá của tiếng, của lời để làm bật dậy những nguồn sống nguyên trinh còn bị vùi lấp dưới cái vỏ cằn cỗi của những thói đời đã trở nên xẹp nếp. Bởi vậy công trình sáng tạo của nhà thơ phải là đem cái nhìn xuyên phá, cái nhìn khai phá để tìm ra những vùng đất lạ hoặc khai thông cho những mạch sống còn bị vùi lấp dưới bức màn sặc sỡ của đời sống hàng ngày. Đi tìm mới lạ bằng những thủ thuật gò ép giả tạo, thật không có gì phản lại thơ cho bằng. Xét cho cùng, thơ khác với những cái không phải là thơ vì nó không dừng lại ở các hiện tượng, ở cái vỏ đáng dấp bề ngoài. Thơ không phản ánh các cách thế tồn tại trong đời sống. Thơ dẫn dắt ta tìm đến những nguồn sáng tạo của sức sống. Thơ là bản thể đời sống. Thơ thể hiện chân lý cuộc sống. Thơ chính là sự sống. Bởi vậy thơ, nếu đích thực là thơ, chẳng cần nhờ ai làm đáng cho nó cả. Vì là tiếng nói của mạch sống tuôn trào, nên thơ tự xuất hiện trong nguyên trạng của nó và gây cảm hứng nơi ta. Do đó đặc tính của thơ bao giờ cũng là năng lực truyền cảm. Ánh mắt, tiếng cười trẻ thơ vẫn làm ta rung động bởi vì men thơ cuộc sống còn được bảo toàn nguyên vẹn trong lời nói chân thật, tiếng cười nắc nẻ, tia nhìn bỡ ngỡ của trẻ thơ. Chỉ có người lớn khi cặp mắt đã đục ngầu vì những toan tính dục vọng, con tim thì khô quắt lại mới cần mút ngón tay miệng nói "em chã, em chã..." để sáng tác ra thơ. Bởi vậy, thay vì đi tìm chữ nghĩa kiểu cọ để viết lách, người làm thơ muốn được trở thành nhà thơ cần phải học sống thơ trước đã. Có biết sống thơ mới tìm được lại cho mình một tâm hồn thơ. Có tìm lại được tâm hồn thơ mới biết đem cái nhìn thơ vào đời.

Giờ ta hãy trở về với tình khúc "Thà như giọt mưa..." của Nguyễn Tất Nhiên. Lời lẽ và ý thơ trong bản tình ca đã gây ấn tượng sâu sắc cho cả một thế hệ bởi vì nó phản ánh trung thực tâm trạng thanh niên đương thời. Hồi đó người ta yêu thơ Nguyễn Tất Nhiên, người ta bị cuốn hút vào thế giới thơ anh, không phải do Nguyễn Tất Nhiên muốn sống vượt trội hơn người, muốn biến mình thành một thứ siêu sao thời đại. Trái lại, chính vì anh đã biết sống âm thầm, sống lặng lẽ. Có thể anh còn muốn sống chìm khuất hơn mọi người để có thể lắng nghe từng hơi thở, từng mạch đập của cuộc sống hàng ngày. Bởi vậy nên mỗi lời, mỗi tiếng anh dùng đều có âm thanh lạnh lạnh của một kim loại được un đúc tự cuộc sống. Chúng không phải là tiếng kêu lèng sèng của một dùm bạc cắc vẫn được chuyền tay nhau giữa mọi người. Cũng vì vậy ta mới thấy chất thơ bộc lộ trọn vẹn ở chính các đoạn ta không tìm ra vết tích mưu tìm tác dụng văn chương trong chữ nghĩa. Có chăng chỉ toàn là tiếng, là lời tức là những âm ta tìm cách phát ra khi muốn chỉ định các sự vật ta mới phát hiện lần đầu. Chính vì thế mà các sự vật bỗng như được phục sinh trong nguyên trạng nên càng có khả năng lay động tâm hồn những ai đã từng có chung vốn sống.

Ta hãy lắng nghe mấy câu than thở như sau:

"Ta hồng thi rồi, ta hụt tình yêu.

Thi hồng tú tài, ta đợi ngày đi.

Đau lòng ta muốn khóc, đau lòng ta muốn khóc!

Với những ai vẫn quen với lối viết văn gồng mình hoặc chỉ tìm ra cảm xúc trước cảnh thối rữa máu chảy trong những pha chém giết ngoạn mục còn được làm tăng choáng ngợp nhờ kỹ xảo dàn dựng hiện đại của những đại phim trường Hollywood với kinh phí kỷ lục hàng trăm triệu mỹ kim, thì mấy lời than vãn ấy, chao ôi, nghe mới thấy tẻ nhạt làm sao! Thấy chúng còn hèn mọn thế thảm phát tội nghiệp. Nhưng với những con người từng bị xoáy hút trong cơn lốc của thời Nguyễn Tất Nhiên, đã phải chia sẻ những cảm xúc tâm tư như anh, thì đặt trong khuôn khổ bản tình ca, chúng lại là thơ.

Lớp trẻ Việt Nam ngày nay đã làm quen với nếp sống Âu Mỹ, lớn lên được nuôi dưỡng bằng các kỹ thuật truyền thông internet, những vũ điệu cuồng loạn theo nhạc disco. Mới nứt mắt,

miệng còn hơi sữa đã thuộc nằm lòng tên các cô đào trong những bộ phim X thuộc loại hard. Đã thế lại còn thích học đòi làm Rambo thời đại, chỉ cần một cái nhìn kên nhau cũng đủ rút súng bắn loạn để chết nhiều khi thật lãng nhách; lớp trẻ đó làm sao cảm thấy nỗi niềm đau nhức nhối được gói trọn trong mấy tiếng thờ dài uất hận ấy.

Phải sống ở miền nam Việt Nam vào những năm đầu của thập niên 70, nơi đang diễn ra những trận đánh khốc liệt như Phan Nhật Nam đã ghi lại trong "*Mùa hè đỏ lửa*". Phải có những đêm ngồi cô đơn bên tách cà phê nơi quán nhỏ đầu ngõ, lắng nghe tiếng đại bác xa xăm vọng về, để thêm xót xa cho thân phận mình và tiếc thương thẳng bạn thân mới ngày nào còn hàn huyên tâm sự, nay đã có tin gục ngã nơi chiến trường.

Nhưng cũng phải có lúc được đi trên những con đường có cây dài bóng mát; những con đường mang tên Duy Tân, Thống Nhất đầy kỷ niệm. Vì nơi đây có những cô sinh viên trường Luật. Vì nơi đây có những nữ sinh trong tà áo trắng thướt tha duyên dáng. Vì nơi đây có một lần ta chợt gặp nàng thiếu nữ khẽ "ngiên nón hé môi cười" (lời thơ Nguyên Sa). Thế là ta bỗng thấy cả một bầu trời thơ mở rộng giữa cái không khí ngọt ngào sôi động của Sài Gòn trong những ngày đầu tháng Sáu. Thế là con tim ta đang tuổi thanh xuân đã một lần xao động và bỗng tha thiết yêu đời.

Nhưng rồi cũng có lúc phải tần ngần đứng trước cổng trường thi: đầu thì choáng váng, mắt thì hoa lên vì tìm mãi không thấy tên mình trên những trang giấy đánh máy đen kịt.

Thôi thế là xong, chiếc phao cuối cùng đã tan thành bọt biển!

Thôi thế là hết, hết thật rồi! Còn gì đâu nữa mà mong mà chờ...

Đường phố đã lên đèn... Ôi cũng con đường này ta mới đi qua! Sao khi này ta lại thấy chan hòa ánh sáng. Sao khi này ta còn nghe rộn rã tiếng chim ca. Sao khi này lòng ta lại rộn ràng hi vọng. Vậy mà cũng con đường này, sao giờ đây ta lại thấy nó buồn thảm. Và sao ta thấy nó bỗng trở nên dài. Dài thiệt dài. Dài hun hút. Và sao cũng mãi giờ này ta mới cảm thấy cái nặng chịch của sợi xích cùn để đã từ lâu ta không nhớ tra dầu. Trước mắt ta giờ đây chỉ còn là vực thẳm. Là cái lệnh gọi nhập ngũ đang chực sẵn ở nhà. Là chín tháng quân trường dầm mưa dãi nắng. Là nỗi hồi hộp lo âu ngày ra trường chọn đơn vị. Là một tiền đồn nào đó nơi đèo heo hút gió. Và cuối con đường có thể còn là chiếc quan tài đã chờ sẵn, trên có phủ màu cờ với vòng hoa lạnh lẽo kèm thêm bốn chữ "Tổ quốc tri ân".

Thảm kịch của tuổi trẻ miền nam Việt Nam ở những năm đầu của thập niên 70 là thế đó. Và Nguyễn Tất Nhiên đã sống dầm mình trong thảm kịch này. Anh đã sống đầy đủ. Sống nhiệt tình. Sống trọn vẹn. Như mọi thanh niên cùng lứa tuổi.

Nếu Nguyễn Tất Nhiên học làm thơ, có thể anh đã ỉ ôi dài dòng kể lể. Có thể anh đã tập gồng mình. Có thể anh đã học đòi lộng ngôn. Có thể anh cũng lôi ra một vài khuôn sáo tuy đã mòn nhẵn, nhưng vẫn đem ra hằm lại cho chúng được chín như hơn nữa. Có thể anh còn muốn chơi trội, tìm cách làm sượng cái đầu để pha chế ra một thứ ngôn từ hú họa hù hè hay ho hợm hĩnh. Với kết quả là bằng cách nào đi chăng nữa, anh cũng chỉ để lại cho người đời dăm bảy câu ca bán cao chữa mụn cóc. Nhưng Nguyễn Tất Nhiên không sống cốt để làm thơ. Anh chỉ muốn được sống như thơ. Đúng ra anh đã sống chân phương, sống nhiệt tình. Sống để tiếp nhận mọi cảm xúc trong trạng thái nguyên thủy của chúng. Chính vì vậy mà mọi cảm xúc đã đến với anh đều mạnh. Mạnh thiệt mạnh. Mạnh đến ứa lên thành lời. Để những lời đó biến thành thơ.

"Ta trượt tú tài, ta hụt tình yêu.

Thì hồng mắt rồi, ta đợi ngày đi;

Đau lòng ta muốn khóc, đau lòng ta muốn khóc!"

Vồn vẹn chỉ có vài lời, vài tiếng thế thôi. Nhưng tình cảm sao đầy ắp. YU tưởng lại chật ních. Còn cảm xúc thì đặc quánh lại. Cứ như một nén cao hồ cốt thứ thiệt!

Lòng mới xao động chớm biết yêu, còn chưa biết được thế nào là men say ngây ngất của tình yêu. Vậy mà trước mắt đã là cả một vực thẳm đen tối. Vậy mà trước mắt đã thấy cả một cuộc

sống bị đe dọa. Thế nhưng Nguyễn Tất Nhiên vẫn không muốn biết đến tuyệt vọng. Anh tuy đã phải sống trong thất vọng. Anh tuy đã phải sống trong khổ đau. Nhưng anh không hề tuyệt vọng. Anh không tuyệt vọng vì cuộc sống với anh còn mang nhiều ý nghĩa. Anh không tuyệt vọng vì nơi đây còn có những thiếu nữ biết e ấp cười duyên làm tim anh phải xao động, cho hồn anh được mở cửa đón nhận cả một bầu trời thơ. Anh không tuyệt vọng vì nơi đây còn có những thằng bạn thân để tối tối anh được hàn huyên tâm sự bên quán cà phê đầu ngõ. Bởi vậy người đẹp đầu có vô tình, cuộc đời tuy có bạc đãi, nhưng Nguyễn Tất Nhiên vẫn thấy thương đời. Bởi vậy đêm đêm tiếng đại bác càng vọng về đe dọa, anh lại càng thêm sống, càng khao khát sống. Và anh đã không ngần ngại thốt lên:

"*Có còn hơn không!*
Có còn hơn không!"

Bốn chữ "Có còn hơn không, có còn hơn không", lặp đi lặp lại như một nhắc nhở thiết thân, thực ra đã nói lên sự gắn bó không rời của anh với sự sống. Nguyễn Tất Nhiên vẫn muốn sống, còn ham sống vì dẫu sao cuộc sống nơi đây với anh vẫn còn ý nghĩa. Nguyễn Tất Nhiên vẫn còn thêm sống vì nơi đây anh không cảm thấy phải sống trần trụi, sống như một hiện diện ù lì, sống như một tồn tại thừa thãi vô vị, sống như một đồng thịt chỉ biết hưởng thụ, sống cốt để đến lúc toàn thân đã run lẩy bẩy, hai chân còn muốn đạp tanh tách để cốt vớt vát ựa thêm ra được một chút khoái lạc. Không! Nguyễn Tất Nhiên không muốn sống để cốt chỉ được có vậy. Sở dĩ anh không sợ sống, chưa biết chán sống vì anh cảm thấy con tim anh còn biết co thắt làm mạch máu anh vẫn chảy mạnh. Anh vẫn khao khát sống vì cảm thấy nơi anh còn rạo rạo cảm xúc, cho dù là những cảm xúc của thất vọng, của buồn tủi, của khắc khoải lo âu. Bởi vậy anh sẵn sàng sống. Sống để chấp nhận, chấp nhận tất cả. Chấp nhận sống để phải yêu trong cảm nín. Chấp nhận sống để phải tiếc thương những thằng bạn thân. Chấp nhận sống để phải xót xa cho thân phận mình. Chấp nhận sống để được tham dự vào thảm kịch lớn của thời đại. Sống! Sống! Sống! Sống như một chấp nhận. Chấp nhận sống để ít ra cũng đảm nhiệm trọn vẹn thân phận con người.

"*Có còn hơn không!*
Có còn hơn không!"

Điệp khúc này ta cần hiểu như tuyên ngôn của một ý thức hiện hữu, chứ không phải là tiếng thở dài cam phận của một kiếp sống vật vờ.

Nhận thức được ý nghĩa cảm xúc bộc lộ qua bản tình ca này làm thức dậy nơi tôi sự ham muốn tìm hiểu sâu xa hơn về con người anh, về hành trình còn lại của đời anh, về quyết định tối hậu ra đi của anh và về ý nghĩa của sự lựa chọn này.

Chú thích:

(1). Lệ Thu của Sài Gòn trong khoảng thập niên 1965-75.

(2). Bài viết này chỉ muốn nói lên sự giao cảm và đồng cảm của bản thân người viết với *con người thơ, thế giới thơ* Nguyễn Tất Nhiên : qua tiếp xúc với một bài thơ được phổ, người viết, bằng những cảm nghiệm riêng, đã nghe dội lên trong tâm thức những âm vang nào đó, từ đó, dẫn đến một vài suy tư tản mạn liên quan đến nhiều lãnh vực trong cuộc sống.

(3). Emile Zola (1840-1902), nhà văn thuộc trường phái hiện thực (réaliste) nhưng theo khuynh hướng tự nhiên (naturaliste) với chủ trương mô tả tâm lý các nhân vật đều ít nhiều bị chi phối bởi tính di truyền và môi trường xã hội qua bộ trường thiên tiểu thuyết "*Les Rougon-Macquart* .- *Histoire naturelle et sociale d'une famille au XIXè siècle*" (Giòng họ Rougon-Macquart - Lịch sử tự nhiên và xã hội của một gia đình ở thế kỷ 19). "*L'Assomoir*(1877), *Germinal*(1885), *La Bête humaine* (1890), là một vài tên truyện được biết tiếng nhiều nhất trong bộ trường thiên

gồm 20 tập này (1871-1893).

Không chỉ là nhà văn, E. Zola còn được biết tiếng nhờ bài báo "*J'accuse*" (*Tôi cáo buộc*) trên nhật báo "L'Aurore" (13-1-1898), qua đó ông tố cáo Bộ Tham Mưu Pháp đã ngụy tạo hồ sơ để vu oan đại úy làm gián điệp cho Đức chỉ vì ông này gốc Do Thái. Kết quả là vụ án được đem ra xét lại, Dreyfus được minh oan và phục hồi chức tước tháng 12-1900.

(4). Paul Bourget (1840-1935), tác giả cuốn "*Le Disciple*" (*Đệ tử*), một loại tiểu thuyết luận đề vừa là sự mô tả đồng thời cũng là một tố cáo việc áp dụng máy móc các lý thuyết khoa học vào đời sống tâm linh. "*Le Disciple*" (1889) là chuyện chàng thanh niên Robert Grilou, do óc sùng bái và muốn ứng dụng thuyết tâm lý tất định (le déterminisme psychologique) của ông thầy dạy triết là Adrien Sixte, nên đã tìm cách ve vãn tán tỉnh Charlotte con gái của gia chủ mượn anh tới dạy kèm. Hậu quả dẫn đến cái tự tử của Charlotte vì tưởng rằng đã bị Grilou lường gạt và Grilou, bị cáo buộc tội đầu độc Charlotte, đã chấp nhận ngồi tù để bảo vệ thanh danh cho Charlotte.

(5). Chúng tôi chỉ muốn giới thiệu thi pháp biểu tượng như là một mỹ quan (une esthétique), một nhãn quan (une vision), một cách tiếp cận (une approche) mới về hiện thực, về cuộc sống bằng thơ, qua thơ. Chúng tôi không hề chủ trương thi pháp biểu tượng là **tất cả** thơ. Chúng tôi cũng không có ý tham dự vào cuộc tranh luận về thơ mới, thơ cũ, thơ hiện đại hay hậu hiện đại. Vấn đề không phải là một đệ tử lưu linh, nhưng tôi có được nghe nói khách sành điệu chỉ đánh giá hương men qua phẩm chất của loại nếp cất rượu và kỹ thuật ủ men, chứ không phải do rượu được rót ra từ bình mới, bình cũ, bình hiện đại hay bình hậu hiện đại.

(6). Muốn biết đến khả năng không chỉ tạo hình mà còn nói lên tính sinh động của một vật thể bằng phương pháp, ám chỉ, gợi ý để gây liên tưởng ta có thể đọc lại bài "*Quả Mít*" của Hồ Xuân Hương mà các bài thơ gợi cảm ý vị có thể là những bước chân còn đi trước cả tập "*Les Fleurs du Mal*" (1857) của Baudelaire nữa.

(7). Trong phần trình bày dưới đây, chúng tôi chỉ muốn tìm hiểu, qua lời lẽ bộc lộ trong bản tình ca, hồn thơ và ý thơ của anh đã khơi động được tâm tình của cả một thế hệ thanh niên miền Nam như thế nào. Chúng tôi không có ý coi bài viết này như một biên khảo về thân thể và thi nghiệp của Nguyễn Tất Nhiên.

(8) Paul Verlaine (1844-1896), bạn đồng tính luyến ái với Arthur Rimbaud. Trong một vụ say sưa cãi vã với Rimbaud tại Bruxelles (1873), ông đã nổ súng làm bị thương Rimbaud và bị án hai năm tù. Về mặt thi pháp, bài "*Art poétique*" (1874) của ông được coi là một *tuyên ngôn biểu tượng (manifeste symboliste)* khi ông nhấn mạnh tới vai trò của *nhạc điệu (la musique)* trong thơ và kêu gọi nhà thơ phải chú trọng tới việc vận dụng *âm hưởng, sắc thái (nuance)* để gợi cảm, gợi ý thay vì chỉ bằng diễn ngôn trí tuệ.

(9) Trích từ bài thơ nổi tiếng của Verlaine trong tập *Sagesse* mà chúng tôi xin ghi lại nguyên bản :

"Le ciel est, par-dessus le toit,
Si bleu, si calme !
Un arbre, par-dessus le toit,
Berce sa palme.
La cloche dans le ciel qu'on voit,
Doucement tinte,
Un oiseau, sur l'arbre qu'on voit,
Chante sa plainte.
*Mon Dieu, mon Dieu, la vie est là,
Simple et tranquille.*

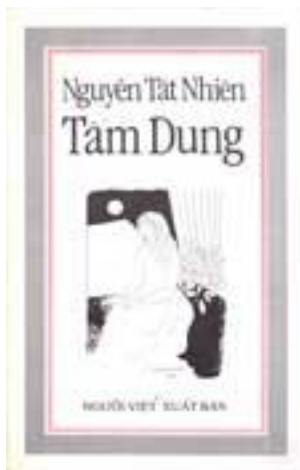
*Cette paisible rumeur-là,
Vient de la ville.*

*_ Qu'as-tu fait, ô toi que voilà
Pleurant sans cesse,
Dis, qu'as-tu fait, toi que voilà
De ta jeunesse ?*

Verlaine, *Sagesse* 111,6 (Messein, éditeur)

(10) Buổi sáng mặt trời mọc ở phương đông và lặn ở phương tây, cái hiện tượng sờ sờ trước mắt ấy người lớn con nít ai mà chẳng *ngó thấy* ; nhưng liệu mấy ai có được cặp mắt khai phá (hay cặp mắt thơ) của một Copernic, một Galilée để *nhìn ra* luật hấp lực cho phép giải thích sự chuyển động của trái đất quanh mặt trời ? Bởi vậy cái *mới* vi tất cứ phải là cái chưa từng có hoặc chưa hề thấy : cái mới nhiều khi lại là cái vẫn có đó, nhưng không phải là điều mà mọi người tưởng rằng đã biết rồi (khổ lắm nói mãi), mà là cái vẫn đang *chờ* có người biết nhìn ra.

Nguyễn Tất Nhiên, thơ như lời thiên định Nguyễn Mạnh Trinh



Với tôi, từ trước năm 1975, khi còn ở Việt Nam, Nguyễn Tất Nhiên vừa quen và vừa lạ. Lạ, bởi tôi chưa từng gặp và không có một liên hệ nào. Còn quen, là bởi những bài thơ được phổ nhạc của ông tôi đã nghe rất nhiều và, ở một vài trường hợp là những kỷ niệm riêng tư của mình nữa .

Khi là lính và đồn trú ở Pleiku, tôi đã quen một cô bé trong một chuyến bay trực thăng từ Đà Lạt về. Hôm ấy, thời tiết thật xấu và cô bé ngồi bên cạnh tôi ói tung tóe lên cả quần áo của tôi. Khi xuống đến phi trường trời mưa dữ dội, tôi lấy xe chở cô ra phố và bắt đầu quen nhau. Mấy tháng hè, cô về thăm nhà và hình như ngày nào tôi cũng đều kiếm dịp để đến thăm cô. Mỗi lần tôi đến, không hiểu sao cô lại cho máy chạy bài hát “Thà Như Giọt Mưa”, mà Phạm Duy phổ nhạc bài thơ “Khúc Buồn Tình” của Nguyễn Tất Nhiên. Lời thơ, tiếng nhạc như có một điều gì gửi gắm, lạ lạ, băng khuâng. Bài thơ thủ thỉ, thì thầm:

*“người từ trăm năm
về ngang sông rộng*

ta ngoắc mơn tay
trùng trùng gió lộng
(thà như giọt mưa
vỡ trên tượng đá
thà như giọt mưa
khô trên tượng đá
có còn hơn không
mưa ôm tượng đá)...
Người từ trăm năm
Về khơi tình động
Ta chạy vòng vòng
Ta chạy mơn chân
Nào có hay đời cạn
.. người từ trăm năm
về như dao nhọn
ngọt ngào vết đâm
ta chết âm thầm
máu chưa kịp đỏ..”

Tôi nhớ lúc ấy có những cơn mưa kéo dài suốt từ ngày này sang ngày khác. Đường phố tối tăm trơn trượt, lúc nào bầu trời cũng mù mù và cái lạnh, ướt át như bao phủ xung quanh. Có lần vừa nghe bản nhạc, tôi vừa đùa nghịch dẫu đi cái kính cận của cô bé. Bình thường, mắt cô bé long lanh qua màn kính, nhưng lúc này, đôi mi sụp xuống và tôi muốn hôn vào khuôn mặt ấy mà rụt rè không dám. Có một chút gì ngây thơ nhưng cũng có một chút gì mời gọi thắm kín trong đôi mi khép hờ và đôi môi hé hé. Có lúc, cô giơ hai tay ra đùa nghịch với những hạt nước mưa và lúc ấy tôi thấy những sợi lông măng, y hệt như thơ Nguyễn Tất Nhiên đã tả :

“thà như giọt mưa
gieo xuống mặt người
vỡ tan vỡ tan
nào ta ân hận
bởi còn kịp nghe
nhịp run vời vợi
trên ngọn lông măng..”

Mấy chục năm rồi, tôi vẫn còn như thấy lại cái cảm giác ngày đó. Cái lạnh của cao nguyên hình như làm cho trái tim người cần sưởi ấm hơn và bây giờ, cái rụt rè xưa, cái băng khuâng cũ đã làm thành một kỷ niệm trong tôi. Mưa, những hạt mưa làm mềm nhưng đi quá khứ. Hình như trời đất, gió mưa ở Pleiku cũng biết yêu đương, biết lãng mạn cùng người. Có những lúc, như nghe thấy mưa dạt dào trên mái nhà, sủi bóng trên mặt đường nhựa và làm ướt đầm mái tóc. Thời gian như làm dài mãi không gian của những trái tim đang dòn dã nhịp đập. Về sau này, khi nghĩ đến hay đọc thơ Nguyễn Tất Nhiên tôi lại tìm thấy xúc cảm cũ, nhẹ nhẹ, buồn buồn...

Một lần khác, cũng lại thơ Nguyễn Tất Nhiên có mặt trong câu chuyện của tôi. Trong một cuộc hành trình hơn mười mấy tiếng đồng hồ trên chuyến bay mà Cao Ủy Tị Nạn thuê bao để đi định cư, tôi đã làm quen một cô bạn ngồi ghế bên cạnh. Cô học Trưng Vương có lẽ cùng thời gian với tôi và là một cô ..Bắc Kỳ chính cống. Chúng tôi nói chuyện trên trời dưới biển khá tương đắc có lẽ vì chung một tâm trạng để cho chuyện

bay ngắn đi. Cô nói chuyện rất sắc sảo, có nhiều suy nghĩ rất mạnh, có vẻ nhiều nam tính nên có lúc, tự nhiên tôi đọc:

*“.. em nhớ giữ tính tình con gái Bắc
nhớ điều ngoa nhưng giả bộ ngoan hiền
nhớ khiêm nhường nhưng thâm ý khoe khoang
nhớ duyên dáng, ngây thơ .. mà xảo quyệt
ta sẽ nhớ dặn dò lòng nên tha thiết
nên vội vàng tin tưởng chuyện vu vơ
nên yêu thương bằng gương mặt khờ khờ
nên hùng hổ.. để đợi giờ thua thiệt..”*

Và cô bạn ấy đã chấm dứt gọn bài thơ bằng “Bài thơ tán gái lẳng xẹt.. và vô duyên” . Bây giờ cô bạn ấy đang sống ở Quận Cam không biết còn nhớ đến câu chuyện cũ. Dù sao cũng chỉ là kỷ niệm!

Còn Nguyễn Tất Nhiên, sau này khi đã quen tôi kể câu chuyện ấy, thì anh đồ quạu “Thơ tôi làm đâu phải để ông .. tán gái!”

Qua định cư ở Mỹ, tôi bắt đầu làm thơ đăng báo và quen Nguyễn Tất Nhiên. Tôi cũng có lần ghé đến nhà anh ở Buena Park. Vợ anh lúc ấy là chị Minh Thủy, một người đẹp nổi tiếng của Biên Hòa thời trước và tính tình chị rất khả ái dễ thương. Cuộc sống hai người có nhiều trục trặc và đã ly thân thời gian sau....

Lúc đó, mỗi đầu tháng ở nhà anh chị Nhật Tiến – Phương Khanh có cuộc họp mặt các anh em cầm bút ở miền Nam Cali và tôi thường xuyên gặp Nhiên ở đó. Anh đang dự trù viết một tập trường thi nhan đề là “Cũng cần cho hạnh phúc” và đã đăng trên các tạp chí những đoạn rời của trường thi này. Trong các buổi họp mặt, anh thường nghe là nhiều hơn phát biểu. Trong những năm tháng đó, mọi người cầm bút đều chia sẻ chung với nhau nỗi niềm của những người lưu vong và giữa những người cầm bút cũ và những người mới có sự thông cảm sâu xa. Tôi mà cầm bút cho đến bây giờ có lẽ cũng nhờ tinh thần đã có từ lúc ấy. Nhiên cũng viết thường hơn và cũng có nhiều ưu tư về thời thế khác hẳn với sở trường của mình là thơ tình.

Một điều khá lạ với tôi là Nhiên còn phổ nhạc nhiều bài thơ như bài “Nga” của nhà thơ Nguyên Sa, hay ý thơ Đào Văn Dũng “Như màu nắng sân trường”. Và anh còn làm những bản nhạc như “Sông Chiều Áo Trắng”, “Paris Thu Khúc”, “Trên Nát Tan Tôi”, “Chiều Trên Đường Hồng Thập Tự”, “Sài Gòn Trên Đường Nguyễn Du”.. Những bản nhạc này cũng được nhiều ca sĩ có tên tuổi trình diễn và cũng đã được thu băng cassette hay CDs. Những bài nhạc của ông nói lên tâm trạng của người xa xứ, bàng hoàng với cuộc biến đau và có ý thức của một người chọn lựa tự do, phê phán chế độ độc tài toàn trị.

Trước năm 1975, thơ của Nguyễn Tất Nhiên được phổ biến rộng rãi nhờ Phạm Duy phổ nhạc. Nhạc sĩ họ Phạm đã nói về trường hợp phổ nhạc của mình :
“Năm 1972. Đây là lúc những khổ đau của Tết Mậu Thân chưa kịp phai mờ trong đời sống của mọi người thì xảy ra những nhức nhối của Mùa Hè Đỏ Lửa. Tôi hét chạy trốn vào đạo ca thì lại nhào ra với chiến ca, hết hạ mình xuống với vĩa hè ca, tục ca thì lại vươn lên với nữ ca, bé, bình ca.. Tôi thèm thường được soạn tình ca, nhưng phải là tình ca không rầu rĩ cơ...”

Thế rồi, tôi gặp Nguyễn Tất Nhiên. Trong bầu không khí thơ ở miền Nam hơi nặng nề vào lúc đó, đầy rẫy những bài thơ chủ đề về chiến tranh, hòa bình.. thì thơ của chàng thư sinh mới 17 tuổi này là thơ phi chính trị... Thơ rất hồn nhiên, rất ngộ nghĩnh, theo tôi, nếu đem phổ nhạc thì sẽ cũng sẽ rất hợp với giọng hát trẻ trung (Duy Quang) trong ban nhạc gia đình là ban The Dreamers mà tôi đang cần "lãng xê".

Sau khi tôi phổ bài Thà Là Giọt Mưa Rớt Trên Tượng Đá, Nguyễn Tất Nhiên cung cấp cho tôi thêm nhiều bài thơ để tôi biến thành những ca khúc trẻ trung của thời đại như Cô Bắc Kỳ Nho Nhỏ, Em Hiền Như Ma Soeur, Anh Vái Trời hay là Anh Nam Kỳ Dễ Thương, Hãy Yêu Chàng, Hai Năm Tình Lận Đận.. Những tên bài hát phần nhiều do tôi đặt ra, Chẳng hạn Cô Bắc Kỳ Nho Nhỏ được rút ra từ bài thơ mang tên Đám Đông.

Đi qua đời tôi có khá nhiều thi nhân thuộc nhiều thế hệ, đa số đều như tôi, đều khá hồn nhiên, nghĩa là có tí máu điên. Nhưng trong làng thơ Việt Nam, có ba nhà thơ hồn nhiên nhất, đó là Nguyễn Ngu Ý, Bùi Giáng, và Nguyễn Tất Nhiên... cả ba đều từng là thương khách của Dương trí Viện Biên Hòa, nơi tôi đã có lần đến thăm một trong ba vị đó.."

Có lần, nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng đã nói chuyện với tôi về ngôn ngữ thơ của Nguyễn Tất Nhiên có rất nhiều nhạc tính và dễ dàng tạo ra những âm vang khi chuyển thể sang âm nhạc. Ông nói chữ nghĩa của Nhiên "mềm" nên dễ tạo những bản nhạc có tuổi thọ lâu dài. Chữ "mềm" của riêng nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng như là một từ ngữ để nói lên đặc tính của thơ Nhiên.

Nhà văn Vĩnh Hảo cũng nhận xét thật xác đáng về tác giả "Cô Bắc kỳ nho nhỏ". Trong cảm nhận, có lẽ chia. Trong nhận xét, có niềm thương cảm :

"Anh nổi tiếng rất sớm. Vì thơ anh đi sớm hơn bước chân còn ngại ngùng bỡ ngỡ của thế hệ trẻ thời ấy trước sự tràn ngập của văn hóa phương Tây, qua hình ảnh người lính viễn chinh Mỹ và qua phong trào hiện sinh mô phỏng trẻ trảng trên đất nước đói nghèo chiến tranh. Anh mạnh dạn nói được tiếng nói của tình yêu tuổi trẻ với sân trường, kỳ thi, chiến tranh, mất mát, hoài vọng, tuyệt vọng... Chẳng phải sớm gì trong thể loại thơ mà sớm trong phong cách biểu hiện. Anh dùng thứ ngôn ngữ của thời đại, rất hiện thực, không đẽo gọt. Vậy mà thứ ngôn ngữ ấy bỗng nhiên mới, lạ và được đón nhận nồng nhiệt. Bất được giọng thơ tươi rói và đầy sức thu hút của anh, một nhạc sĩ tài danh phổ ngay thơ của anh thành nhạc làm rung động bao trái tim cuồng nhiệt yêu đương thời chiến loạn. Vậy rồi thơ anh cất lên thành cơn sóng lớn, vượt bờ. Không ai mà chẳng biết thơ anh. không ai mà không hát nhạc phổ thơ của anh.

Đọc một số bài thơ được phổ nhạc mà ai cũng biết và nên nhớ rằng lúc ấy Nguyễn Tất Nhiên chỉ mới sắp xỉ ở tuổi hai mươi, để thấy cái tài hoa dị thường của anh."

Ngày 3 tháng 8 năm 1992, Nguyễn Tất Nhiên đã rời khỏi thế gian trong chiếc xe cũ kỹ nằm trong khuôn viên chùa Việt Nam. Cái chết đau xót làm nhiều người cảm xúc. Từ đó đến nay, hơn mười mấy năm đã có rất nhiều bài văn, bài thơ nhắc đến anh và tưởng niệm anh. Có nhiều người lúc anh còn sống thường giúp đỡ anh thì thường chê bai, cho là một sự kiện của những người dựa vào tiếng tăm của anh để nhắc đến mình. Và, họ cho là chính họ mới là những người xứng đáng nhất để nói về và nhắc về người thi sĩ tài hoa ấy. Lúc sống mà không giúp đỡ nhau, thì lúc chết ca tụng nhau làm gì? Tôi cũng hơi lạ về cái sự muốn đọc quyền ấy...

Riêng tôi, làm bài thơ tưởng niệm không ngoài chủ đích nói lên tình người, của một người làm thơ nghĩ về một người làm thơ vừa đi khuất. Bài thơ này tôi viết khi đang ở

trên freeway 405 ngược lên phía bắc vào một buổi trưa đi làm. Đó là ngày 5 tháng 8 năm 1992. Có sự thăng thốt, về cuộc sống và con người

"ngày hôm qua thi sĩ đã chết
Nắng mùa hạ lửa đốt trong đầu
Mồ hôi đọng long lanh lệ khóc
Mặt thủy mờ kính cuộn nỗi đau
Một mình con mộng du không dứt
Xa lộ đông bỗng chẳng còn ai
Mặt nhựa xám đen thắm ý mực
Vỡ tan tàn nghiên bút loay hoay
Ngày hôm qua thơ tình đã hết
"thà giọt mưa trên đá" vỡ tan
cành "trúc đào" nở hoa oan nghiệt
rất yêu em dù nỗi muộn màng
đào mấy tầng tinh tuyền chất quặng
ngôn ngữ rỗng cùng tận trái tim
gánh nhân gian đôi vai còn nặng
"Cũng cần cho hạnh phúc" cách riêng
Ngày hôm qua chuyến xe khuất biệt
Hạt bụi nào hành trang đi xa
Này "cô gái Bắc kỳ" mắt biếc
Nước mắt đành giọt nhỏ vỡ òa?
Hát lên đi bản nhạc xưa cũ
Như chiếc lá phôi nền cô nâu
Dáng mắt buồn đêm trắng ẩn dụ
Lửa vô minh khói ngút bờ lau
Ngày hôm qua trái đất đứng sững
Chân lao đao thế giới lạ lùng
Tiếng gió bật cuồng điên ngựa chùng
Vài câu thơ đọc giữa muôn trùng.
Sống là chịu vai trò thất ý
Mộng ngàn năm, mơ cũng vụn năm
Đáy tâm cảm loài hoa kỳ dị
Mọc rễ trong da thịt ăn năn
Ngày hôm qua thi sĩ đã chết
Gót chân trần dẫm cõi hư không
Bài thơ tình chẳng có đoạn kết
Ngôn ngữ rơi theo sóng bênh bồng
Ai đã hỏi thơ bao nhiêu tuổi?
Ba trăm năm, ý nhớ tình quên
Thơ, thiên thu vẫn là tiếng gọi
Đi đâu ai lạc chốn vô biên!"

Thơ Nguyễn tất Nhiên có những câu thơ như là lời thiên định. Khi còn trẻ, ông đã viết :
"Nếu vì em mà thiên tài chán sống
Thì cũng vì em ta ngại bước xa đời".

Và cũng có câu thơ nào, như một tiếng than, của một người có trái tim giàu cảm lụy
"Hồn ta đẹp nhưng đời ta thảm quá". Cái bi thiết của một người nuôi nhiều mơ mộng
nhưng thực tế lại mệnh mông những bóng tối thăm sâu. Cuộc sống như là trải dài từ

những nợ nần từ bao giờ đến bây giờ phải trả để thi sĩ phải tự than thân “Ta mấy kiếp vẫn là ta mắc nợ”. Nợ tình, nợ đời, thành những câu thơ bi thiết, thành những tâm tình đầy dãn vật thăm thê. Thơ, là nỗi niềm tràn ra từ những lời ân hận, những câu xé của thâm tâm. Lạ lùng, thơ như trải ra trước những phận số, nói trước những bi đát trong đời Nguyễn Tất Nhiên. Làm thơ ngày sinh nhật của người yêu sắp thành người vợ, sao lại có những câu thơ như lời sám hối:

“Khô đau oằn nặng sinh thời
yêu ai tôi chỉ có lời thờ than
có môi hôn trộm vội vàng
khiến em hoảng hốt trong cơn tình đầu
nụ cười giữ được bao lâu
nhân sinh là một dòng sầu miên man
sông dài rồi cũng chia phân
tình bao nhiêu lớn cũng tàn phai thôi
tôi đam mê siết thân người
hay đâu đá tảng đeo đời trăm năm
em gầy guộc, em mong manh
em chưa đủ sức long đong cùng chàng
em ngây thơ đến rõ ràng
em chưa đủ lượng khoan hồng thứ dung
em tội nghiệp, em tủi thân
em chưa tự chủ kịp ngăn lệ tràn..
lời người té sấp. Gian nan
lỗi tôi, ừ đó, muôn phần lỗi tôi!”

Khi thành vợ thành chồng rồi hai người ly thân, Nguyễn Tất Nhiên mang đời sống tình cảm riêng của mình thành những bài thơ, buồn bã của một phận số không may và người đọc thấy rõ được tâm cảm đa lụy của một người nghệ sĩ. Đọc “Minh Khúc”, những bài thơ của chia ly, của nhớ thương và của những nỗi niềm ăn năn thống hối.

Đọc “Minh Khúc, 90.” Bài thơ của những náo lòng, của nỗi niềm bời bời trong tim trong óc. Tôi đọc và vì nghĩ tim mình không phải là gỗ đá nên cũng thấy một phút se lòng.

“Đường không gian - đã phân ly
đường thời gian – đã một đi không về
những con đường mịt sương che
tôi vô định lái chuyến xe mù đời
cu tí ngủ gục đâu rồi?
Băng sau, ngoái lại, bời bời nhớ con !
Đường trăm năm - nát tan lòng
Đường ngàn năm - hận, xin đừng trả nhau!
Những con đường cuối năm nào
Cho tôi tìm lại cảnh đào ba sinh
Khi em lễ mễ với tình
Thấp nhang tạ tội sinh thành con đi
Đường chung đôi - đã chia đời
Đường chia đôi - vẫn hơi người quần quanh
Chim đêm hót tiếng đau tình
Đau tim tôi chờ lòng thành kiếm em.”

Chiếc xe ấy, có phải là nơi chốn mà chàng thi sĩ thở hơi thở cuối cùng đi vào nơi miền viễn. Nơi ấy, trong một phút thăng thốt, nhìn lại bằng sau để thấy “bờ bờ nhớ con”. Cũng chiếc xe ấy, đã có lúc chung đường chung đôi mà bây giờ thì chia đời ... vạn dặm. Lúc trước, Nguyễn Tất Nhiên làm bài thơ “Tịnh Khúc”. Những câu thơ của chịu đựng, của thình lạng tâm tư. Những tiếng kêu than luôn kìm giữ trong lòng:

*“Buồn ơi..
tôi bỏ tôi chìm đắm
trong tiếng làm thinh của ghé bàn
ghé bàn không sẽ chia sâu thăm
nhưng biết làm thinh lặng cảm thông
bàn ghé đâu như người vui nhằm
tọc mạch đời nhau để miêng mồm
buồn ơi, tôi muốn như bàn ghé
chịu đựng đời không chút thở than..”*

và trong tận cùng của tuyệt vọng, vẫn là ý tưởng vì người:

*“buồn ơi..
tôi bỏ tôi gần chết
tay đời bít lối chẳng ngưng tay
u đầu sút trán lao vào vách
tội tình tôi sao nặng thế này?
Buồn ơi..
Trong đám đông tàn nhẫn
Một người chứng kiến đủ cho tôi
Nhờ ai tôi đã thành tâm nhẫn
Nhờ ai, tôi phục dưới chân đời
Buồn ơi, tôi muốn như dòng lệ
Cay đời như kẻ thích ăn cay
Buồn ai..
Tôi có tôi bàn ghé
Nguyễn hiến cho đời một tấm lưng “*

Ở Minh khúc, những bài thơ cuối đời, Nguyễn Tất Nhiên vẫn là cậu bé học trò tuổi nhỏ, yêu say đắm và sống chết với tình. Dù đã qua nhiều con lốc cuốn đi trong tình cảm và đời sống, vẫn là cậu bé ngây thơ với tuổi trẻ muôn năm. Anh hạnh phúc trong bất hạnh, câu nói có vẻ nghịch lý nhưng ở thi ca, cái tâm trạng ấy đã làm thơ anh gần với tuổi trẻ. Tôi mở ra rất nhiều trang web của những tuổi học trò, của lứa tuổi còn ngồi ghế nhà trường ở cả trong nước và hải ngoại thì thấy thơ Nhiên được đọc rất nhiều và số “fan” thần tượng thật là đông đảo. Những bài nhạc phổ thơ anh trong nhiều trường hợp là dấu tích của những kẻ yêu nhau, của thời đầy ấp mộng mơ, tràn đầy tâm sự.

Với thơ tình Nguyễn Tất Nhiên là ngôn ngữ thi ca tinh khôi, của những màu trắng tuy bị vọc vầy nhưng vẫn còn nguyên nếp lụa. Trong cuộc đời này, khi thời gian qua đi, khi xác thân rồi cũng vào tro bụi thì những câu thơ lại vẫn còn hiện hữu. Nguyễn Tất Nhiên là một biểu hiện.

Mười bài “Minh Khúc”, thơ xé ruột xé gan, như một phần hương hỏa của người thi sĩ mà đời sống nhiều bất như ý mà thi ca như những lời tâm sự đến tận thâm tâm:

*Đong tình đong nghĩa cho nhau
Trái tim nhân loại dù sao cũng còn*

Đâu đây, đâu đó bên đường
Có thêm một tấm lòng thương tấm lòng
Nợ đời trả kiếp chưa xong
Ai đem đổ biển đổ sông nợ tình
Cho nhau nhiều ít chân thành
Cũng như hương hỏa ba sinh vẫn còn
Sẽ chia khúc ruột đoạn trường
Kéo vua Lê trách chàng Trương phủ phàng
Nợ đời trả chút văn chương
Nợ tình, ừ, trả con đường em đi
Sống không trách móc không về
Qua sao trách bậu lỗi nghi trúc mai
Chỉ xin sọt vắn sọt dài
tóc mai nhẩn gió thương hoài ngàn năm
bữa qua qua bỗng đau lòng
nhớ hôm bậu hát bài đừng xa nhau..”

Đáng lẽ tôi còn trích dẫn nhiều bài thơ khác. Những bài khi anh viết lúc còn tuổi trẻ, những bài của “Thiên Tai”. Những bài thơ anh viết lúc tuổi đã lớn nhưng tâm còn trẻ của “Tâm Dung” hay “Chuông Mơ”. Hay những bài thơ cho người con gái Bắc, cho cô Bắc Kỳ nhỏ nhỏ, cho những mối tình học trò, cho những ý nghĩ của một người tràn đầy lãng mạn bởi, ở Nguyễn Tất Nhiên, muôn thuở vẫn là một người xa lạ với cuộc sống dưới đất và gần gũi với trăng sao trên trời. Và, cũng phải có một lúc, để trở về với nơi chốn thân quen, mà bất hạnh cũng nở hoa kết trái giống như hạnh phúc. Cái kinh nghiệm khổ đau của kiếp người có phải là một ấn chứng để tâm hồn vượt lên trên bão dông, để ngôn ngữ yêu nhau vẫn còn dù đã nhiều nghịch cảnh. Và, theo tôi, Nguyễn Tất Nhiên là một thi sĩ thực sự mang đời sống mình làm ví dụ cho một trường hợp của khoan dung và từ ái?

Nguyễn Tất Nhiên Vĩnh Hào

Anh nổi tiếng rất sớm. Vì thơ anh đi sớm hơn bước chân còn ngại ngùng bỡ ngỡ của thế hệ trẻ thời ấy trước sự tràn ngập của văn hóa phương Tây, qua hình ảnh người lính viễn chinh Mỹ, và qua phong trào hiện sinh mô phỏng trẻ trảng trên đất nước đói nghèo, chiến tranh. Anh mạnh dạn nói được tiếng nói của tình yêu tuổi trẻ với sân trường, kỳ thi, chiến tranh, mất mát, hoài vọng, tuyệt vọng... Chẳng phải sớm gì trong thể loại thơ, mà sớm trong phong cách biểu hiện. Anh dùng thứ ngôn ngữ của thời đại, rất hiện thực, không đẽo gọt; vậy mà thứ ngôn ngữ ấy bỗng nhiên mới, lạ, và được đón nhận nồng nhiệt. Bất được giọng thơ tươi rói và đầy sức thu hút của anh, một nhạc sĩ tài danh phổ ngay thơ của anh thành nhạc, làm rung động bao trái tim cuồng nhiệt yêu đương thời chiến loạn. Vậy rồi thơ anh cất lên thành cơn sóng lớn, vượt bờ. Không ai mà chẳng biết thơ anh, không ai mà không hát nhạc phổ thơ của anh. Hãy đọc một số bài thơ nổi tiếng được phổ nhạc mà ai cũng biết; và nên nhớ rằng lúc ấy, Nguyễn Tất Nhiên chỉ mới xấp xỉ ở tuổi hai mươi, để thấy cái tài hoa dị thường của anh:

Khúc Buồn Tình

1.

Người từ trăm năm

về ngang sông rộng
ta ngoắc mòn tay
... trùng trùng gió lộng
(thà như giọt mưa
vỡ trên tượng đá
thà như giọt mưa
khô trên tượng đá
có còn hơn không
mưa ôm tượng đá)

người từ trăm năm
về khơi tình động
ta chạy vòng vòng
ta chạy mòn chân
nào hay đời cạn!
(thà như giọt mưa
vỡ trên tượng đá
thà như giọt mưa
khô trên tượng đá
có còn hơn không
mưa ôm tượng đá)

người từ trăm năm
về như dao nhọn
ngọt ngào vết đâm
ta chết âm thầm
máu chưa kịp đỏ
(thà như giọt mưa
vỡ trên tượng đá
thà như giọt mưa
khô trên tượng đá
có còn hơn không
mưa ôm tượng đá)

2.

thà như giọt mưa
gieo xuống mặt người
vỡ tan vỡ tan
nào ta ân hận
bởi còn kịp nghe
nhịp run vội vội
trên ngọn lông măng
(người từ trăm năm
vì ta, phải khổ!)
(1970)

Trong tình yêu, thơ anh táo bạo vay mượn những hình ảnh thánh thiện để ví von mình, ví von người tình. Có thể nói lối vay mượn này là bước khai phá có một không hai của anh vào thời ấy, khiến thơ anh càng thêm phần đặc dị, ngời sáng, mà lại gần gũi biết bao với tâm tình giới trẻ.

Ma Sœur

đưa em về dưới mưa
nói năng chi cũng thừa
phất phơ đời sương gió
hồn mình gần nhau chưa?

tay ta từng ngón tay
vuốt lưng em tóc dài
những trưa ngồi quán vắng
chia nhau tình-phôi-thai
xa nhau mà không hay
(hỡi em cười vô tội
đeo thánh giá huy hoàng
hỡi ta nhiều sám hối
tính nét vẫn hoang đàng!)

em hiền như "ma sœur"
vết thương ta bốn mùa
trái tim ta làm mũ
"ma sœur" này "ma sœur"!
có dịu dàng ánh mắt?
có êm đềm cánh môi?
ru ta -- người bệnh hoạn
ru ta suốt cuộc đời
(cuộc đời tên vô đạo
vết thương hành liệt tim!)

đưa em về dưới mưa
xe lăn đều lên dốc
chờ tình nhau mệt nhọc!

đưa em về dưới mưa
áo dài sàu hai vạt
khi chắm bùn lưa thừa...
đưa em về dưới mưa
hỡi em còn níu nhỏ
chuyện tình nào không xưa?

vai em tròn dưới mưa
ướt bao nhiêu cũng vừa
cũng chưa hơn tình rụng
thấm linh hồn "ma sœur"...
(1971)

Linh Mục

1.
đĩ vắng là địa ngục
giam hãm đời muôn năm
tôi -- người yêu dĩ vắng
nên sống gần Sa-tăng
ngày kia nghe lời quỷ
giáng thế thêm một lần

*trong kiếp người linh mục
xao gầy cơn điên trắng!*

2.

*vì tôi là linh mục
không mặc áo nhà giòng
nên suốt đời hiu quạnh
nên suốt đời lang thang!*

*vì tôi là linh mục
giảng lời tình nhân gian
nên không có thánh kinh
nên không có bản đạo
nên không có giáo đường
(một tín đồ duy nhất
vừa thiêu hủy lầu chuông!)*

*vì tôi là linh mục
phổ lời tình nhân gian
thành câu thơ buồn bã
nên hạnh phúc đâu còn
nên người tình duy nhất
vừa thiêu hủy lầu chuông!*

*vì tôi là linh mục
không biết mặt thánh thần
nên tín đồ duy nhất
cũng là đấng quyền năng!*

3.

*tín đồ là người tình
người tình là ác quỷ
ác quỷ là quyền năng
quyền năng là tín đồ
tín đồ là người tình*

*thiêu hủy lầu chuông tôi
(vì tôi là linh mục
giảng lời tình nhân gian!)*

4.

*vì tôi là linh mục
không biết rửa tội người
nên âm thầm lúc chết
tội mình còn thâm vai...
(1970)*

Đụng chạm, lôi kéo những biểu tượng linh thiêng, đưa vào thơ và đưa vào tình yêu đời thường. Vậy mà anh chẳng làm mất lòng ai. Người ta vẫn cứ thích thú ca hát lời thơ của anh:

Hai năm tình lận đận

1.

hai năm tình lận đận
hai đũa cùng xanh xao
mùa đông, hai đũa lạnh
hơi thở dài như nhau (?)

hai năm tình lận đận
hai đũa cùng hư hao
(em không còn thất bính
nuôi dưỡng thời ngây thơ
anh không còn luýnh quýnh
giữa sân trường trao thư!)

hai năm tình lận đận
hai đũa đành xa nhau
em vẫn còn mắt biếc
anh vẫn còn nôn nao
ngoài đường em bước chậm
trong quán chiều anh ngóng cổ cao...

2.

em bây giờ, có lẽ
toan tính chuyện lọc lừa
anh bây giờ, có lẽ
xin làm người-tình-thua
chuông nhà thờ đổ mệ
tượng Chúa gãy hơn xưa
Chúa bây giờ, có lẽ
rơi xuống trần gian, mưa
(dù sao thì Chúa cũng
một thời làm trai tở
dù sao thì Chúa cũng
là đàn ông... đại khờ!)

anh bây giờ, có lẽ
thiết tha hơn tín đồ
nguyện làm cây thánh giá
trên chót đỉnh nhà thờ
cô đơn nhìn bụi bặm
làm phân bón rêu xanh
(dù sao cây thánh giá
cũng được người nhân danh!)

3.

hai năm tình lận đận
em đã già hơn xưa!...
(1972)

Anh thoát ra khỏi những hình ảnh và ngôn ngữ thơ chất lọc, sang cả quý phái của nền thơ truyền thống. Thơ anh, không cứ là trắng là gió, là bến nước, bờ mây, tóc thè và áo dài bay tha

thướt, mái tranh, cây đa hay gốc chuối... (như thể là người thơ cứ suốt đời ở nhà quê, cảnh cũ!) mà thay vào đó là những hình ảnh rất thực của thị thành với "tóc demi garçon", tóc bính, cột điện, với xe đạp, cà phê, cà phê đá, rạp cải lương, nhà ga và toa tàu, mùa thi với văn bằng... Tự ví mình như là một gã nông cuồng, là người phá phách, là người vô đạo, là sa-tăng ác quỷ... nhưng trên thực tế thì anh rất hiền, và trong tình yêu, thường là người thua cuộc, hoặc tự nguyện chịu thua cuộc. Trách người chỉ là trách nhẹ nhàng. Còn lại là trách mình. Thơ tình của anh vì vậy mà phổ cập, mà thành của chung. Ai đọc cũng thấy, cũng nghe được nhân dáng và kinh nghiệm của chính mình trong ấy. Từ thứ tình yêu reo vui, nhẩy múa theo nhịp chân của "cô Bắc-kỳ nhỏ nhỏ" cho đến tình yêu của người tuyệt vọng... anh nói thay mọi người bằng thánh ca của tình yêu. Nhưng đặc biệt là lúc khổ đau vì tình, thơ anh chùng xuống, gãy đổ, nát tan... và quả là anh đã đi thật sớm, trước thế hệ của anh, trong sự cảm nhận cũng như lối biểu đạt về tình yêu:

Thiên thu

*sao thiên thu không là xa nhau?
nên mưa xưa còn giăng ngang hồn sầu
tôi đứng như cây cột đèn gãy gập
và một con đường cúp điện rất lâu!*

*sao thiên thu không là chôn sâu?
nên nắng xưa còn hanh mái tóc nhàu
tôi đứng như xe tang ngừng ngập
và một họ hàng khăn trắng buồn đau!*

*sao thiên thu không là đường chim?
nên mây năm xưa còn trên tay phiến
tôi đứng như tường vôi luống tuổi
và những tàng xanh chùm gởi quê hèn!*

*sao thiên thu không là lãng quên?
nên tình xưa còn cháy âm thầm
tôi đứng như căn nhà nám lửa
và những người thân trốn chạy vội vàng!*

*sao thiên thu không là sương tan?
nên mặt trời xưa còn gượng huy hoàng
tôi đứng như dòng sông yên lặng
và những cánh buồm kiệt sức lang thang!*

*sao thiên thu không là thiên thu?
nên những người yêu là những ngôi mờ
tôi đứng một mình trong nghĩa địa
và chắc không đành quên khổ đau!
(1970)*

Trong thơ lục bát, anh vẫn theo vần nhịp cũ nhưng lối diễn đạt rất là thành thoi, thoải mái, tự nhiên như nói chuyện. Đây, vần lục bát của hơn 30 năm trước:

Nên thời gian ấy ngùi trông

*giọt mưa xanh mấy tuổi nàng
tôi nghe lá rụng như vàng áo xưa*

*hơi tàn tro ấm lần đưa
ba năm khơi lại cũng vừa đủ đau!*

*sớm, trưa, chiều, tối, ra, vào
người chưa yên nổi thâm xao xác lòng
nên thời gian ấy ngủi trông
khô như hạt bụi trưa ngừng ngập bay...*

*ba năm vượt sợi tình dài
ừ, tôi còn vụng ngón-tay-dậy-thì
thuở nào sâu đã lâm ly
giờ thêm già héo (nhiều khi hận thù!)*

*lửa đom đóm môi mòn, lu
nhưng tôi buồn cứ vì vu thối hoại*

*mưa thì mưa thả phai phai
rồi sau đó sẽ một vài tang thương
bởi quen cầm lược soi gương
biết ai ôm gói mộng thường lâu chẳng?*

*giọt mưa xanh mấy tuổi nàng
tôi nghe lá rụng như vàng áo xưa...
(1970)*

Hôm nay

*khi không tình nào nùng buồn
gót chân ai bỏ con đường nhớ nhưng
gót chân ai nhẹ vô cùng
dẫm lên xác-lá-tôi từng tiếng kêu
gót chân ai bước, nhẹ hều
bước qua tôi, bước, hư nhiều thói quen!*

*khi không tình nào nùng buồn
nhớ hôm qua vẫy tay ngừng ngập xa
tóc ai ngắn ngắn, như là
suốt đời chưa chịu thiệt thà chám vai
suốt đời khét nắng rong chơi
kể như hơi hướm bàn tay tôi, thừa!*

*mừng em sớm biết lọc lừa
biết ngây thơ giả -- biết đùa với đau!*

*biệt ly dù ở ga nào
cho tôi ngồi một toa tàu lẳng quên...
(1974)*

Đó là Nguyễn Tất Nhiên của tuổi hai mươi, với TÌNH qua tập *Thơ Nguyễn Tất Nhiên*; và bây giờ hãy đọc Nguyễn Tất Nhiên với TÂM qua *Tâm Dung*. Tập trước được xuất bản năm 1980 (gồm lại những bài thơ cũ trước năm 1975 và một số ít cuối thập niên 70) khi anh mới vượt biên ra hải ngoại; tập sau được xuất bản 9 năm sau đó. Tựa tập thơ là *Tâm Dung*, bao gồm nhiều bài thơ bắt đầu bằng chữ TÂM (như Tâm khai, Tâm sân, Tâm hoa, Tâm xuân, Tâm hồng, Tâm hương, Tâm mưa, Tâm sương, Tâm ca, Tâm cảm...) được chính tác giả mở đầu bằng một đoạn rất thâm trầm về tư tưởng Phật giáo, khiến người đọc có cảm tưởng là sẽ được đọc một tác phẩm về Thiên vậy.

"Dung, theo nghĩa dung chứa.

Năm lần Phật chỉ cho ngài A Nan, tâm là cái thấy.

Lấy cái thấy phân biệt để chỉ cái thấy vô phân biệt, lấy cái tâm vọng để chỉ cái tâm chơn, lấy ngón tay phàn phủ để dụ như ngón tay Phật chỉ trăng. Kẻ trèo đèo này chỉ mong góp một cón con Phật sự, vọng động chăng?

Chỉ mong quý thiện hữu niệm tinh: vọng mà biết mình vọng, còn hơn không."

Nguyễn Tất Nhiên

(Westminster, Ca. ngày 12/01/89)

Nhưng không. Dù mào đầu như thế, dù chọn lựa chủ đề và tựa đề như thế, thơ anh vẫn cứ là thơ, không phải là tập giáo nghĩa khô khan, cứng nhắc. Chỉ khác là anh đã chững chạc hơn (đĩ nhiên!), bớt bông đùa hơn, và trải đều lên những trang thơ là cõi lòng bát ngát của anh.

Tâm nguyệt

*từ gót sen hài em hút dẫu
sầu tôi như lá thần thờ bay
ví dù lá ngập đường em bước
lá cũng xin đừng bận gót ai...*

*từ mắt chia lòng sông cách núi
sầu tôi như bụi khắp không gian
ví dù bụi ó hoen màu trắng
bụi cũng xin đừng vương mắt xanh...*

*từ tóc bay xuôi dòng quá khứ
sầu tôi như bóng lạng lơ trôi
ví dù bóng đặng đeo tròn kiếp
bóng cũng xin dòng tóc thành thời...*

*từ hơi thở của không gian khác
sầu tôi như lịch nhân nha rơi
mỗi ngày thiên hạ hồn nhiên xé
lịch mới, như tờ-thương-nhớ-tôi!*

*từ hoa môi của bình minh khác
núi đồi vắng cả tiếng thông reo
chim thôi cười chúc mừng hoa lá
thành-phố-tôi già ho động cơ*

*từ vỡ, lành trăng lồng bóng nước
từ em là nguyệt lộng đời sông*

từ tôi là một dòng tâm nguyệt
sông có trăng cười sông xóa trăng...
(06/01/1989)

Tâm duyên

1.
mùa hè anh lên núi
thấy tóc em lành nhiên
cười theo chiều, gió tối
trời đi vào giấc yên
cho sự sống duyên hiền
từng búp hoa huệ nhỏ
cho sự sống hương êm
từng thoảng hoa huệ thờ
sự sống trắng tinh im
từng nụ quan-âm nở
im lặng là xin dâng
tặng đời bông hoa nữa...

mùa hạ anh ra đường
thấy mới tinh tất cả
thấy nắng nôi dịu dàng
đang vuốt ve cây cỏ
thấy cây cỏ dễ thương
đang làm duyên, tóc xoắn
thấy lửa trời nung ngon
chín bòn bòn sự sống
thấy sự sống nhịp nhàng
theo đỏ, vàng, xanh, đỏ...
thấy phố xá từ tâm
đền cười hoa ba đóa...
(17/01/89)

Rõ ràng là anh đã học ở đâu, từ những vật vô tri, từ người tình, từ cuộc đời, từ nỗi buồn đau, từ cơn thất chí, từ niềm tuyệt vọng, từ cơn bệnh tưởng, từ một nền đạo lý hun đúc tâm anh, hay từ tất cả những thứ trên: đức khiêm nhẫn và lòng tha thứ, chịu đựng vô cùng:

Tịnh khúc

buồn ơi...
tôi bỏ tôi chìm đắm
trong tiếng làm thinh của ghé bàn
ghé bàn không sẽ chia sâu thăm
nhưng biết làm thinh lặng cảm thông
bàn ghé đâu như người vui nhảm
tọc mạch đời nhau để miệng mồm
buồn ơi, tôi muốn như bàn ghé
chịu đựng đời không biết thở than!

buồn ơi...

tôi bỏ tôi tàn tạ
lạy đời xin một bận ngó lơ
lần té nặng này tôi muốn giữ
cho tim đừng hối hận trào cao
lần té nặng này tôi muốn sống
buồn ơi, đừng giết chết tình nhau
buồn ơi, tôi muốn hôn đời sống
dù môi nhàu nứt nẻ thương đau!

buồn ơi...
tôi bỏ tôi ngây dại
có phải thu-bồn chờ tóc ai
có phải lần run tay vuốt đái
là lần đời biết thứ tha tôi
có phải lần xin tay nắm... đái
là lần té gập dưới bàn tay?
buồn ơi, tôi muốn dâng đời sống
một đóa hồng đau đớn tuyệt vời!

buồn ơi...
tôi bỏ tôi rời rã
bất lực làm sao trước cuộc đời
ừ nhỉ, trước giờ tôi chiến đấu
cho niềm bất lực buổi hôm nay!
ừ nhỉ, bây giờ tôi mới biết
ghế bàn nên kính trọng như thầy
bàn ghế dạy tôi điều nhẫn nhục
dạy tôi bình thản thứ tha đời
bàn ghế có bao giờ bất lực
có bao giờ biết đợi trông chi
buồn ơi, tôi muốn như bàn ghế
thương đời như thể bỉ khinh thôi!

buồn ơi...
tôi bỏ tôi gần chết
tay đời bít lối chẳng ngưng tay
u đầu sút trán lao vào vách
tội tình tôi sao nặng thế này?

buồn ơi...
trong đám đông tàn nhẫn
một người chứng kiến đủ cho tôi
nhờ ai, tôi đã thành tâm nhẫn nhờ ai,
tôi phục dưới chân đời
buồn ơi, tôi muốn như dòng lệ
cay đời như kẻ thích ăn cay!

buồn ơi...
tôi có tôi-bàn-ghế
nguyện hiến cho đời một tấm lưng

(13/01/89)

Điều anh học được, làm được, cũng cho ta học được. Một tấm lòng khiêm cung, khiêm nhẫn. Một tấm lòng bao dung, tha thứ, và trên hết, vẫn tiếp tục yêu thương con người, yêu thương cuộc đời.

Sau đây là bài *Tâm Dung*, bài thơ được lấy đặt tên chung cho tập thơ. Bài thơ được đặt ở cuối tập. Không rõ sau bài này, Nguyễn Tất Nhiên còn những bài khác chẳng. Nhưng đọc xong bài này, tôi nghĩ đời thơ của anh đến ngang đây cũng quá đủ rồi. Không cần phải thêm một bài nào nữa. Đây không phải là một bài thơ tuyệt tác của nền văn học nước nhà, mà là lời tỏ tình tuyệt vời của một tín đồ thuần thành của tình yêu, suốt đời chỉ tận tụy yêu, và tụng đọc bài kinh yêu. Sau đây là vài trích đoạn:

Tâm dung

1.

Có thể nào trẻ thơ sống bên ngoài lòng mẹ? có thể nào anh sống ngoài tầm mắt em?

...

4.

vì người yêu thương trời đất cũng yêu thương, vì em đang ban phát yêu thương, vì anh cũng là thành phần muôn một của đất trời, nên cho dù em không hay không biết yêu thương vẫn thấm nhuần đều trên cuống đọt ngàn xanh dù em không biết không hay anh vẫn lan âm thầm khắp mặt địa cầu bất đồng khí hậu nhưng phải chẳng em, nơi đá khô đất khô nào mà không diệp lục phải chẳng em, đồng hoang man dã nào mà không có hoa chỉ tay em? vì em đang ban phát yêu thương nên anh khẩn xin là cọng cỏ được lần nào của chân em, tội nghiệp cho anh lòng còn ham muốn, tội nghiệp cho anh một đơn thân cỏ dại đời chỉ riêng dành cho ngón ngón nhịp nhàng nhịp từng mỗi nhịp tim...

5.

tình yêu sao mà đau khổ với khổ đau, toại nguyện phải chẳng là hạnh phúc? em lý lẽ gằn nhau tình sẽ chết, vậy người ta sinh ra, sống, để làm chi?

6.

anh cô đơn ca hát vu vơ lời gì vô ý chỗ đám đông nơi con người dễ dàng phỉ báng kẻ điên khùng, ấy chết, anh chẳng thể viện lý do cuộc sống vắng em, dù em sẽ tin, nhưng thăm trải dưới chân có lời nào giải thích? dưới chân tình yêu, anh xin thành khẩn hứa chịu đựng ngang nhau hết thầy kẻ thù.

.....

10.

anh muốn dụi tóc vào những ngón tay em cho hiện ra vài điểm bạc, cho thời gian đẹp phôi phai, cho sen lòng anh ngày mỗi thêm một đóa, cho hoa huệ hoa trang em đong đưa ngấn ấy búp nhỏ đơm hương cho gió tình thơm tho không phân biệt chiếm hữu, tự do.

11.

mặt đất kia phù sa đắp bồi cho lúa no hạt mơn mơi bông, ruộng lòng anh đòng đòng tươm mắt sữa vì em là mưa hạ nắng đông là suối sông nguồn lượng cho rẽ ngon khoáng chất trảy hoa cành, vườn lòng anh xanh ngát tận chân trời vì em là yêu thương không phân biệt hoa nào là hoa hạnh phúc quả nào là quả đau thương.

12.

buổi sáng tinh khôi bừng mắt dậy thấy hoa lá không tên bóng động hình bên cửa sổ đùa gió vui sương, môi cười theo hồn nhiên nụ, hoa cười hay anh cười? trưa trưa rực nắng chan vàng đồng hướng dương hực vàng một cánh ngút ngàn chân mây, những nụ cười hàm tiếu tròn đầy, anh cười hay hoa cười? chiều chiều nghiêng nghiêng nắng dịu nghiêng nghiêng mình chào người và người chào đáp lại, người cười hay tim cười? buổi tối anh ngon lành êm ả ngủ, thờ đều hòa nơi một kẻ ngón chân em, em thờ hay anh thờ...

(19/01/89)

Sau đó không thấy thơ Nguyễn Tất Nhiên nữa. Rồi một hôm, nghe tin anh mất. Trên chiếc xe cũ, đậu dưới bóng cây, trong vườn một ngôi chùa. Đòi anh, lúc nào cũng đi sớm hơn kẻ khác. Đòi không ruồng bỏ anh, cũng chẳng người tình nào ruồng bỏ anh (không ai có thể ruồng bỏ một người đáng yêu như thế! mà cũng chẳng ai có thể ruồng bỏ được một gã yêu tha thiết, yêu miệt mài, yêu thủy chung suốt đời như thế!). Chỉ có anh, tự ý đi thật sớm, rồi bỏ cuộc đời, để lại một cõi thơ bát ngát. Không cần phải tội nghiệp cho anh, và đừng tưởng anh khổ đau cùng tận! Anh là kẻ hạnh phúc vô cùng tận với tình yêu bất diệt và tấm lòng bao dung hiem có. Và thơ anh, đã hóa thân khắp nơi khắp chốn: là ngọn cỏ mềm, là gió mơn man, là dòng sông êm, là bàn ghế lặng thinh, là đất trời mê mẩn vô hạn... Nơi đó, có đủ hương vị của tình yêu cũng như những hỉ, nộ, ái, ố... bình thường của một con người, dù là con người thi sĩ, hay văn sĩ. Nhưng tất cả đều được dung chứa trong một cõi lòng thật rộng. Có thể nói, giới hạn giữa sống-chết, qua *Tâm Dung* ấy, không còn nữa.

Phụ đính I:



**Chùm thơ Nguyễn Tất Nhiên
và
những bài viết liên quan đến
thơ của tác giả**

Cô Bắc Kỳ nhỏ nhỏ

Đôi mắt tròn, đen, như búp bê
Cô đã nhìn anh rất ... Bắc Kỳ
Anh vái trời cho cô dễ dạy
Để anh đừng uống mớ tình si

Anh vái trời cho cô thích mộng
Để anh ngồi kể chuyện nằm mơ
"Đêm qua có một chàng bướm bướm
Nguyễn chết khô trên giấy học trò "

Anh chắc rằng cô sinh trong nam
Cảnh tượng di cư chắc lạ lùng ?
Khi nghe ai luyến thương Hà Nội
Chắc cô nghe bằng tim dửng dưng

Anh vái trời cho cô dửng dưng
Coi như Hà Nội - xứ hoang đường
Để anh còn dắt cô đi dạo
Còn rủ cô vào rạp cải lương

Anh vái trời cô thích cải lương
"Thích kẻ anh hùng diệt bạo tàn"
Mốt mai thê thảm quanh đời sống
Cô sẽ còn đôi chút lạc quan

Đôi mắt tròn, đen, như búp bê
Cô nhớ nhìn thiên hạ lặn lờng
Mà hãy nhìn anh cay lắm chuyện
Nhưng còn con trẻ chuyện yêu đương
(1973)

Gái Bắc



Bùi Thị Duyên

Em nhớ giữ tánh tình con gái bắc
Nhớ diêu ngoa nhưng già bộ ngoan hiền
nhớ thật thà nhưnh thâm ý khoe khoang
Nhớ duyên dáng ngây thơ mà xảo nguyệt
Ta cố dặn dò lòng nên tha thiết
nên dễ dàng tin tưởng chuyện vu vơ
nên yêu đương bằng gương mặt khờ khờ
nên hùng hổ để đợi chờ thua thiệt
hay tin em vừa thi rớt luật
mỗi trâm anh tàn héo nụ xa vời
mắt công nương thắm khép mộng chân trời
ô tội nghiệp lần đầu em thất vọng
(dù thật vậy cũng đáng đời em lắm)
rớt di Duyên rớt dễ thương người
ta thằng mang hận tú tài dôi
tâm sự buồn không biết tìm ai kể lẽ
Chim lớn thôi dành cam rớt lệ
Ngày ta buồn thần thánh cũng thôi linh
nếu vì em mà ta phải diên tình
Cơn giận dữ đã tột cũng mê muội
Thì đừng sợ Duyên ơi thiên tài yếu đuối
Ta tre khô mỗi mọt ăn luôn
để gãy đòn toi ta miệng sượng
khi tàn bạo xiết cổ người yêu dấu
Em chẳng bao giờ rung động cũ
Ta quang năm nguyệt ngã với tình sầu

dễ trở về như một con sâu
lê chân mống qua các tàn cây lậ
Nuôi hy vọng sau ngàn mưa nắng lậ
Lá xanh em chưa vết lổ loan nào
dễ ta thành thi sĩ nhất loài sâu
nhìn lá nồn tiếc thềm dàu dầm cấn
Nếu vì em mà thiên tài chán sống
Thì cũng vì em ta ngại bước xa đời ...
(1972)

Duyên tình con gái Bắc

(...xem Về thơ Nguyễn Tất Nhiên
Nguyễn Kỳ Phong – trang 41)

Đám đông

1.
cô Bắc Kỳ nho nhỏ
tóc "demi-garcon"
chiều vui thương đón gió
có thương thâm anh không ?

cô Bắc Kỳ nho nhỏ
tóc "demi-garcon"
cười ngày thơ hết nộ
tình cờ thấy anh trông
khi không đường nín gió
bụi hết thời bay rong
khi không đường nín gió
anh lấy gì lang thang ?

cô Bắc Kỳ nho nhỏ
tóc "demi-garcon"
chiều đạp xe vô chợ
mắt như trời bao dung
anh vì mê mãi ngó
nên quên thù đám đông!

2.
đời chia muôn nhánh khổ
anh tận gốc gian nan
cửa chùa tuy rộng mở
tà đạo khó nương thân
anh đành xưng quỉ sứ
lãnh đủ ngọn dao trần!
qua giáo đường kiếm Chúa
xin được làm chiên ngoan
Chúa cười run thánh giá
bảo: đầu người có sừng!

đời chia muôn nhánh khổ
anh tận gốc gian nan
cô Bắc Kỳ nho nhỏ
mắt như trời bao dung
hãy nhìn anh thật rõ
trước khi nhìn đám đông
hãy nhìn sâu chút nữa
trước khi vào đám đông!
(1973)

Cho nhỏ ngày thi

Ngày thi sắp gần kề rồi đó nhỏ
Nhỏ lo năm mà ta ngại tới mười
Sợ bài thi làm nhỏ biếng môi cười
Ta thật sự nghe lòng đau khôn xiết
Ta tưởng tượng nếu nhỏ mà thi rớt
Nhỏ sẽ buồn như những lá thu bay
Lệ thấm nồng ướt đẫm chiếc khăn tay
Như có đạo nhỏ buồn ta phải đỡ

Ta tưởng tượng nếu nhỏ mà thi đỗ
Nhỏ có mừng chưa chắc đã hơn ta
Nụ nhỏ cười sẽ rực rỡ như hoa
Nổi sung sướng ửng hồng đôi má đỏ

Ngày thi đã gần kề rồi đó nhỏ
Ta không thi nhưng hồi hộp lạ thường
Đêm ta nằm cầu mong Chúa xót thương
Cho nhỏ đỗ đầu ta... người ngoại đạo

Trúc đào

(...xem Về thơ Nguyễn Tất Nhiên
Nguyễn Kỳ Phong – trang 41)

Khúc buồn tình

(Nguyễn Tất Nhiên và thơ
phổ nhạc...)

Hai năm tình lận đận

(...xem Về thơ Nguyễn Tất Nhiên
Nguyễn Kỳ Phong – trang 41)

Bởi yêu em sầu khổ dịu dàng

Bởi yêu em nên sầu khổ dịu dàng
Những kỉ niệm đời xin hãy còn xanh
Có một ngày mình bỏ trường bỏ lớp
Cùng ra đi như định luật Trời dành

Nắng bờ sông như màu trang vở cũ
Thuở học trò em làm khổ ai chưa?
Anh muốn khóc trong buổi đầu niên học
Bàn tay xương cộm hờ hững văn bằng

Em hãy đứng trước gương làm dáng
Tự khen mình: "đẹp quá!" đi em
Lỡ mai kia một nọ theo chồng
Còn đôi chút luyện lưu thời con gái

Em hãy ra bờ sông nhìn nắng trải
Nhớ cho mình dáng dấp người yêu
Lỡ dòng đời tóc điểm muối tiêu
Còn giây phút chạnh lòng như mới lớn.

Mình hãy trách đời nhau nhiều hư hỏng
Rồi giận hờn cho kỉ niệm đầy tay
Thu miền Nam không thấy lá vàng bay
Anh phải nói: buồm chúng ta màu trắng

Tình cứ đuổi theo người như chiếc bóng
Người thì không bắt bóng được bao giờ
Anh muốn khóc trong buổi đầu niên học
Bởi yêu em nên sầu khổ dịu dàng.

Ma soeur

(Nguyễn Tất Nhiên và thơ
phổ nhạc...)

Linh mục

(...xem Về thơ Nguyễn Tất Nhiên
Nguyễn Kỳ Phong – trang 41)

1978 ở Việt Nam

Phu thê nếu phải nợ rồi
Thì tôi đâu ngại ngỏ lời yêu em

Như con chim mới tập chuyền
Bâng khuâng gắm lụa thánh hiền em ra
Mặt trời rực rỡ phương xa
Ở đây hạnh phúc chỉ là đau thương
Những đôi mắt ngó lờm lờm

Những nanh vuốt thú ẩn trong dáng người
Cách gì tôi nhủ khuyên tôi
Sống cho ra vẻ cần đời, trang nghiêm
Sống không khinh lữ thấp hèn
Thế nên từ đó cơn điên xé đời

Cách gì tôi nhủ khuyên tôi
Sống không dữ dội, sống nguôi hận thù
(Tôi duy tâm, rất nhân từ
Thế nhưng thời đại suy tư đã ... tàn !)

Phu thê nếu đã buộc ràng
Thì xin nhẫn nhục cưu mang vợ chồng
Tôi, quanh năm sống hoang đàng
Cũng xin nhỏ lệ hoàn lương khóc tình !

(Biên Hoà, 05/9/78)

Vài đoạn viết ở Đình Tiên Hoàng

Em còn nhỏ làm sao mà biết được
Ta oạn mình trong những khổ tâm riêng
Em còn nhỏ làm sao mà biết được
Đời buồn hiu như lá rụng, ban đêm

Chiều đã kêu chiều bằng tiếng gió
Lòng ta u uất cũng kêu nhau

Em còn nhỏ làm sao mà biết được
Nụ cười nào báo hiệu cơn đau
Nụ cười nào chỉ là hơi thở mệt
Của một thằng mặt gọng, rán, phong lưu
Nụ cười nào phát âm từ đáy ngực
Đã gần như những tiếng ho khan

Chiều đã kêu chiều bằng tiếng gió
Trong ta đêm xuống rất bạo tàn

Mưa với nắng dẫu chung trời, chung đất
Mà quanh năm bắt buộc tránh nhau hoài
Ta với người bắt buộc, phải chia hai
Làm sao em biết trời đau đớn
Làm sao em lớn bằng ta lớn
Để chung cùng công việc: đứng than thân
Để chung cùng rõ nghĩa thêm, hơn
Phía nào khác của biển từ "chóng mặt"

Em còn nhỏ làm sao mà biết được
Áo cơm hành bún rụn thiên tài

Học thói người xưa ta cạo đầu bán tóc
Chưa đủ tặng em nửa chiếc áo dài

Em còn nhỏ làm sao mà biết được
Ta với đời, thực sự chẳng nương nhau
Ta với đời, tất nhiên thua cuộc
Vì áo cơm là những ngọn lao

Em còn nhỏ làm sao mà biết được
Mỗi nụ tình ẩn chứa một loài sâu

Và , khi em thấm nhuần ê ẩm
Ta sợ tài ta đã rũ nhàu
(1974)

Xướng ca thi

1.
hãy ngồi yên lặng đó
ta về nhé em yêu
tình xa như bóng nắng
bên kia quả địa cầu
dăm nụ cười héo hắt
gửi cho nhau, lòng đau!
hãy ngồi yên lặng đó
ta về nhé em yêu
tình xiêu như nắng xế
trong hai vương hồn chiều
tia mắt nào ấm đủ
đôi cuộc đời xé xiêu ?
hãy ngồi yên lặng đó
ta về nhé em yêu
ngồi gầy thêm vóc ốm
thấm thía từng hắt hiu
đời cho em phấn sáp
mốt mai thành rong rêu
đời cho ta tài tử
rồi tan theo bọt bèo
đời trong khi hạnh ngộ
đã nghìn trùng xa nhau!

2.
dù sao, mình cũng đã
cho nhau những tạm cười
những nhất thời mê mệt
những nhất thời ... mại hơi!
dù sao, mình cũng đã
cám ơn nhau, ơn đời
cám ơn kim định mệnh
khâu khít sần chung đời

cám ơn hai là một
(dù đã một đái bôi
rồi là một tả toi!)
dù sao, mình cũng đã
cám ơn nhau, cần nhau
mất môi nhau mộng du
sống cho nhau, dù sao ...

3.

đời vàng hong cũng đã
khô tóc nước hoa người
đời dối gian cũng đã
dạy người nhuyển lả lơi
đời lang tâm cũng đã
dạy người chớ tin ai
đời phù du cũng đã
dạy người hưởng đi thôi!
nhưng đời oằn oại đã
dạy ta sống cho người ...

4.

hãy ngồi yên lặng đó
ta về nhé em yêu
ngồi nghe từng gốc tóc
bạc phần đời quạnh hiu
nghe tế bào da thịt
chẳng như da trời chiều
lột thành mai khác được!
ta về nhé em yêu ...

Cho đáng đời ai

ờ bạn nào đâu có nghịch ngàm
cười duyên lần lữa chẳng hồi âm
ừ, tôi cũng thấy cộ.. ngoan lắm
dài cổ tại người -- bộ tại em ?
ờ bạn nào đâu có khó thương
cười ngây thơ kéo hẹn nhì nhằng
ừ, tôi cũng thấy cộ.. khờ lắm
ai chết tại người -- cho chết luôn !
ờ cá vàng đâu có lửng lơ
yểu điệu trời cho đẹp nhờn nhờn
người ta cáu kính vì nôn nóng
ai nhận bà con phải ráng chờ !
ờ tiểu thơ nhu nhã dạ thừa
người nghe như gió động hoa đưa
ừ, tôi cũng thấy cộ.. hiền lắm
thừa dạ rồi ai chết biết chưa ?
ờ bạn từ tâm để mũi lòng
cho tôi thấy được đưa lành hơn

nhờ cô, tôi biết tôi lạnh lắm
chẳng thể sao nhằm em dễ thương !
ừ, tôi đổ quạu đến... trời ơi !
nhiếc móc cho ai tức đáng đời
ngày mai em cũng chưa thư nữa
đáng đời ai vậy ? chắc đời tôi !

Thắm mệt đầu đời

Tình mới lớn, phải không em, rất thích?
Cách tập tành nào cũng thật dễ thương
Thuở đầu đời chú bé soi gương
Và mê mãi, dĩ nhiên làm lạ

Tình mới lớn, phải không em, rất lạ?
Cách tập tành nào cũng ngược như nhau
Thuở đầu đời, chú bé ôm phao
Và nhút nhát, dĩ nhiên, ngập nước...

Tôi có cánh buồm tấp về ký ức
Em có chỗ ngồi quên lãng như mây
Dù cát bụi nhiều phen dấy loạn
Cũng yên nằm mang phân bón cho cây

Nên bao giờ tôi cũng phải thương tôi
(Những ích kỷ nảy sinh sau lần thảm bại!)
Tuổi mười lăm giữa con trai, con gái
Đã rõ ràng ai khờ khạo hơn ai

Nên bao giờ tôi cũng phải thương tôi
(Những ích kỷ nảy sinh sau lần nhục nhã!)
Em có một đời trong xanh mơ đá
Tôi có ngàn năm lạc lõng sương mù

Tình mới lớn, phải không em, rất mỏng?
Cách tập tành nào cũng dễ hư hao
Thuở đầu đời cầm đuũa thấp cao,
Và nâng chén, dĩ nhiên, đổ vỡ

Khi mòn mỏi nghe đời mình trác trở
Hơn lúc nào, tôi quá đổi thương tôi!!

Thơ say

1.
những tưởng học làm Cao Bá Quát
nào hay uống rượu sầu thêm sầu
ta thấy mùa thu còn sáng lắm
sao người về như sợ gió đêm sâu

sao người về cho gỗ biết buồn đau !

2.
những tường học làm Vũ Hoàng Chương
nào hay uống rượu suốt đêm trường
em ơi rượu chẳng say người chết
đời vắng em rồi say nhớ thương !

ta thấy mùa đông chưa tuyết trắng
sao người về như sợi tóc phai sương
sao người về cho đôi ta lìa bạn
sao người về cho tóc sợt thời gian !

3.
những tường học làm Nguyễn Công Trứ
nào hay tri túc bất tri âm
ta thấy mùa xuân chưa kịp tới
sao người về như ngại nắng mong manh
sao người về cho Tử Kỳ bên mộ
khóc Bá Nha lệ xuống hoa tay mình
sao người về, sao người về đâu mất
ta thấy mùa xuân meo nắm tràn lan

Về thơ Nguyễn Tất Nhiên Nguyễn Kỳ Phong

Tôi viết bài này vì có một cô gái viết thư hỏi tôi biết thơ Nguyễn Tất Nhiên không, và biết thì xin gửi dùm ... Bài viết này là câu trả lời của tôi đối với cô ta. Nguyễn Tất Nhiên chết đã được 8 năm, Trần Thúy Anh (tên cô gái gởi thư cho tôi) đã biến mất, tôi già hơn bốn tuổi, và một vài bài thơ của Nhiên đã được 32 năm. Duyên --người tình muôn thuở của Nhiên đã yên phận, có chồng, có con. Bích, em trai của Duyên và là bạn đồng môn với tôi, thì biệt tích. Tôi post lên đây để nhớ về một người bạn đã quá cố. Và cũng là một nhà thơ tôi thích từ khi biết yêu thơ và yêu những mối tình. Những chữ nằm tron ngoặc là comments của người viết bài này.

Giữa tôi và Nhiên (Anh Nhiên thì đúng hơn, vì Nhiên lớn hơn tôi 4 tuổi và học trên tôi 4 lớp. Nhưng khi tôi vào học năm thứ nhất ban Triết ở Văn Khoa thì chung ban với Nhiên.) có liên hệ không gần mà cũng không xa, đủ để cùng vui khi nhắc lại những hoài niệm về Biên Hòa khi Nhiên còn sống; và cũng đủ buồn khi nghĩ về cái chết của Nhiên.

Những bài thơ dưới đây nằm trong tập thơ Thiên Tai, làm năm 1970, rồi cả gan đem vào trường bán từng lớp học (trong đó có lớp của Duyên người tình dang dở của Nhiên).

Khi Nhiên sáng tác những bài thơ này, thì liên hệ của Duyên và Nhiên đã hết. Tình cảm của Nhiên trong lúc này là tình cảm của một kẻ bị phụ tình.

Bài thơ "Bài Thăm Mệt Đầu Tiên" mở đầu cho tập thơ Thiên Tai.

Bài thăm mệt đầu tiên

1.

*Tình mới lớn, phải không em, rất thích?
Cách tập tành nào cũng dễ thương
Thuở đầu đời chú bé soi gương
Và mê mãi, dĩ nhiên làm lạ !*

*Tình mới lớn, phải không em, rất lạ ?
Cách tập tành nào cũng ngược như nhau
Thuở đầu đời chú bé ôm phao
Và nhút nhát, dĩ nhiên ngộp nước*

2.

*Tôi có cánh bướm tập về ký ức
Em có chỗ ngồi quyên lãng như mây...*

3.

*Dù cát bụi nhiều phen dấy loạn
Cũng yên nằm mang phân bón cho cây
Nên bao giờ tôi cũng phải thương tôi
(những ích kỷ nảy sinh sau lần thảm bại !)*

*Tuổi mười lăm giữa con trai, con gái
Đã rõ ràng ai khờ khạo hơn ai
Nên bao giờ tôi cũng phải thương tôi
(những ích kỷ nảy sinh sau lần nhục nhã !)*

4.

*Em có một đời rong xanh mơ đá
Tôi có ngàn năm say khướt hận thù !*

5.

*Tình mới lớn, phải không em, rất mỏng
Cách tập tành nào cũng dễ hư hao
Thuở đầu đời cầm đuốc thấp cao
Và nâng chén, dĩ nhiên đổ vỡ*

6.

*Khi mòn mỏi nghe đời mình trắc trở
Hơn lúc nào tôi quá đổi thương tôi !*

Bài này làm trong lúc Nhiên thật si mê Duyên,
một bài thơ thất tình rất thảm não/

Tình một hai năm

1.

Và thơ tôi gom hết cho người

rất Tội nghiệp như dòng sông nước cạn !

2.

*Chiều nay trời mưa trên tóc nhuộm
Không biết người có sợ tàn phai ?*

3.

*Tình một hai năm chưa phải tình dài
Cũng không thể gọi là tình mới !*

*Tôi vẫn đợi như ngày tôi đã đợi
Vẫn ngậm tình về như buổi ngậm tình đi
(Nghĩa là tôi vẫn áp ứng chuyện yêu người
Cơ khổ như những lời thú tội !)*

4.

*Tình chóng vỡ khi gần nhau quá vội
Tôi làm sao can đảm ngẩng tro tàn ?!
Nên cuộc đời cứ thế run run
Gió thì lạnh tay chẳng màng đánh lừa !*

*Tôi vẫn đợi, đợi người thêm chút nữa
Tự an ủi mình khi cắn nổi sấu đau:
--Tình một hai năm chưa bạc mái đầu
Chưa tuyệt vọng (bởi vì chưa hy vọng !)*

5.

*Chiều nay trời mưa trên tóc nhuộm
Xơ xác người tôi thấy buồn chưa tôi ?*

6.

*Tình còn đây là tình còn xa xôi
Tình im lặng là tình không chết yếu !*

7.

*Cha mẹ sinh tôi --thằng con bất hiếu
Thề thốt thương người hơn cả song thân !*

(1970)

Duyên có đạo. Và Biên Hoà có một nhà thờ lớn, bên trong trường Khiết Tâm. Những buổi sáng hay trưa, Nhiên thường ngồi trong một quán cafe tên Quán Tuyết, nằm dọc theo quốc lộ 1, để nhìn những cô gái có đạo đi nhà thờ này. Người viết bài --không đạo--nhưng có theo một cô gái thường đi nhà thờ này ...

Linh mục

1.

*Dĩ vãng là địa ngục
giam hãm đời muôn năm
Tôi--người yêu dĩ vãng*

Nên sống gần Sa-tăng
Ngày kia nghe lời quỷ
Giáng thế thêm một lần
Trong kiếp người linh mục
Xao gầy cơn điên trắng !

2.

Vì tôi là linh mục
Không mặc áo nhà giòng
Nên suốt đời hiu quạnh
Nên suốt đời lang thang !

Vì tôi là linh mục
Giảng lời tình nhân gian
Nên không có thánh kinh
Nên không có bản đạo
Nên không có giáo đường
(Một tính đồ duy nhất
Vừa thiêu hủy lâu chuông !)

Vì tôi là linh mục
Phổ lời tình nhân gian
Thành câu thơ buồn bã
Nên hạnh phúc đâu còn
Nên người tình duy nhất
Vừa thiêu hủy lâu chuông !

Vì tôi là linh mục
Không biết mặt thánh thần
Nên tín đồ duy nhất
Cũng là đáng quyền năng !

3.

Tín đồ là người tình
Người tình ác quỷ
Ác quỷ là quyền năng
Quyền năng là tín đồ
tín đồ là người tình
Thiêu hủy lâu chuông tôi
(Vì tôi là linh mục
Giảng lời tình nhân gian!)

4.

Vì tôi là linh mục
Không biết rửa tội người
Nên âm thầm lúc chết
Tội mình còn thâm vai...

(1970)

Bài thơ sau đây là tinh túy nhất của Nguyễn T. Nhiên. "Nắng bờ sông" trong bài thơ là bờ sông Biên Hòa, một nơi có rất nhiều kỷ niệm với nhà thơ. Bài thơ nói lên sự thắm thía của một kẻ thất tình. Ngay bên bờ sông này là Ty Bưu Điện BiênHoà, nơi Nhiên ra chờ thư người tình ở một hộp thư lưu trữ.

Nên sâu khổ dịu dàng

1.

*Những kỷ niệm đời xin hãy còn xanh
(có một ngày mình bỏ trường bỏ lớp
anh cũng đi như định luật trời dành !
em cũng đi như định luật trời dành !)*

2.

*Nắng bờ sông như màu trang vở cũ
Thuở học trò em làm khổ ai chưa ?!*

3.

*Anh muốn khóc trong buổi đầu niên học
Bàn tay xương cầm hờ hững văn bằng !*

4.

*Em hãy đứng trước gương làm dáng
Tự khen mình đẹp quá, đi em
(để mai kia một nọ có theo chồng
còn đôi chút luyến lưu thời con gái !)*

*Em hãy ra bờ sông nhìn nắng trải
Nhớ cho mình dáng dập người yêu
(Lỡ dòng đời tóc điểm muối tiêu
còn giây phút chạnh lòng như mới...lớn !)*

*Mình hãy trách đời nhau nhiều hư hỏng
Rồi giận hờn cho kỷ niệm đầy tay
Thu miền nam không thấy lá vàng bay
Anh phải nói: buồn chúng ta màu trắng !*

5.

*Tình cứ đuổi theo người như chiếc bóng
Người thì không bắt bóng được bao giờ !*

6.

*Anh muốn khóc trong buổi đầu niên học
Bởi yêu em nên sâu khổ dịu dàng !*

(1970)

Một đêm giao thừa nằm nhớ về người yêu, biết rằng nàng sẽ bỏ mình ra đi. Bỏ mình như những buổi hoàng hôn từ giả mặt trời chiều. Yêu nhau, trong một ý nghĩa hiện sinh tuyệt đối, là một địa ngục không lối thoát cho hai người yêu và được yêu. Nguyễn Tất Nhiên theo ý nghĩ đó viết lên: "Những kẻ yêu nhau chẳng có thiên đàng." Chỉ có những người thất tình mới kinh

nghiệm được tình cảm như Nhiên kinh nghiệm trong lúc này. Đây là một bài thơ khi Nhiên muốn tự tử vì một cuộc tình lần đầu tiên. Sau cùng, Nhiên tự tử vì cuộc đời. Bài thơ rất thuần túy của Nhiên.

Hai trong ba bài thơ được phổ nhạc. Bài Trúc Đào rất ngây thơ.

Như những hoàng hôn bỏ mặt trời

1.

*Tôi bắt đầu yêu hay bắt đầu dự tính ?
(Dự tính nào cũng thật ngây thơ !)
Tôi bắt đầu yêu hay bắt đầu già ?
(Khi mặc cả tình yêu cùng thù hận !)*

2.

*Xin đánh đổi cuộc đời này (lận đận !)
Bằng phút giây cảm được tay người !*

3.

*Em còn đứng bên bên dòng sông ngát lạnh
Cho hồn đầy mơ ước viễn vông
Tôi còn đứng bên dòng sông giá lạnh
Cho một mưu toan tự tử âm thầm*

*Ngày sắp hết năm sắp hết
Thời gian nào cho bốn mắt ta xanh ?
Thời gian nào đưa ta về địa ngục ?
(Những kẻ yêu nhau chẳng có thiên đàng !)*

4.

*Thế nào em cũng bỏ tôi
Như những hoàng hôn bỏ mặt trời !*

5.

*Tôi thốt lời tình như bảo vật
Em ngu si nên từ chối dễ dàng
Tôi ngu si nên làm người không tiếc của
(Hai kẻ yêu ngu si khó sống gần)*

6.

*Thế nào rồi tôi cũng giết tôi
Xin hận thù em suốt quãng đời !*

7.

*Tôi bắt đầu yêu hay bắt đầu dự tính ?
(Dự tính nào cũng thật ngây thơ !)
Tôi bắt đầu yêu hay bắt đầu già ?
(Khi mặc cả tình yêu cùng thù hận !)*

8.

Như loài thiêu thân mê lửa ngọn

Buổi yêu em, tôi hằng hái lia trần !

(30 Tết Tân Hợi, 1971)

Hai năm tình lận đận

1.

*Hai năm tình lận đận
hai đũa cùng xanh xao.
Mùa đông hai đũa lạnh
Hơi thở dài như nhau*

*Hai năm tình lận đận
Hai đũa cùng hư hao
(Em không còn thất bính
nuôi dưỡng thời ngây thơ
anh không còn lính quýnh
giữa sân trường trao thư !)*

*Hai năm tình lận đận
Hai đũa đành xa nhau
Em vẫn còn mắt liếc
Anh vẫn còn nôn nao
Ngoài đường em bước chậm
Trong quán chiều anh ngắm cỏ cao.*

2.

*Em bây giờ, có lẽ
Toan tính chuyện lọc lừa
Anh bây giờ, có lẽ
Xin làm người tình thua
Chuông nhà thờ đổ mệ
Tượng Chúa gãy hơn xưa
Chúa, bây giờ có lẽ
Rơi xuống trần gian, mưa
(dù sao thì Chúa cũng
là đàn ông...dại khò)*

*Anh bây giờ có lẽ
Thiết tha hơn tín đồ
Nguyện làm cây thánh giá
Trên chót đỉnh nhà thờ
Cô đơn nhìn bụi bặm
Làm phân bón rêu xanh
(dù sao cây thánh giá
cũng được người nhân danh!)*

3.

*Hai năm tình lận đận
Em đã già hơn xưa !...*

(1972)

Trúc đào

Trời nào đã tạnh cơn mưa
Mà giông tố cũ còn chưa muốn tàn ?
Nhà người, tôi quyết không sang
Thù người, tôi những đêm nằm nghiêng rặng
Quên người--nhất định tôi quên !
Mà sao gặp lại còn kiên nhẫn chào

Chiều xưa có ngọn trúc đào
Mùa thu lá rụng bay vào sân em
Mùa thu lá rụng êm đêm
Như cô với cậu cười duyên dại khờ
Bởi vì hai đứa ngây thơ
Tình tôi dạo ấy... là ngỡ ngẩn nhìn!
Thế rồi, trăng sáng lung linh
Em mười sáu tuổi giận hờn vu vơ
Sang năm mười bảy, không ngờ
Tình tôi nít nhỏ ngồi mơ cũng thừa
Tôi mười bảy tuổi buồn chưa
Đầu niên học mới dầm mưa cả ngày !

Chiều nay ngang cổng nhà ai
Nhủ lòng, tôi chỉ nhìn cây trúc đào
Nhưng mà không hiểu vì sao
Gặp người xưa lại nhìn nhau mỉm cười ?!
(1973)

Chuyện tình của Nhiên và Duyên kết thúc khi Duyên đậu tú tài 2 và lên Saigon học Luật. Nhiên trong khi đó ở lại Biên Hòa quần quai trong nỗi thất vọng của mình [...ta thằng ôm hận tú tài đôi, không biết tìm ai mà kể lẽ...] Biên Hòa là một thành phố rất nhỏ trong ý nghĩa ai cũng biết ai. Và khi Nhiên bắt đầu nói xấu về Duyên thì anh em của Duyên phản ứng bằng cách gây gỗ với Nhiên và yêu cầu Nhiên đừng nhắc tới tên của Duyên nữa. Càng lúc Nhiên càng sống trong một trạng thái ân hận, nếu không nói là hối hận. Nhiên ngỏ lời xin Duyên tha thứ. Nhưng Duyên không bao giờ gặp lại Nhiên từ sau hai bài thơ "Duyên Của Tình Ta Con Gái Bắc" và "Bài Tạ Lối Cùng Người" được phổ biến.

Duyên của tình ta con gái Bắc

Ta sẽ về thương lại nhánh sông xưa
Thương lại bống hình năm năm trước...

Em nhớ giữ tánh tình con gái bắc
Nhớ điệu ngoa nhưng giả bộ ngoan hiền
nhớ thật thà nhưng thâm ý khoe khoang
nhớ cay đắng ngây thơ mà... xảo quyệt !
Ta sẽ nhớ dặn dò lòng nên tha thiết
Nên vội vàng tin tưởng chuyện vu vơ
Nên yêu đương bằng gương mặt khờ khờ

Nên hùng hổ...để đợi giờ thua thiệt !

*Nghe nói em vừa thi rớt luật
Môi trâm anh tàn héo nụ xa vờ
Mắt công nương thắm khép mộng-chân-trời
Xin tội nghiệp lần đầu em thất vọng
(Dù thật sự cũng đáng đời em lắm
Rớt đi Duyên rớt để thương người !)
Ta--thằng ôm hận tú tài đôi
Không biết tìm ai mà kể lẻ
Chim lớn thôi đành cam rớt lệ
Ngày ta buồn thần thánh cũng thôi linh !*

*Nếu vì em mà ta phải điên tình
Cơn giận dữ đã tận cùng mê muội
Thì đừng sợ Duyên ơi thiên tài yếu đuối
Tay tre khô mối mọt ăn luôn
Để gầy dòn miếng vụn tả tơi xương
Khi tàn bạo siết cổ người yêu máu !*

*Em chẳng bao giờ rung động cũ
Ta năm năm nghiệt ngã với tình đầu
Nên trở về như một con sâu
Lê chân mỏng qua những tàn cây rậm
Nuôi hy vọng sau ngàn mưa nắng lậm
Lá-xanh-em chưa dấu lờ loang nào
Để ta còn thi sĩ nhất loài sâu
Nhìn lá nõn, tiếc, thềm...đâu dám cắn !*

*Nếu vì em mà thiên tài chán sống
Thì cũng vì em ta ngại bước xa đời !
(1972)*

Bài tạ lỗi cùng người

1.
*Năm Năm trời...ta làm tên quái đản
Cầu danh trên nước mắt của người tình
Năm năm trời có nhục, có vinh
Có chua, chát, ngọt bùi, cay, đắng...
Có hai mái đầu chia nhau thù oán
Có thằng ta trút nạn xuống vai em !*

*Năm năm trời có một tên Duyên
Ta ca tụng, rồi chính ta bôi lọ
Tình ta đẹp nhưng tính ta còn nít nhỏ
Nên lỗi lầm đã đục màu sông
Nếu em còn thương mến tuổi mười lăm
Xin nuốt hận mím môi cười xí xóa
Hòn ta đẹp nhưng đời ta thảm quá
Nên tị hiềm nhen nhúm giữa ngây thơ*

*Nếu em còn chút đỉnh mộng mơ
Xin rộng lượng thứ dung người-lỡ-dại !*

*Năm năm trời ta làm tên chiến bại
Tìm mưu thâm hạ thủ đê hèn
Và lần nào ta lên lút đâm em
Bằng những ngọn dao mù lòng quáng dạ
Duyên oằn oại cũng là Duyên sáng giá
Bởi trước đây ta đã tự đâm mình !*

*Năm năm trời đeo đuổi hư danh
Ta mấy kiếp vẫn là ta mắc nợ
Mình hậu thế cách chi mà gặp gỡ ?
Bởi vì ta không dễ được đầu thai !
Nếu được đầu thai, không dễ được làm người !
(Dù chỉ được làm người trên đất ...mọi !)*

2.
*Ta háo thắng, nên tưởng mình cứng cõi
Tưởng đâu mình cứng cõi giết tình yêu
Tưởng đâu mình quan - để tuyệt đường siêu
Giờ ngã ngựa, tiểu nhân như ... Tào Tháo !*

*Tao háo thắng nên thành người trâng tráo
Bị đời khinh nên giờ giọng khinh đời !
Kỷ niệm đầu thorn ngát cả đôi môi
Ta nông nổi đưa tay cầm chén máu !*

3.
*Năm năm trời có tình giống nghĩa bảo
Có con sông chờ cuốn kẻ quên bờ
Có trăm ngàn cành lá trúc đào khô
Rơi rụng trước sân nhà em thổn thức...*

*Duyên kiêu hãnh cũng là Duyên chết giấc !
Sau năm Năm hôn chắc lạnh như mồ (?)
Ta ngày này, tạ lỗi một bài thơ
Em hãy rán thuộc lòng cho trẻ lại !
(1972)*

&&&

*Phụ đính: Một bạn tên Hoàng Trâm có hỏi về tiểu sử của Nguyễn Tất Nhiên.
Đây là một vài chi tiết về ông : Sinh năm 1952 tại quận Đức Tu, Biên Hoà. Học trung học tại trường Ngô Quyền. Học 1 năm ở đại học Văn Khoa. Làm thơ rất sớm, và cũng vì đó mà cuộc đời lận đận. Ở lại cho đến năm 1978 thì trốn được qua Pháp, ba năm sau qua Hoa Kỳ.*

Sau khi định cư tại Mỹ Nhiên lập gia đình với Nguyễn Thị Minh Thủy, một người bạn quen từ Biên Hoà. Hai người có được hai con trai. Nhưng cuộc sống bê tha của người nghệ sĩ không làm cho Thủy và Nhiên được hạnh phúc. Hai người ly thân, và Thủy quyết định dẫn hai đứa con

bỏ đi. Trong khi đó Nhiên càng lúc càng trở nên bệ rạc với cuộc sống.

Vào một đêm của năm 1992, khi biết mình không còn ý nghĩa với cuộc đời nữa, Nhiên chạy xe đến một ngôi chùa mà Nhiên thường tạm trú. Đậu xe trong sân chùa, Nhiên uống thuốc và tự giết mình.

Cuộc đời của Nhiên có thể gom vào hai câu thơ mà anh đã làm:

*"Ta mấy kiếp vẫn là ta mắc nợ
Hồn ta đẹp nhưng đời ta thảm quá "*

Nguyễn Tất Nhiên và thơ phổ nhạc, thơ *Tâm Dung*

Anh nổi tiếng rất sớm. Vì thơ anh đi sớm hơn bước chân còn ngại ngùng bỡ ngỡ của thế hệ trẻ thời ấy và qua phong trào hiện sinh mô phỏng trể tràng trên đất nước đói nghèo, chiến tranh. Anh nói được tiếng nói của tình yêu tuổi trẻ với sân trường, thi cử, chiến tranh, mất mát, hoài vọng, tuyệt vọng... Chẳng phải sớm gì trong thể loại thơ, mà sớm trong phong cách biểu hiện. Anh dùng thứ ngôn ngữ của thời đại, rất hiện thực, không đẽo gọt; vậy mà thứ ngôn ngữ ấy bỗng nhiên mới, lạ, và được đón nhận nồng nhiệt.

Bắt được giọng thơ tươi rói và đầy sức thu hút của anh, một nhạc sĩ tài danh phổ ngay thơ của anh thành nhạc, làm rung động bao trái tim cuồng nhiệt yêu đương thời chiến loạn. Vậy rồi thơ anh cất lên thành cơn sóng lớn, vượt bờ. Không ai mà chẳng biết thơ anh, không ai mà không hát nhạc phổ thơ của anh. Hãy đọc một số bài thơ được phổ nhạc và nên nhớ rằng lúc ấy, Nguyễn Tất Nhiên chỉ mới xấp xỉ ở tuổi hai mươi, để thấy cái tài hoa dị thường của anh:

Khúc buồn tình

1.
Người từ trăm năm
về ngang sông rộng
ta ngoắc mồn tay
... trùng trùng gió lộng
(thà như giọt mưa
vỡ trên tượng đá
thà như giọt mưa
khô trên tượng đá
có còn hơn không
mưa ôm tượng đá)

người từ trăm năm
về khơi tình động
ta chạy vòng vòng
ta chạy mồn chân
nào hay đời cạn!
(thà như giọt mưa
vỡ trên tượng đá
thà như giọt mưa

khô trên tượng đá
có còn hơn không
mưa ôm tượng đá)

người từ trăm năm
về như dao nhọn
ngọt ngào vết đâm
ta chết âm thầm
máu chưa kịp đổ
(thà như giọt mưa
vỡ trên tượng đá
thà như giọt mưa
khô trên tượng đá
có còn hơn không
mưa ôm tượng đá)

2.

thà như giọt mưa
gieo xuống mặt người
vỡ tan vỡ tan
nào ta ân hận
bởi còn kịp nghe
nhịp run vội vội
trên ngọn lông măng
(người từ trăm năm
vì ta, phải khổ!)
(1970)

Trong tình yêu, thơ anh táo bạo vay mượn những hình ảnh thánh thiện để ví von mình, ví von người tình. Có thể nói lối vay mượn này là bước khai phá có một không ai của anh vào thời ấy, khiến thơ anh càng thêm phần đặc dị, ngời sáng, mà lại gần gũi biết bao với tâm tình giới trẻ.

Ma Sœur

đưa em về dưới mưa
nói năng chi cũng thừa
phất phơ đời sương gió
hồn mình gần nhau chưa?

tay ta từng ngón tay
vuốt lưng em tóc dài
những trưa ngồi quán vắng
chia nhau tình-phôi-thai
xa nhau mà không hay
(hỡi em cười vô tội
đeo thánh giá huy hoàng
hỡi ta nhiều sám hối
tính nét vẫn hoang đàng!)

em hiền như "ma sœur"
vết thương ta bốn mùa

trái tim ta làm mũ
"ma sœur" này "ma sœur"!
có dịu dàng ánh mắt?
có êm đềm cánh môi?
ru ta -- người bệnh hoạn
ru ta suốt cuộc đời
(cuộc đời tên vô đạo
vết thương hành liệt tim!)

đưa em về dưới mưa
xe lăn đều lên dốc
chở tình nhau mệt nhọc!

đưa em về dưới mưa
áo dài sầu hai vạt
khi chấm bùn lụa thừa...

đưa em về dưới mưa
hỡi em còn nít nhỏ
chuyện tình nào không xưa?

vai em tròn dưới mưa
ướt bao nhiêu cũng vừa
cũng chưa hơn tình rụng
thấm linh hồn "ma sœur" ...
(1971)

Linh Mục

1.
dĩ vãng là địa ngục
giam hãm đời muôn năm
tôi -- người yêu dĩ vãng
nên sống gần Sa-tăng
ngày kia nghe lời quỷ
giáng thể thêm một lần
trong kiếp người linh mục
xao gầy cơn điên trắng!

2.
vì tôi là linh mục
không mặc áo nhà giòng
nên suốt đời hiu quạnh
nên suốt đời lang thang!

vì tôi là linh mục
giảng lời tình nhân gian
nên không có thánh kinh
nên không có bản đạo
nên không có giáo đường
(một tín đồ duy nhất)

vừa thiêu hủy lầu chuông!)

vì tôi là linh mục
phổ lời tình nhân gian
thành câu thơ buồn bã
nên hạnh phúc đâu còn
nên người tình duy nhất
vừa thiêu hủy lầu chuông!

vì tôi là linh mục
không biết mặt thánh thần
nên tín đồ duy nhất
cũng là đáng quyền năng!

3.

tín đồ là người tình
người tình là ác quỷ
ác quỷ là quyền năng
quyền năng là tín đồ
tín đồ là người tình
thiêu hủy lầu chuông tôi
(vì tôi là linh mục
giảng lời tình nhân gian!)

4.

vì tôi là linh mục
không biết rửa tội người
nên âm thầm lúc chết
tội mình còn thâm vai...
(1970)

Đụng chạm, lôi kéo những biểu tượng linh thiêng, đưa vào thơ và đưa vào tình yêu đời thường. Vậy mà anh chẳng làm mất lòng ai. Người ta vẫn cứ thích thú ca hát lời thơ của anh:

Hai năm tình lận đận

1.

hai năm tình lận đận
hai đũa cùng xanh xao
mùa đông, hai đũa lạnh
hơi thở dài như nhau (?)

hai năm tình lận đận
hai đũa cùng hư hao
(em không còn thất bính
nuôi dưỡng thời ngây thơ
anh không còn luýnh quýnh
giữa sân trường trao thư!)

hai năm tình lận đận
hai đũa đành xa nhau

em vẫn còn mắt biếc
anh vẫn còn nôn nao
ngoài đường em bước chậm
trong quán chiều anh ngắm cổ cao...

2.

em bây giờ, có lẽ
toan tính chuyện lọc lừa
anh bây giờ, có lẽ
xin làm người-tinh-thua
chuông nhà thờ đổ mệt
tượng Chúa gầy hơn xưa
Chúa bây giờ, có lẽ
rơi xuống trần gian, mưa
(dù sao thì Chúa cũng
một thời làm trai tơ
dù sao thì Chúa cũng
là đàn ông... đại khò!)

anh bây giờ, có lẽ
thiết tha hơn tín đồ
nguyện làm cây thánh giá
trên chót đỉnh nhà thờ
cô đơn nhìn bụi bặm
làm phân bón rêu xanh
(dù sao cây thánh giá
cũng được người nhân danh!)

3.

hai năm tình lận đận
em đã già hơn xưa!...
(1972)

Anh thoát ra khỏi những hình ảnh và ngôn ngữ thơ chất lọc, sang cả quý phái của nền thơ truyền thống. Thơ anh, không cứ là trăng là gió, là bến nước, bờ mây, tóc thề và áo dài bay tha thướt, mái tranh, cây đa hay gốc chuối... (như thể là người thơ cứ suốt đời ở nhà quê, cảnh cũ!) mà thay vào đó là những hình ảnh rất thực của thị thành với "tóc demi garçon", tóc bính, cột điện, với xe đạp, cà phê, cà phê đá, rạp cải lương, nhà ga và toa tàu, mùa thi với văn bằng... Tự ví mình như là một gã nông cuồng, là người phá phách, là người vô đạo, là sa-tăng ác quỷ... nhưng trên thực tế thì anh rất hiền, và trong tình yêu, thường là người thua cuộc, hoặc tự nguyện chịu thua cuộc. Trách người chỉ là trách nhẹ nhàng. Còn lại là trách mình.

Thơ tình của anh vì vậy mà phổ cập, mà thành của chung. Ai đọc cũng thấy, cũng nghe được nhân dáng và kinh nghiệm của chính mình trong ấy. Từ thứ tình yêu reo vui, nháy múa theo nhịp chân của "cô Bắc-kỳ nhỏ nhỏ" cho đến tình yêu của người tuyệt vọng... anh nói thay mọi người bằng thánh ca của tình yêu.

Nhưng đặc biệt là lúc khổ đau vì tình, thơ anh chùng xuống, gãy đổ, nát tan... và quả là anh đã đi thật sớm, trước thế hệ của anh, trong sự cảm nhận cũng như lối biểu đạt về tình yêu:

Thiên thu

sao thiên thu không là xa nhau?
nên mưa xưa còn giăng ngang hồn sầu
tôi đứng như cây cột đèn gãy gập
và một con đường cúp điện rất lâu!

sao thiên thu không là chôn sâu?
nên nắng xưa còn hanh mái tóc nhàu
tôi đứng như xe tang ngừng ngập
và một họ hàng khăn trắng buồn đau!

sao thiên thu không là đường chim?
nên mây năm xưa còn trên tay phiền
tôi đứng như tường vôi luống tuổi
và những tàng xanh chùm gởi quê hèn!

sao thiên thu không là lãng quên?
nên tình xưa còn cháy âm thầm
tôi đứng như căn nhà nám lửa
và những người thân trốn chạy vội vàng!

sao thiên thu không là sương tan?
nên mặt trời xưa còn gượng huy hoàng
tôi đứng như dòng sông yên lặng
và những cánh buồm kiệt sức lang thang!

sao thiên thu không là thiên thu?
nên những người yêu là những ngôi mờ
tôi đứng một mình trong nghĩa địa
và chắc không đành quên khổ đau!
(1970)

Trong thơ lục bát, anh vẫn theo vần nhịp cũ nhưng lối diễn đạt rất là thành thơi, thoải mái, tự nhiên như nói chuyện. Đây, vần lục bát của hơn 30 năm trước:

Nên thời gian ấy ngùi trông

giọt mưa xanh mấy tuổi nàng
tôi nghe lá rụng như vàng áo xưa

hơi tàn tro ấm lần đưa
ba năm khơi lại cũng vừa đủ đau!

sớm, trưa, chiều, tối, ra, vào
người chưa yên nổi thâm xao xác lòng
nên thời gian ấy ngùi trông
khô như hạt bụi trưa ngừng ngập bay...

ba năm vượt sợi tình dài
ừ, tôi còn vụng ngón-tay-dậy-thì
thuở nào sầu đã lâm ly
giờ thêm già héo (nhiều khi hận thù!)

lửa đom đóm mỗi mòn, lu
nhưng tôi cứ buồn vì vu thối hoại

mưa thì mưa thả phai phai
rồi sau đó sẽ một vài tang thương
bởi quen cầm lược soi gương
biết ai ôm gối mộng thường lâu chẳng?

giọt mưa xanh mấy tuổi nàng
tôi nghe lá rụng như vàng áo xưa...
(1970)

Hôm nay

khi không tình nào nùng buồn
gót chân ai bỏ con đường nhớ nhung
gót chân ai nhẹ vô cùng
dẫm lên xác-lá-tôi từng tiếng kêu
gót chân ai bước, nhẹ hều
bước qua tôi, bước, hư nhiều thói quen!

khi không tình nào nùng buồn
nhớ hôm qua vẫy tay ngừng ngập xa
tóc ai ngắn ngắn, như là
suốt đời chưa chịu thiệt thà chắm vai
suốt đời khét nắng rong chơi
kể như hơi hướm bàn tay tôi, thừa!

mừng em sớm biết lọc lừa
biết ngây thơ giả -- biết đùa với đau!

biệt ly dù ở ga nào
cho tôi ngồi một toa tàu lãng quên...
(1974)

Đó là Nguyễn Tất Nhiên của tuổi hai mươi, với *tình* qua tập *Thơ Nguyễn Tất Nhiên*; và bây giờ hãy đọc Nguyễn Tất Nhiên với “*tâm*” qua *Tâm Dung*. Tập trước được xuất bản năm 1980 (gồm lại những bài thơ cũ trước năm 1975 và một số ít cuối thập niên 70) khi anh mới vượt biên ra hải ngoại; tập sau được xuất bản 9 năm sau đó.

Tựa tập thơ là *Tâm Dung*, bao gồm nhiều bài thơ bắt đầu bằng chữ TÂM (như Tâm khai, Tâm sân, Tâm hoa, Tâm xuân, Tâm hồng, Tâm hương, Tâm mưa, Tâm sương, Tâm ca, Tâm cảm...) được chính tác giả mở đầu bằng một đoạn rất thâm trầm về tư tưởng Phật giáo, khiến người đọc có cảm tưởng là sẽ được đọc một tác phẩm về Thiền vậy:

*"Dung, theo nghĩa dung chứa.
Năm lần Phật chỉ cho ngài A Nan, tâm là cái thấy.*

Lấy cái thấy phân biệt để chỉ cái thấy vô phân biệt, lấy cái tâm vọng để chỉ cái tâm chơn, lấy ngón tay phàm phu để dụ như ngón tay Phật chỉ trăng. Kể trèo đèo này chỉ mong góp một cơn cơn Phật sự, vọng động chẳng?

Chỉ mong quý thiện hữu niệm tình: vọng mà biết mình vọng, còn hơn không."

Nguyễn Tất Nhiên

(Westminster, Ca. ngày 12/01/89)

Nhưng không. Dù mào đầu như thế, dù chọn lựa chủ đề và tựa đề như thế, thơ anh vẫn cứ là thơ, không phải là tập giáo nghĩa khô khan, cứng nhắc. Chỉ khác là anh đã chững chạc hơn (đĩ nhiên!), bớt bông đùa hơn, và trải đều lên những trang thơ là cõi lòng bát ngát của anh.

Tâm nguyệt

từ gót sen hài em hút dẫu
sầu tôi như lá thẩn thờ bay
ví dù lá ngập đường em bước
lá cũng xin đừng bận gót ai...

từ mắt chia lòng sông cách núi
sầu tôi như bụi khắp không gian
ví dù bụi ố hoen màu trắng
bụi cũng xin đừng vương mắt xanh...

từ tóc bay xuôi dòng quá khứ
sầu tôi như bóng lặng lơ trôi
ví dù bóng đặng đeo tròn kiếp
bóng cũng xin dòng tóc thành thời...

từ hơi thở của không gian khác
sầu tôi như lịch nhẵn nha rơi
mỗi ngày thiên hạ hồn nhiên xé
lịch mới, như tờ-thương-nhớ-tôi!

từ hoa môi của bình minh khác
núi đồi vắng cả tiếng thông reo
chim thôi cười chúc mừng hoa lá
thành-phố-tôi già ho động cơ

từ vỡ, lành trăng lồng bóng nước
từ em là nguyệt lộng đời sông
từ tôi là một dòng tâm nguyệt
sông có trăng cười sông xóa trăng...
(06/01/1989)

Tâm duyên

1.
mùa hè anh lên núi
thấy tóc em lành nhiên
cười theo chiều, gió tối
trời đi vào giấc yên

cho sự sống duyên hiền
từng búp hoa huệ nhỏ
cho sự sống hương êm
từng thoảng hoa huệ thờ
sự sống trắng tinh im
từng nụ quan-âm nở
im lặng là xin dâng
tặng đời bông hoa nữa...

mùa hạ anh ra đường
thấy mới tinh tất cả
thấy nắng nôi dịu dàng
đang vuốt ve cây cỏ
thấy cây cỏ dễ thương
đang làm duyên, tóc xõa
thấy lửa trời nung ngon
chín bòn bon sự sống
thấy sự sống nhịp nhàng
theo đỏ, vàng, xanh, đỏ...
thấy phổ xá từ tâm
đền cười hoa ba đóa...
(17/01/89)

Rõ ràng là anh đã học ở đâu, từ những vật vô tri, từ người tình, từ cuộc đời, từ nỗi buồn đau, từ cơn thất chí, từ niềm tuyệt vọng, từ cơn bệnh tưởng, từ một nền đạo lý hun đúc tâm anh, hay từ tất cả những thứ trên: đức khiêm nhẫn và lòng tha thứ, chịu đựng vô cùng:

Tịch khúc

buồn ơi...
tôi bỏ tôi chìm đắm
trong tiếng làm thình của ghé bàn
ghé bàn không sẽ chia sầu thảm
nhưng biết làm thình lặng cảm thông
bàn ghé đâu như người vui nhâm
tọc mạch đời nhau để miệng mồm
buồn ơi, tôi muốn như bàn ghé
chịu đựng đời không biết thờ than!

buồn ơi...
tôi bỏ tôi tàn tạ
lạy đời xin một bận ngó lơ
lần té nặng này tôi muốn giữ
cho tim đừng hối hận trèo cao
lần té nặng này tôi muốn sống
buồn ơi, đừng giết chết tình nhau
buồn ơi, tôi muốn hôn đời sống
dù môi nhau nứt nẻ thương đau!

buồn ơi...
tôi bỏ tôi ngây dại

có phải thu-bồn chớ tóc ai
có phải lần run tay vuốt đái
là lần đời biết thứ tha tôi
có phải lần xin tay nắm... đái
là lần té gập dưới bàn tay?
buồn ơi, tôi muốn dâng đời sống
một đóa hồng đau đớn tuyệt vời!

buồn ơi...
tôi bỏ tôi rời rã
bất lực làm sao trước cuộc đời
ừ nhỉ, trước giờ tôi chiến đấu
cho niềm bất lực buổi hôm nay!
ừ nhỉ, bây giờ tôi mới biết
ghế bàn nên kính trọng như thầy
bàn ghế dạy tôi điều nhẫn nhục
dạy tôi bình thân thứ tha đời
bàn ghế có bao giờ bất lực
có bao giờ biết đợi trông chi
buồn ơi, tôi muốn như bàn ghế
thương đời như thể bỉ khinh thôi!

buồn ơi...
tôi bỏ tôi gần chết
tay đời bít lối chẳng ngưng tay
u đầu sút trán lao vào vách
tội tình tôi sao nặng thế này?

buồn ơi...
trong đám đông tàn nhẫn
một người chứng kiến đủ cho tôi
nhờ ai, tôi đã thành tâm nhẫn nhờ ai,
tôi phục dưới chân đời
buồn ơi, tôi muốn như dòng lệ
cay đời như kẻ thích ăn cay!

buồn ơi...
tôi có tôi-bàn-ghế
nguyện hiến cho đời một tấm lưng
(13/01/89)

Sau đây là bài *Tâm Dung*, bài thơ được lấy đặt tên chung cho tập thơ. Bài thơ được đặt ở cuối tập. Không rõ sau bài này, Nguyễn Tất Nhiên còn những bài khác chăng. Nhưng đọc xong bài này, tôi nghĩ đời thơ của anh đến ngang đây cũng quá đủ rồi. Không cần phải thêm một bài nào nữa. Đây không phải là một bài thơ tuyệt tác của nền văn học nước nhà, mà là lời tỏ tình tuyệt vời của một tín đồ thuần thành của tình yêu, suốt đời chỉ tận tụy yêu, và tụng đọc bài kinh yêu.

Sau đây là vài trích đoạn:

Tâm dung

1.

có thể nào trẻ thơ sống bên ngoài lòng mẹ? có thể nào anh sống ngoài tầm mắt em?

...

4.

vì người yêu thương trời đất cũng yêu thương, vì em đang ban phát yêu thương, vì anh cũng là thành phần muôn một của đất trời, nên cho dù em không hay không biết yêu thương vẫn thấm nhuần đều trên cuống đọt ngàn xanh dù em không biết không hay anh vẫn lan âm thầm khắp mặt địa cầu bất đồng khí hậu nhưng phải chẳng em, nơi đá khô đất khô nào mà không diệp lục phải chẳng em, đồng hoang man dã nào mà không có hoa chỉ tay em? vì em đang ban phát yêu thương nên anh khẩn xin là cọng cỏ được lần nào của chân em, tội nghiệp cho anh lòng còn ham muốn, tội nghiệp cho anh một đơn thân cỏ dại đòi chỉ riêng dành cho ngón ngón nhíp nhàng nhíp từng mỗi nhíp tim...

5.

tình yêu sao mà đau khổ với khổ đau, toại nguyện phải chẳng là hạnh phúc? em lý lẽ gần nhau tình sẽ chết, vậy người ta sinh ra, sống, để làm chi?

6.

anh cô đơn ca hát vu vơ lời gì vô ý chỗ đám đông nơi con người dễ dàng phỉ báng kẻ điên khùng, ấy chết, anh chẳng thể viện lý do cuộc sống vắng em, dù em sẽ tin, nhưng thăm trái dưới chân có lời nào giải thích? dưới chân tình yêu, anh xin thành khẩn hứa chịu đựng ngang nhau hết thủy kẻ thân, thù.

.....

10.

anh muốn dụi tóc vào những ngón tay em cho hiện ra vài điểm bạc, cho thời gian đẹp phôi phai, cho sen lòng anh ngày mỗi thêm một đóa, cho hoa huệ hoa trang em đong đưa ngàn ấy búp nhỏ đơm hương cho gió tình thơm tho không phân biệt chiếm hữu, tự do.

11.

mặt đất kia phù sa đắp bồi cho lúa no hạt mơn mơn bông, ruộng lòng anh đong đòng tươm mẩn sữa vì em là mưa hạ nắng đông là suối sông nguồn lượng cho rễ ngon khoáng chất trắng hoa cành, vườn lòng anh xanh ngát tận chân trời vì em là yêu thương không phân biệt hoa nào là hoa hạnh phúc quả nào là quả đau thương.

12.

buổi sáng tinh khôi bừng mắt dậy thấy hoa lá không tên bóng động hình bên cửa sổ đùa gió vui sượng, môi cười theo hồn nhiên nụ, hoa cười hay anh cười? trưa trưa rực nắng chan vàng đồng hướng dương hực vàng một cánh ngút ngàn chân mây, những nụ cười hàm tiếu tròn đầy, anh cười hay hoa cười? chiều chiều nghiêng nghiêng nắng dịu nghiêng nghiêng mình chào người và người chào đáp lại, người cười hay tim cười? buổi tối anh ngon lành êm ả ngủ, thờ đều hòa nơi một kẻ ngón chân em, em thờ hay anh thờ...

(19/01/89)

Sau đó không thấy thơ Nguyễn Tất Nhiên nữa.

Rồi một hôm, nghe tin anh mất. Trên chiếc xe cũ, đậu dưới bóng cây, trong vườn một ngôi chùa. Đợi anh, lúc nào cũng đi sớm hơn kẻ khác. Có thể nói, giới hạn giữa sống-chết, qua *Tâm Dung* ấy, không còn nữa.

**Nguyễn Tất Nhiên, Minh Khúc
Đỗ Kh.**

Vào lúc nửa đêm ở ngoài sân chỉ còn một bóng vắn vơ đi qua đi lại vòng quanh mấy cái cây èo uột trong sân Trung tâm III Tuyển mộ nhập ngũ. Anh thanh niên này mặt cúi trầm ngâm nhịp 6 và nhịp 8 bước chân. Chắc là anh đang làm thơ. Tôi đi ra bắt chuyện và quả ra là vậy. Trên tay anh cầm một cuốn vở học trò.

Đó là vào năm 1974 ở miền Nam. Hai ngày nữa tôi sẽ chuyển sang trại tân binh tình nguyện đợi về đơn vị. Anh sẽ chuyển sang trại tân binh quân dịch và tôi sẽ không bao giờ gặp lại, nhưng cuộc chiến dù sao cũng sẽ chấm dứt trong vài tháng nữa. Bài thơ của anh trên giấy chép tay mà anh đưa cho tôi đọc, tôi chỉ nhớ có câu u uất, “*Đêm nghe trái bả đậu nổ*”. Cây bả đậu là những cây này, để nuôi và chóng lớn để cho các quân trường có một chút bóng mát, về khuya trái lớp bốp nổ nhưng không hẳn là để tập làm quen với tiếng súng sa trường. Nhưng điều mà tôi ấn tượng về người bạn chốc lát này là lúc anh ngẩng mặt và vung tay về phía cái sân vắng lặng: “Năm ngoái, Nguyễn Tất Nhiên đứng ở nơi đây”.

Vào thời điểm nói trên, thơ của Nguyễn Tất Nhiên qua những bài phổ nhạc là hiện tượng không thể tránh khỏi ở Miền Nam. Ca từ này đi vào đời thường, liếc đâu cũng thấy những cô Bắc kỳ nho nhỏ hiền như ma-sơ và cắt tóc *demi-garçon* trong khi các thanh niên thì nói năng chi cũng thừa nên chỉ chực leo lên nóc nhà thờ mà ôm thánh giá. Trẻ con thì rêu rao đầu ngõ “Thà như bò câu/ Chết được nhồi yến” thay vì “*Thà như giọt mưa/ Chết trên tượng đá*” và bao nhiêu lá trúc đào nắn nót bằng mực tím trên những vở học trò. Nói không ngoa, Biên Hòa trở thành văn hóa.

Nguyễn Tất Nhiên sau 1975 đầu tiên sang Pháp, có một tập thơ do Nam Á xuất bản, vào thuở in ấn ở nước ngoài còn phải chụp lại những chữ đánh máy lọc cọc rất thủ công. Tôi không được biết anh vào giai đoạn này mà là ở Bolsa, sau khi anh sang Mỹ định cư. 1987 hay 1988 là thời điểm cựa quậy của cộng đồng, như một đứa bé bắt đầu lớn. Báo chí đã có nhiều, và Nguyễn Tất Nhiên xuất hiện đều đặn, có lúc anh vào lãnh vực làm băng nhạc nhưng như một số nhà thơ, cuộc sống đối với anh là một chiếc áo mặc không vừa. Cuộc sống riêng tư, cũng như cuộc sống bên ngoài, xã hội, anh tay chân lóng ngóng. Bạn bè, gia đình, thân hữu đều nỗ lực giúp anh vá víu đến đâu hay đến đó, và chỉ có thể là tạm bợ.

Những bài “Minh khúc” là ở giai đoạn cuối này. Tôi gặp Nhiên bất thường, có bạn anh cho tôi xem bản nháp của một trường thi về lịch sử Việt Nam, chắc vì hai con anh còn bé và cũng như những đứa trẻ lớn lên ở nước ngoài không thích đọc *Đại Nam thực lục chính biên* hay *Hoàng Lê nhất thống chí*. Lúc đó Nhiên cười rất đỗi ngây thơ và cuộc đời thì chẳng ngây thơ chút nào cả. Lần khác, chẳng bao lâu sau, anh gửi cho tôi một bản hắt hiu đánh máy, có vài chữ anh chữa lại bằng tay. Kỷ vật của tôi không phải là những tờ giấy tôi đã đánh rơi đầu mắt này, mà là vài câu thơ tôi còn giữ trong một xó óc:

*Buồn ơi tôi thấy tôi bàn ghé
Nguyện hiến cho đời một tấm lưng*

Nguyễn Tất Nhiên đã ra đi, ngồi trong xe một mình ở một sân chùa vắng. Tôi không rõ là chùa nào và sân chùa này có trồng cây bả đậu hay không. Đám tang anh, tôi lái xe lạc đường và đến trễ sau khi mọi người đã ra về. Nhưng thôi, người chết thì chẳng đi đâu được và vẫn nằm đó.

Tập “Minh khúc” 10 bài này, Nguyễn Hoàng Nam vừa mới tìm lại thấy một bản. Đây không phải là những bài cuối mà là những bài Nguyễn Tất Nhiên có gom lại thành tập và photo thành vài bản. Một số bài trong tập đã được in trên báo dạp đó nhưng vào thời điểm internet chưa thông dụng nên không được lưu trữ trên mạng.

Minh khúc

*Bản thảo vừa hoàn tất, thân quý tặng
anh chị Hồ Thành Đức – Bé Ký và các cháu Cao – Cung – Hải Dương
Cali, 22.6.90*

Minh khúc, 89

*ví dù lá đổ đường xưa
ngoài hiên những nụ tình chưa muốn tàn*

*ví dù tóc gọi thời gian
ngàn mây phiêu lãng cũng cần suối sông*

*ví dù gỏi đã lia chẵn
thì chẵn gỏi cũng bao lần với nhau*

*ví dù trước đã lia sau
thì sau trước trước sau sao vẫn là
ai gieo tiếng dữ rồi ra
lược gương nhau nhé tình ta với mình!*

Westminster, CA, 14.7.89

Minh khúc 2

*khi mà, dòng đã xa sông
thì trăng vẫn chiếu buồn trong tháng ngày*

*khi mà, chim đã xa bay
thì cây vẫn trái tình hoài trông mong*

*khi mà, mò cỏ thu đông
thì xuân xanh vẫn phượng hồng hè xưa*

*khi mà, lạnh bếp tàn tro
me long lanh lá rừng chưa hết ngàn*

*đường duy tân – chợ bến thành
chân ai thả bộ còn in khước cười
đời quên sao có ngậm ngùi
đời nhớ sao lại có người cố quên?*

Westminster, CA, 19.7.89

Minh khúc 3

*khi em cùng nắng tan trường
áo đơm hương gió lòng thơm hương chiều
có người không biết rằng yêu
phần ai quả tráp khăn điều phúc ai?*

*khi em mỏng mảnh hình hài
nơ nhưng cho tóc đừng bay mất hồn
có người ngơ ngẩn hoàng hôn
hay hàng trụ điện suốt đường tương tư?*

*khi em bước nhẹ dường như
không gian mà một tờ thư tỏ tình
có người vừa tức giận mình
vừa không biết phải theo nhìn... để chi?*

*khi em là nắng xuân thì
là mưa trung học ước gì song đôi
có người – không phải là tôi
vì thơ tôi đẹp hơn tôi thất tình!*

Westminster, CA, 22.7.89

Minh khúc 4

*chút lòng, đáp lễ cho nhau
vết đau hạnh ngộ kiếp sau bù đền*

*chút tình, đáp nghĩa nhân duyên
dấu sinh ly mãi còn riêng vợ chồng*

*chút son thô, chắc đủ hồng
cho môi ai dễ thương còn thương thêm*

*em cười, không sót chút duyên
cho anh chê xấu mà quên chữ tình
em tươi, không sót chút hiền
cho anh chê nét không thêm dây dưa*

*thôi thì tan hợp nghìn xưa
thì thôi gió đập đồ đưa mặc đồ...*

Santa Ana, CA, 25.7.89

Minh khúc 5

*tay đèn ngoắc bóng phố khuya
phố khuya khuya phố chia lìa ước mơ
và, cô đơn giết mòn chờ
và, hun hút có ai ngờ vẫy theo?*

*cô liêu tôi đứng nghe chiều
bảo đêm khuya thức bao điều tàn phai
và, mang cũ kỹ thêm vài
và, tôi đứng đợi ngày mai chút già...*

Westminster, CA, 26.7.89

Minh khúc, 90

*đường không gian – đã phân ly
đường thời gian – đã một đi không về...*

*những con đường mịt sương che
tôi vô định lái chuyển xe mù đời
cu tí ngủ gục đâu rồi?
băng sau, ngoái lại, bồi bồi nhớ con!*

*đường trăm năm – nát tan lòng
đường ngàn năm – hận, xin đừng trả nhau!*

*những con đường cuối năm nào
cho tôi tìm lại cảnh đào ba sinh
khi em lẻ mề với tình
thấp nhang tạ tội sinh thành con đi...*

*đường chung đôi – đã chia đời
đường chia đôi – vẫn hơi người quấn quanh*

*chim đêm hát tiếng đau tình
đau tim tôi chờ lòng thành kiếm em...*

Westminster, CA, 2.1.90

Minh khúc 7

*ơn đời tha thứ cho nhau
ơn người buông thả nhau vào nhớ quên
ơn sông kỷ niệm dòng hiền
mang mưa hiện tại kêu thêm nhà
xưa:*

*nhà xưa
có lửa hương vừa
có đau đón đủ
có chưa trọn đời
có dòng nhấn nhục rơi
rơi... xuống môi run rẩy khóc muối trăm năm
có chung mang một chỗ nằm
có riêng quang gánh nên
đường đôi
nơi!*

*ơn chim hát tiếng thương người
sáng nay thức dậy
vườn đời
thiếu
nhau!*

Westminster, CA, 9.1.90

Minh khúc 8

*tình cần chẳng?
một làn hương ngát đau thương
trái tim mòn mỏi trông!*

*tình cần chẳng?
một dòng sông thủy chung
cùng bóng trăng nghìn trùng xa!*

*tình cần nhau chén khổ qua
chồng chan vợ húp thiệt thà khen ngon!*

*tình cần nhau cọng hành thơm
chút tiêu cho ngọt râu tôm ruột bầu!*

*tình đày nhau đến bao lâu
một duyên hai nợ thì âu cũng là...*

*tình đày nhau đến chia xa
lẽ đâu là... lẽ đâu là...
quạ kêu?*

Santa Ana, CA, 1.2.90

Minh khúc 9

*đong tình đong nghĩ cho nhau
trái tim nhân loại dù sao cũng còn
đâu đây, đâu đó, bên đường...
có thêm một tấm lòng thương tấm lòng!*

*nợ đời, trả kiếp chưa xong
ai đem đổ biển đổ sông nợ tình...*

*cho nhau nhiều ít chân thành
cũng như hương lửa ba sinh hãy còn
sẻ chia khúc ruột đoạn trường
kẻo vua lê trách chàng trương phũ phàng!*

*nợ đời, trả chút văn chương
nợ tình, ừ, trả con đường em đi...*

*sông không trách nước không về
qua sao trách bụi lối nghì trúc mai
chỉ xin sợi vắn sợi dài
tóc mai nhả gió thương hoài ngàn năm...*

*bữa qua qua bỗng đau lòng
nhớ hôm bậu hát bài đừng xa nhau...*

Westminster, CA, 27.4.90

Minh khúc 10

*đẩy nhau đến tận tận đời
đủ chưa? đau khổ bật lời yêu thương
hiu hiu gió nhẹ nhàng, thường
bóng cây thư thả động lòng tháng năm...*

*xô nhau cuối tận đường hầm
gặp chưa? tia sáng từ tâm nhiệm màu
hay là hóc hiểm thâm sâu
vẫn nuôi ích kỷ cho màu tàn phai...*

*đi nhau trên những đường dài
đâu đâu cũng tiếng người thay đổi lòng
rồi sao? có thấy chi không?
con ơi, bố mẹ diễn tuồng sinh ly...*

Santa Ana, CA, 21.6.90